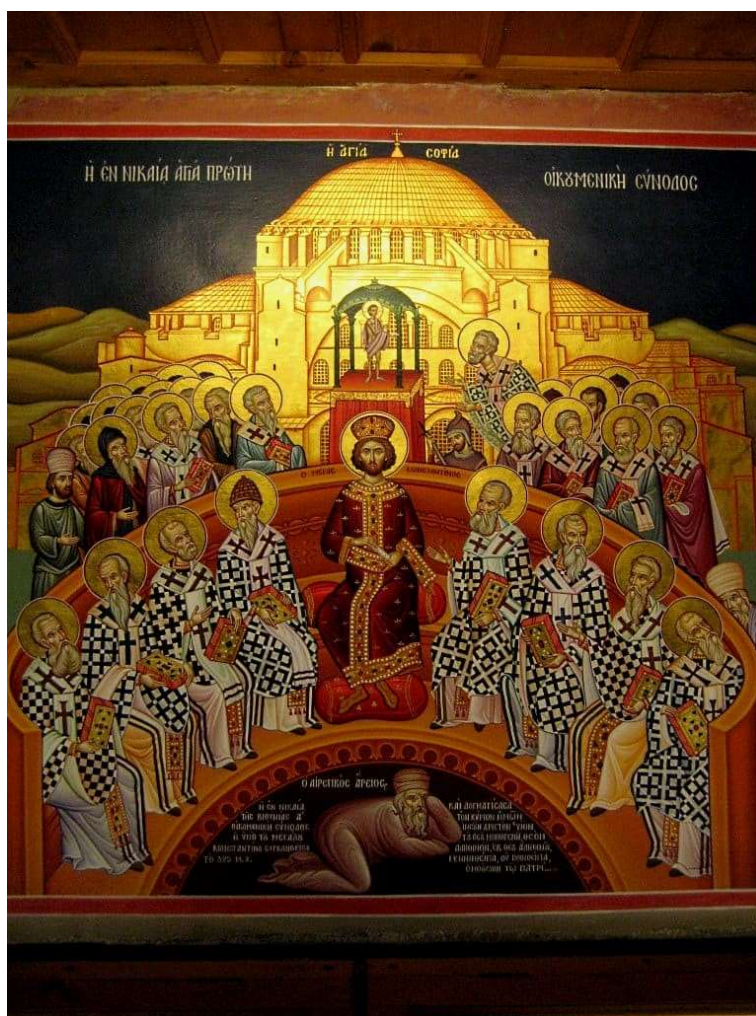


# Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Rỗi

*Văn kiện của Ủy Ban Thần học Quốc tế  
để Kỷ niệm 1,700 năm [325-2025] Công đồng Nicée*



*Vũ Văn An chuyên ngữ,  
Sydney 2025*

## Giới thiệu

Theo Charles Collins của tạp chí mạng Crux xuất bản ngày 4 tháng Tư, 2025, khi Giáo Hội Công Giáo kỷ niệm Năm Thánh 2025, cũng là lúc đánh dấu Kỷ niệm 1,700 năm Công đồng Chung Nicée. Công đồng Chung đầu tiên diễn ra vào năm 325 và chống lại tà giáo Arius, phủ nhận thiên tính thực sự của Chúa Giêsu Kitô. Đây là lý do tại sao Kinh Tin Kính Nicée được đọc vào mỗi Chúa Nhật trong Thánh lễ – tuyên bố rằng Chúa Giêsu là “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, ánh sáng bởi ánh sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra chứ không phải được tạo thành, đồng bản thể với Chúa Cha”.

Hôm thứ năm vừa qua, Ủy ban Thần học Quốc tế đã công bố tài liệu “Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Rỗi: Kỷ niệm 1700 năm Công đồng Chung Nicée (325-2025)”, để nêu rõ: đức tin của Nicée là đức tin chung của tất cả các Kitô hữu.

“Do đó, năm 2025 là cơ hội vô giá để nhấn mạnh rằng những điểm chung của chúng ta mạnh hơn nhiều, về mặt định lượng và định tính, so với những gì chia rẽ chúng ta: Tất cả chúng ta cùng nhau tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi, vào Chúa Kitô, con người thật và Thiên Chúa thật, sự cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô, theo Kinh thánh được đọc trong Giáo hội và theo ý muốn của Chúa Thánh Thần,” tuyên bố cho biết.

“Cùng nhau, chúng ta tin vào Giáo hội, phép rửa tội, sự phục sinh của người chết và sự sống vĩnh cửu. Công đồng Nicée được các Giáo hội Đông phương đặc biệt tôn kính, không chỉ là một công đồng giữa những người khác hoặc là công đồng đầu tiên trong một loạt công đồng, mà là Công đồng tuyệt vời nhất,” tuyên bố tiếp tục.

Tài liệu từ Ủy ban Thần học Quốc tế cho biết năm 2025 là cơ hội để tất cả các Kitô hữu tôn vinh đức tin mà Công đồng đã tạo điều kiện để thể hiện.

“Lý thuyết thần học Đại kết, một cách hợp pháp, tập trung sự chú ý và nỗ lực của mình vào những nút thắt chưa được giải quyết trong những khác biệt của chúng ta, nhưng chắc chắn rằng việc cùng nhau kỷ niệm ngày kỷ niệm này, để tiến tới việc tái lập sự hiệp thông trọn vẹn giữa tất cả các Kitô hữu, để thế giới tin tưởng, không hề kém hiệu quả, nếu không muốn nói là hiệu quả hơn”, tuyên bố cho biết.

Tuyên bố cũng nói về thực tế là Lễ Phục sinh sẽ được cử hành vào cùng một ngày ở cả Giáo hội phương Tây và phương Đông, và chỉ ra rằng Công đồng Nicée cũng đã cố gắng thiết lập một ngày Lễ Phục sinh chung trong Giáo hội.

“Sự khác biệt của các Ki-tô hữu về hầu hết lịch của họ tạo ra sự khó chịu trong mục vụ trong các cộng đồng, đến mức chia rẽ các gia đình và gây tai tiếng cho những người không phải Ki-tô hữu, do đó làm tổn hại đến chứng tá của Tin mừng”, tuyên bố cho biết.

“Vì lý do này, Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Thượng phụ Đại kết Bartholomew và những người đứng đầu các Giáo hội khác nhiều lần bày tỏ mong muốn thiết lập một ngày để cử hành Lễ Phục sinh”, tuyên bố tiếp tục.

“Về vấn đề này, Giáo Hội Công Giáo vẫn cởi mở đối thoại và giải pháp đại kết. Ngay trong phần phụ lục của Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, Công đồng Vatican II đã không phản đối việc đưa ra một thời gian biểu mới và nhấn mạnh rằng điều này phải đạt được ‘với sự đồng ý của những người quan tâm, đặc biệt là những anh em đã tách rời khỏi hiệp thông với

Tòa thánh”, tuyên bố nêu rõ.

Chúng tôi xin chuyển sang tiếng Việt tài liệu của Ủy Ban Thần học Quốc tế dựa vào bản tiếng Pháp của Tòa Thánh

**ỦY BAN THẦN HỌC QUỐC TẾ:**  
**Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Rỗi,**  
**Kỷ niệm 1700 năm Công đồng chung Nicée 325-2025**

**Ghi chú sơ bộ**

Trong năm thứ 10 thành lập, Ủy ban Thần học Quốc tế đã quyết định đào sâu nghiên cứu về Công đồng Chung đầu tiên tại Nicée và sự liên quan về mặt giáo lý của công đồng này. Công việc này được tiến hành bởi một Tiểu ban đặc biệt do Cha Philippe Vallin làm chủ tịch, và bao gồm các thành viên sau: Đức ông Antonio Luiz Catelan Ferreira, Đức Giám Mục Etienne Vetö, I.C.N., Cha Mario Ángel Flores Ramos, Cha Gaby Alfred Hachem, Linh mục Karl-Heinz Menke, Giáo sư Marianne Schlosser, Giáo sư Robin Darling Young.

Các cuộc thảo luận chung về chủ đề này đã diễn ra tại các cuộc họp khác nhau của Tiểu ban và tại các phiên họp toàn thể của Ủy ban, được tổ chức trong những năm 2022-2024. Bản văn này đã được đệ trình để bỏ phiếu và được các thành viên của Ủy ban Thần học Quốc tế nhất trí thông qua *in forma specifica* [theo hình thức đặc biệt] trong phiên họp toàn thể năm 2024. Sau đó, bản văn này được đệ trình lên chủ tịch Đức Hồng Y Víctor Manuel Fernández, Bộ trưởng Bộ Giáo lý Đức tin, sau khi nhận được ý kiến thuận lợi của Đức Thánh Cha Phanxicô, đã cho phép công bố vào ngày 16 tháng 12 năm 2024.

**Dẫn nhập: Vinh tụng ca, thần học và công bố**

1. Ngày 20 tháng 5 năm 2025, Giáo Hội Công Giáo và toàn thể thế giới Kitô giáo tưởng nhớ với lòng biết ơn và vui mừng việc khai mạc Công đồng Nicée năm 325: “Công đồng Nicée là một cột mốc trong lịch sử của Giáo hội. Lễ kỷ niệm của nó mời gọi các Kitô hữu đoàn kết trong lời ca ngợi và tạ ơn Chúa Ba Ngôi và đặc biệt là Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, “đồng bản thể với Chúa Cha”, Đấng đã mặc khải cho chúng ta mầu nhiệm tình yêu này.[1] Điều này vẫn còn trong ý thức Kitô giáo chủ yếu thông qua Kinh Tin Kính, kinh này tập hợp, định nghĩa và tuyên bố đức tin vào ơn cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô và vào Một Thiên Chúa, Cha, Con và Thánh Thần. Kinh Tin Kính Nicée tuyên xưng tin mừng về ơn cứu rỗi toàn diện của con người bởi chính Thiên Chúa trong Chúa Giêsu Kitô. 1700 năm sau, vấn đề trước nhất là cử hành biến cố này trong một *Vinh tụng ca*, một lời ngợi khen vinh quang Thiên Chúa, vì nó đã được thể hiện trong kho tàng đức tin vô giá được diễn tả bởi Kinh Tin Kính: vẻ đẹp vô hạn của Thiên Chúa Cha, Đấng cứu rỗi chúng ta, lòng thương xót bao la của Chúa Giêsu Kitô Đấng Cứu rỗi chúng ta, lòng quảng đại của ơn cứu chuộc được ban cho mỗi con người trong Chúa Thánh Thần. Chúng ta cùng cất tiếng hát với các Giáo phụ, như Thánh Ephrem người Syria, để hát lên vinh quang này:

“Vinh danh Đấng đã đến  
Nơi chúng ta qua đứa con đầu lòng của Người!  
Vinh quang Đấng Im Lặng  
Đã nói lên bằng giọng nói của mình!  
Vinh quang Đấng cao cả  
Đấng đã trở thành hữu hình qua sự Hiện Linh của Người!  
Vinh quang cho Đấng Thiêng liêng,  
Đấng hài lòng  
Đề Con của Người trở thành thân xác,

Đề qua thân xác này, sức mạnh của Người sẽ trở nên hữu hình  
Và thông qua thân xác này Thân thể con cái dân Người có sự sống! »[2]

2. Ánh sáng do công đồng Nicée soi rọi về sự mặc khải của Kitô giáo cho phép chúng ta khám phá ra một kho tàng vô tận, tiếp tục tồn tại qua nhiều thế kỷ và các nền văn hóa để tìm ra chiều sâu, và tự bộc lộ trong những khía cạnh mới mẻ và tươi đẹp hơn bao giờ hết. Những khía cạnh khác nhau này đặc biệt được làm sáng tỏ thông qua cách đọc câu nguyện và thần học mà phần lớn các truyền thống Kitô giáo thực hiện đối với Kinh Tin Kính, mỗi cách có mối quan hệ khác nhau với biến cố hiện hữu của kinh. Đây cũng là cơ hội để mọi người tái khám phá hoặc thậm chí khám phá ra sự phong phú của nó và mối liên kết hiệp thông giữa tất cả các Kitô hữu mà nó có thể tạo nên. "Làm sao chúng ta có thể không nhớ đến tầm quan trọng đặc biệt của một lễ kỷ niệm như vậy trong việc phục vụ cho việc tìm kiếm sự hiệp nhất trọn vẹn của các Ki-tô hữu?"[3], Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhấn mạnh.

3. Công đồng Nicée là công đồng đầu tiên được gọi là "đại kết", vì lần đầu tiên các giám mục của toàn bộ *Oikoumenē* [thế giới có người ở] được mời[4]. Do đó, các nghị quyết của Công đồng phải có phạm vi đại kết, nghĩa là phổ quát: chúng được các tín hữu và truyền thống Kitô giáo chấp nhận như vậy trong một quá trình dài và gian khổ. Vấn đề giáo hội học rất quan trọng. Kinh Tin kính này là một phần của phong trào tiếp thu dần dần ngôn ngữ và các khuôn mẫu tư tưởng Hy Lạp theo giáo lý của Kitô giáo, bản thân chúng đã được biến đổi khi tiếp xúc với Mặc khải. Công đồng cũng đánh dấu tầm quan trọng ngày càng tăng của các công đồng và các phương thức quản trị công đồng trong Giáo hội của những thế kỷ đầu tiên, đồng thời tạo nên một bước ngoặt lớn: phù hợp với *exousia* [thẩm quyền] được Chúa Giêsu và Chúa Thánh Thần ban cho các Tông đồ (Lc 10:16; Cv 1:14-2, 1-4), biến cố Nicée thực sự đã mở đường cho một cách phát biểu thẩm quyền mới mang tính định chế trong Giáo hội, thẩm quyền có phạm vi phổ quát hiện được công nhận trong các công đồng chung, cả về học thuyết lẫn kỷ luật. Bước ngoặt quyết định này trong cách suy nghĩ và quản lý trong cộng đồng các môn đệ của Chúa Giêsu sẽ làm sáng tỏ những yếu tố thiết yếu của sứ mệnh giảng dạy của Giáo hội, và do đó là bản chất của Giáo hội.

4. Cần phải làm rõ trước khi đi vào xem xét thêm. Chúng tôi dựa vào Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople (381) chứ không hoàn toàn dựa vào kinh được soạn thảo tại Nicée (325). Trên thực tế, phải mất khoảng năm mươi năm để chấp nhận từ vựng của Kinh Tin Kính Nicée và thống nhất về phạm vi phổ quát của công đồng đầu tiên. Quá trình tiếp nhận Kinh Tin Kính Nicée tiếp tục diễn ra trong cuộc xung đột với Pneumatomachus giữa Nicée và Constantinople, đưa ra một số thay đổi quan trọng về mặt bản văn, đặc biệt là ở điều khoản thứ ba. Tuy nhiên, theo ý kiến của các Giáo phụ, quá trình này, dẫn đến Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, không liên quan đến bất cứ sự thay đổi nào đối với đức tin Nicée, mà là sự bảo tồn chân thực của đức tin này. Theo nghĩa này, phần mở đầu của định nghĩa tín điều về Chalcedoine, được đưa ra sau bản sao của Kinh Tin Kính Nicée và Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, "xác nhận" những gì đã được nói trong Kinh Tin Kính của "150 Giáo Phụ" (Constantinople), vì ý nghĩa của nó, theo các điều khoản riêng của nó, nằm trong việc chỉ rõ những gì liên quan đến Chúa Thánh Thần chống lại những người phủ nhận quyền tối cao của Người[5]. Quy mô của những gì đã xảy ra tại Nicée được thể hiện trong lệnh cấm áp dụng cho Công đồng Éphèse về việc ban hành bất cứ công thức đức tin nào khác [6], bởi vì trong những khoảnh khắc sau Nicée, những người ủng hộ chính thống giáo nghĩ rằng sự phân định kết tinh trong Kinh Tin Kính Nicée sẽ đủ để đảm bảo đức tin của Giáo hội mãi mãi. Ví dụ, Athanase sẽ nói về Nicée rằng đó là "lời của Thiên Chúa tồn tại mãi mãi" (Is 40:8) [7]. Quá trình sống động và chuẩn mực của Truyền thống này tiếp tục diễn ra giữa thế kỷ thứ 4 và thế kỷ thứ 9, thông qua việc áp dụng trong các nghi lễ rửa tội, đặc biệt là ở phương Đông, sau đó

là trong các nghi lễ Thánh Thể. Xin lưu ý rằng *Filioque* [và Đức Chúa Con], được tìm thấy trong các phiên bản Kinh Tin Kính hiện tại của phương Tây, không phải là một phần của bản văn gốc của Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, mà tài liệu này dự định dựa trên [8]. Điểm này vẫn tiếp tục là chủ đề gây hiểu lầm giữa các giáo phái Kitô giáo, vì vậy cuộc đối thoại giữa Đông và Tây vẫn tiếp tục cho đến ngày nay.

5. Vì vậy, trong chương đầu tiên, chúng tôi sẽ đề xuất đọc Kinh Tin Kính theo cách Vinh tụng ca, để nêu bật nguồn tài nguyên cứu rỗi và do đó là nguồn tài nguyên Kitô học, Ba Ngôi và nhân học của nó. Đây sẽ là cơ hội để nêu bật phạm vi của nó và nhận được động lực mới cho sự hiệp nhất của các Kitô hữu. Nhưng việc chào đón sự phong phú của Công đồng Nicée, 1700 năm sau, cũng giúp chúng ta nhận thức được cách Công đồng nuôi dưỡng và hướng dẫn đời sống Kitô hữu hằng ngày: trong chương thứ hai, mang nội dung giáo phụ, chúng ta sẽ khám phá cách đời sống phụng vụ và đời sống cầu nguyện được nuôi dưỡng trong Giáo hội sau Công đồng. Công đồng Nicée tạo nên bước ngoặt trong lịch sử Kitô giáo đến nỗi trong chương thứ ba, chúng ta sẽ tập trung vào cách mà Kinh Tin Kính và phiên họp Công đồng làm chứng cho biến cố Chúa Giêsu Kitô, Đấng đã xuất hiện trong lịch sử, mang đến sự tiếp cận chưa từng có với Thiên Chúa và dẫn nhập một sự biến đổi trong tư tưởng con người, hay nói cách khác là biến cố Khôn ngoan. Kinh Tin Kính và Công đồng cũng làm chứng một sự mới lạ trong cách thức Giáo hội Chúa Kitô được xây dựng và hoàn thành sứ mệnh của mình: chúng diễn giải những gì vốn là một biến cố của Giáo hội. Cuối cùng, trong chương thứ tư, chúng ta sẽ phân tích các điều kiện về độ tin cậy của đức tin được tuyên xưng tại Nicée trong một bước của thần học cơ bản, điều này sẽ làm sáng tỏ bản chất và căn tính của Giáo hội với tư cách là người giải thích chân lý chuẩn mực của đức tin một cách xác thực bởi Huấn quyền, người bảo vệ các tín hữu, đặc biệt là những người nhỏ bé và dễ bị tổn thương nhất.

6. “Khi thắp đèn, người ta không đặt nó dưới cái thùng, nhưng đặt trên đế đèn, và nó soi sáng cho mọi người trong nhà” (Mt 5:15). Ánh sáng này là Chúa Kitô, “ánh sáng của ánh sáng.” Ngạc nhiên về điều đó cũng chính là tìm ra động lực mới để trình bày tin mừng này với nhiều sức mạnh và sự sáng tạo hơn trong Chúa Thánh Thần. Ánh sáng này soi sáng một cách sống động thời đại của chúng ta, thời đại đầy rẫy bạo lực và bất công, đầy rẫy những điều bất trắc, duy trì mối quan hệ phức tạp với chân lý, mà đức tin và việc thuộc về Giáo hội dường như đang gặp khó khăn. Ánh sáng ấy càng rực rỡ và rạng rỡ hơn vì nó được chia sẻ bởi tất cả các Kitô hữu, những người có thể tuyên xưng đức tin của mình trong cùng một cuộc *tử đạo*, cùng một chứng tá, để góp phần thu hút những người nam và nữ ngày nay đến với Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa và là Đấng Cứu rỗi:

"Điều cốt yếu đối với chúng ta, đẹp nhất, hấp dẫn nhất và đồng thời điều cần thiết nhất là đức tin vào Chúa Giêsu Kitô. Tất cả chúng ta, nếu Chúa muốn, sẽ long trọng đối mới điều này trong Năm Thánh tiếp theo và mỗi người chúng ta được kêu gọi công bố điều này cho mọi người nam và nữ trên trái đất. Đây là nhiệm vụ cơ bản của Giáo hội" [9].

### **Chương một: Kinh Tin Kính cho ơn cứu rỗi, Vinh tụng ca và thần học của tín điều Nicée**

7. Cử hành Công đồng Nicée nhân kỷ niệm 1,700 năm thành lập trước hết là để thán phục trước Kinh Tin Kính mà Công đồng đã để lại cho chúng ta và trước vẻ đẹp của hồng phúc được ban tặng trong Chúa Giêsu Kitô, giống như ảnh tượng bằng lời nói. Do đó, chúng ta sẽ

bắt đầu nghiên cứu về Nicée bằng cách xem xét Kinh Tin Kính này để làm nổi bật sự bao la phi thường của đức tin Ba Ngôi, của Kitô học và của cứu thế học mà nó thể hiện, cũng như những hàm ý nhân học và giáo hội học của nó, trước khi kết thúc bằng phạm vi đại kết của nó. Có thể nói, đây là một hành động của *thần học Vinh tụng ca*. Bài viết này không nhằm mục đích nghiên cứu sâu sắc từng chủ đề của đức tin Kitô giáo *tập trung* trong Kinh Tin Kính – một nhiệm vụ ít hữu ích và trong mọi trường hợp là không thể thực hiện được trong khuôn khổ của việc làm này – nhưng nhằm làm nổi bật sự phong phú của các tuyên bố và chân lý được Kinh Tin Kính Nicée đưa ra ở bình diện tín lý, đặc biệt là những tuyên bố và chân lý mang lại thách thức và hiệu quả lớn nhất cho giai đoạn lịch sử này của Giáo hội và thế giới, ngay tại thời điểm chúng ta kỷ niệm ngày thành lập Công đồng Nicée.

## **1. Nắm bắt được sự bao la của ba Ngôi vị thần linh cứu rỗi chúng ta: “Thiên Chúa là Tình yêu”, vô hạn**

8. Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople được xây dựng xung quanh lời khẳng định về đức tin Ba Ngôi:

*Chúng tôi tin kính một Thiên Chúa là Cha toàn năng, Đấng tạo thành trời đất, muôn vật hữu hình và vô hình. Chúng tôi tin kính một Chúa Giêsu Kitô, Con Một Thiên Chúa, Sinh bởi Đức Chúa Cha từ trước muôn đời. Người là Thiên Chúa bởi Thiên Chúa, Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật, được sinh ra mà không phải được tạo thành, đồng bản thể với Đức Chúa Cha: nhờ Người mà muôn vật được tạo thành... Chúng tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống, Người bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra, Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con: Người đã dùng các tiên tri mà phán dạy... [10].*

### **1.1 Sự vĩ đại của thiên chức làm cha của Chúa Cha, nền tảng của sự vĩ đại của Chúa Con và Chúa Thánh Thần**

9. Điểm khởi đầu của đức tin Nicée là sự khẳng định về sự hiệp nhất của Thiên Chúa. Kitô giáo về cơ bản là một tôn giáo độc thần, tiếp nối sự mặc khải được ban cho Israel. Tuy nhiên, Kinh Tin Kính này không đặt ra "Thiên Chúa" thuần túy và đơn giản, và càng không phải là bản chất thần thiêng duy nhất, mà đúng hơn là Ngôi vị thần thiêng đầu tiên là Chúa Cha. Là "Đấng sáng tạo trời đất" (x. St 1:1; Nkm 9:6; Kh 10:6), Người là Cha của muôn vật [11]. Hơn nữa, Chúa Kitô mặc khải về mối quan hệ cha con nội tại chưa từng có của Thiên Chúa, nền tảng cho mối quan hệ cha con *ngoại tại* của Người. Nếu Chúa Kitô là Chúa Con, một cách độc nhất, điều này ngụ ý rằng có một sự sinh sản trong Thiên Chúa: Thiên Chúa Cha ban tặng tất cả những gì Người có và tất cả những gì Người là. Thiên Chúa không phải là một nguyên lý nghèo nàn và ích kỷ: Người là *sine invidia* [không ghen tỵ] [12]. Quyền làm cha, giống như quyền năng toàn năng của Người, chính là khả năng hiến dâng trọn vẹn bản thân mình. Sự hiến tặng của người cha này không chỉ là một khía cạnh trong số những khía cạnh khác, mà còn định nghĩa về Chúa Cha, Đấng hoàn toàn là cha [13]. Thiên Chúa luôn là Cha và không bao giờ là một Thiên Chúa "đơn độc" [14]. Mối quan hệ cha con với Thiên Chúa duy nhất này là khía cạnh đầu tiên của đức tin Kitô giáo, khơi dậy sự ngạc nhiên và sự bao la của đức tin này phải được cử hành bằng cách tái khám phá Nicée 1700 năm sau. Do đó, vấn đề ở đây là khám phá những hàm ý để hiểu được màu nhiệm Ba Ngôi.

10. Đức tin vào Chúa Cha chứng thực sự sung mãn vô biên của Thiên Chúa. Điều đầu tiên không chỉ đơn thuần là một định nghĩa về Thiên Chúa, mà trước hết là một lời ca ngợi vốn là một phần của truyền thống Vinh tụng ca trong phụng vụ Do Thái và các phụng vụ Kitô giáo

đầu tiên [15]. Thiên Chúa "toàn năng" (*pantokratōr*) nhắc lại nhiều cách diễn đạt khác nhau trong Cựu Ước, chẳng hạn như "Chúa Sabaoth", được nhắc đến trong Tân Ước trong bối cảnh các nghi lễ trên thiên đàng (Khải Huyền 4:8; 11:17; 15:3; 16:14; 19:6).

11. Sự mặc khải trong Chúa Kitô về thiên chức làm Cha của Thiên Chúa cũng biểu lộ sự bao la của Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Nếu Thiên Chúa Cha ban tặng mọi sự, ngoại trừ quyền làm cha, điều này có nghĩa là Chúa Con và Chúa Thánh Thần hoàn toàn bình đẳng với Chúa Cha về thiên tính. Trong Kinh Tin Kính, Chúa Con là "một", Người là "Chúa" (*Kyrios*, dịch chữ Tétragramme [Kết từ tứ tự YHWH] trong Bản Bảy Mươi), "Con Thiên Chúa", "Đáng duy nhất được sinh ra" (*ho monogenēs*) trong sự thân mật của Chúa Cha, "Thiên Chúa bởi Thiên Chúa", "ánh sáng bởi ánh sáng", "Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật", đồng bản thể (*homoousios*) với Chúa Cha. Ví dụ, chúng ta hãy lưu ý: trong Tin mừng thứ tư, Chúa Con nhiều lần được gọi là *theos* [Thiên Chúa]: Ga 1:1; 5:18; 20:28. Chúa Con được sinh ra "trước muôn đời", điều này có nghĩa trong Kinh Tin Kính là Người đồng hằng hữu với Chúa Cha (x. Ga 1:1). Điều này nhằm vào các chủ trương của Arius theo đó "đã có một thời điểm khi [Chúa Con] không hiện hữu", "trước khi được sinh ra, Người đã không hiện hữu" và "Người đã trở thành từ những gì không hiện hữu" [16], hoặc một lần nữa "Chúa Con đến từ hư vô", theo "ý muốn và sự sắp đặt" của Chúa Cha" [17]. Đây là lý do tại sao Chúa Con có thể được tuyên xưng là "Đáng nhờ Người mà muôn vật được tạo thành" (x. 1 Cr 8:6; Ga 1:3). Thiên Chúa vĩ đại đến nỗi Chúa Cha có thể tạo ra một Đấng khác ngang hàng với Người về mặt thần tính. Thiên Chúa vượt quá mọi điều chúng ta có thể hình dung và tưởng tượng, bởi vì Sự hiệp nhất của Người mang tính đa nguyên thực sự mà không phá vỡ Sự hiệp nhất.

12. Chúa Cha cũng trao mọi sự cho Chúa Thánh Thần, được định nghĩa bằng những thuật ngữ cụ thể dành riêng cho thần tính: "Thánh Thần", "Thánh" và "Chúa" (một lần nữa gọi lên Tétragramme). Cũng như Chúa Cha là Đấng sáng tạo và Chúa Con là Ngôi Lời mà qua đó Chúa Cha tạo dựng nên muôn vật, Chúa Thánh Thần được tuyên xưng là "Đáng ban sự sống". Cũng như Chúa Con được sinh ra từ Chúa Cha, thì Chúa Thánh Thần cũng "xuất phát từ Chúa Cha". Những tuyên bố về Chúa Thánh Thần có ý nhắc lại điều khoản về Chúa Con. [18] Vì thế, Chúa Thánh Thần có thể và phải được tôn thờ cùng với Chúa Cha và Chúa Con – để xác nhận tính chất Vinh tụng ca của Kinh Tin Kính.

13. Điều cốt yếu là phải giữ cả thần tính của Chúa Thánh Thần là "ngôi thứ ba" trong Thiên Chúa và mối liên hệ của Người với Chúa Cha cũng như với Chúa Con. Thật vậy, ngay cả ngày nay vẫn còn khó khăn khi xem Người như một Ngôi vị thần thiêng hoàn toàn riêng biệt chứ không phải là một sức mạnh thần thiêng đơn thuần hay thậm chí là sức mạnh vũ trụ. Đôi khi chúng ta cầu nguyện với Chúa Cha và Chúa Con, bỏ qua Chúa Thánh Thần, không giống như lời cầu nguyện của Giáo hội luôn hướng về Chúa Cha, qua Chúa Con, trong Chúa Thánh Thần. Chúng ta sẽ nhận ra tầm quan trọng hoàn toàn hợp pháp trong Bí tích Thánh Thể, trong Đức Trinh Nữ Maria hoặc trong Giáo hội – mà không cần đo lường xem những điều sau này quý giá như thế nào chính vì chúng được Chúa Thánh Thần làm cho sống động [19]. Ngược lại, những người khác sẽ dành một vị trí trung tâm, thậm chí là độc quyền cho Chúa Thánh Thần, đến mức đẩy Chúa Cha và Chúa Con ra phía sau, điều này, một cách nghịch lý, tương đương với một hình thức giản lược về Thần khí học, vì Người là Thánh Thần *của Chúa Cha* và Thánh Thần *của Chúa Con* (Ga 4:6; Rm 8:9). Sự vĩ đại vô biên của Chúa Thánh Thần được thể hiện trong đức tin Nicée là sự bảo vệ chống lại những chủ nghĩa giản lược này.

14. Như vậy, từ nguồn mạch sung mãn của tình phụ tử Thiên Chúa, tuôn trào sự sung mãn vô biên của Thiên Chúa Cha, của Chúa Con và của Chúa Thánh Thần, *semper major* [luôn luôn lớn lao hơn]. Bây giờ sự viên mãn của Chúa Cha ngụ ý một *taxis* (một trật tự) trong cuộc



sống của Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúa Cha là nguồn gốc của mọi thần tính [20]. Ngôi thứ hai thực sự là Thiên Chúa và ánh sáng, nhưng Người là “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa”, “ánh sáng bởi ánh sáng”. Trong khi được tuyên xưng là ngang hàng về mặt thần tính với Chúa Con và Chúa Cha, Chúa Thánh Thần được biểu lộ theo cách hoàn toàn khác biệt so với hai Đấng kia. Chúng ta vừa thấy (xem § 12 ở trên) rằng Người được trình bày với những đặc điểm thần thiêng và phải được tôn thờ cùng với Chúa Cha và Chúa Con. Tuy nhiên, sự khác biệt trong cách diễn đạt là đáng chú ý: những gì được nói về Chúa Cha và Chúa Con “là một” hoặc về Chúa Con “đồng bản thể” thì không được nhắc lại khi nói về Chúa Thánh Thần. Không làm mất đi bất cứ điều gì trong thần tính của Người, cách đề cập đến Chúa Thánh Thần trong Kinh Tin Kính nhấn mạnh đến sự khác biệt ngôi vị của Người. Vì vậy, bản chất riêng của Chúa Thánh Thần làm nổi bật tính độc nhất của *mỗi* ngôi vị thần linh. Theo một cách nào đó, trong Thiên Chúa, “hypostase” hay “ngôi vị” là một thuật ngữ tương tự, theo nghĩa là mỗi một trong ba “tên” thần thánh đều là một ngôi vị trọn vẹn, nhưng theo một cách độc đáo riêng. Tính độc đáo này cũng cho thấy rằng sự bình đẳng một mặt, còn sự khác biệt và trật tự mặt khác không mâu thuẫn với nhau. Đây cũng là hoa trái của tình phụ tử vô bờ bến của Chúa Cha. Tiếp nhận Công đồng Nicée có nghĩa là tiếp nhận sự phong phú của tình phụ tử thần thiêng, thiết lập sự bình đẳng nhưng cũng có sự khác biệt và tính duy nhất.

## 1.2 Suy gẫm về cách sử dụng biểu thức *homoousios*

15. Một trong những đóng góp cốt lõi của Công đồng Nicée là định nghĩa về thần tính của Chúa Con theo nghĩa đồng bản thể: Chúa Con “đồng bản thể” (*homoousios*) với Chúa Cha, “được sinh ra bởi Chúa Cha”, “nghĩa là, từ bản thể của Chúa Cha”. [21] Việc sinh ra Chúa Con là điều gì đó khác với sự sáng tạo, bởi vì đó là sự thông truyền về một bản thể của Chúa Cha. Người Con không chỉ là Thiên Chúa trọn vẹn như Chúa Cha, mà còn có bản thể giống hệt về mặt số lượng [numérique] với bản thể của Người, vì không có sự phân chia trong một Thiên Chúa [22]. Chúng ta hãy nhắc lại: Chúa Cha ban mọi sự cho Chúa Con, theo luận lý của một cuộc sống thần linh, là tình yêu *agape* và luôn vượt quá những gì trí óc con người có thể hình dung.

16. Lần đầu tiên, các thuật ngữ không phải Kinh thánh được sử dụng trong một bản văn chính thức và mang tính chuẩn mực của Giáo hội – chúng ta sẽ quay lại vấn đề này trong chương thứ ba và thứ tư. Ý định của các Nghị phụ Công đồng không phải là đưa ra sự mới lạ vào đức tin tông truyền, nhưng là bảo vệ đức tin đó bằng cách giải thích sự sinh sản trong Thiên Chúa thực sự là gì. Đây là lý do tại sao trong Kinh Tin Kính 325, *homoousios* được giới thiệu bằng cụm từ “nghĩa là”: thuật ngữ bản thể học của Hy Lạp phục vụ cho các cách diễn đạt kinh thánh truyền thống [23]. Thuật ngữ này có nguồn gốc từ thuyết Ngộ đạo và bị lên án bởi công đồng khu vực Antiochee (264-269), đã gây ra nhiều tranh cãi trong những thập niên sau Nicée. Nhưng từ những năm 360 trở đi, số lượng thành viên tăng lên cho đến khi được phê chuẩn hoàn toàn và hòa bình tại Constantinople (năm 381). Vai trò của nó trong việc giải thích và bảo vệ đức tin sau đó được công nhận, cũng như khả năng sáng tạo của lý trí, triết học và văn hóa con người trong việc chào đón Mạc Khải. Như đã nói trong Kinh Thánh, điều này nhấn mạnh rằng Mạc Khải ngụ ý một cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và con người, một cuộc đối thoại được thực hiện ở cả hai phía bằng lời nói của con người, có vị trí, có giới hạn và do đó luôn phải được diễn giải. Sự sống thần thiêng không chỉ tự mạc khải như vô cùng dồi dào, mà chính hình thức Mạc Khải, có khả năng diễn đạt bằng lời nói của con người, và sớm được dịch sang mọi ngôn ngữ, được tự biểu lộ ở đây *semper major* [luôn lớn lao hơn].

17. Tuy nhiên, câu nói này không phải là câu duy nhất được dùng trong kinh Tin Kính để diễn tả thần tính cứu rỗi của Chúa Con. Nó được chèn vào giữa một loạt các thuật ngữ có

nguồn gốc từ kinh thánh và phụng vụ: “Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật”, “Thiên Chúa bởi Thiên Chúa [24]” và “ánh sáng bởi ánh sáng”. Không một thuật ngữ nào có thể diễn tả hết được sự sung mãn vô tận của Mạc Khải. Đức tin cần sự diễn đạt bằng các biểu thức Kinh thánh, triết học và phụng vụ, các khái niệm, hình ảnh và danh xưng thần linh (Cha, Con, Thánh Thần) để diễn đạt theo cách công bằng và trọn vẹn nhất. Các phương thức diễn đạt của các Giáo hội và cộng đồng giáo hội khác nhau có thể hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình tái khám phá này, vì một số nhấn mạnh nhiều hơn vào phương thức này hoặc phương thức kia: do đó, truyền thống phương Đông nhấn mạnh đến sự hiểu biết về Chúa Kitô là “ánh sáng bởi ánh sáng [25]”. Sự đa dạng của vốn từ vựng chắc chắn góp phần làm cho đức tin được diễn đạt ở đó dễ hiểu hơn trong các nền văn hóa khác nhau và theo cách hiểu của mỗi con người.

### 1.3 Sự thống nhất của lịch sử cứu rỗi

18. Để hiểu đầy đủ ý nghĩa của Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, cần phải hiểu tính thống nhất của khuôn khổ lịch sử cứu rỗi, điều này hình thành nên lời tuyên xưng đức tin. Thật vậy, việc quy công cuộc sáng tạo hay “món quà sự sống” cho ba ngôi vị nhấn mạnh đến sự thống nhất giữa trật tự sáng tạo và trật tự cứu rỗi. Sự thần linh hóa bắt đầu bằng hành động sáng tạo, lịch sử cứu rỗi bắt đầu bằng sự sáng tạo. Chống lại thuyết Marcion và các hình thức khác nhau của thuyết Ngộ đạo, phải cho rằng chính Thiên Chúa là Đấng sáng tạo và cứu rỗi, và chính thực tại được sáng tạo, tốt lành vì được Thiên Chúa mong muốn, được phục hồi trong sự cứu chuộc. Vì thế, ân sủng không tạo ra sự gián đoạn nhưng mang đến sự viên mãn, vì ân sủng đã hoạt động trong công trình sáng tạo được giao phó cho nó.

19. Tương tự như vậy, nhiệm vụ cứu rỗi được thực hiện trong Chúa Kitô chỉ được trình bày theo đúng ý nghĩa đích thực và trọn vẹn của nó nếu sự trung thành của nó đối với mạc khải được ban cho dân Israel được nhấn mạnh, nếu không thì đức tin được diễn tả tại Nicée sẽ mất đi tính chính đáng và tính trọn vẹn của chiều kích lịch sử của nó. Rõ ràng, chiều kích Ba Ngôi và Kitô học của đức tin Nicée không được truyền thống giáo sĩ Do Thái chấp nhận nhưng theo quan điểm Kitô giáo, nó được hiểu theo cách thiết yếu là một *sự mới lạ* nhưng được khắc ghi trong *tính liên tục* với sự mạc khải được giao phó cho dân Chúa chọn. Học thuyết về Chúa Ba Ngôi chắc chắn không có mục đích là tương đối hóa, nhưng là đào sâu đức tin vào Thiên Chúa duy nhất của Israel [26]. Chúng tôi đã chỉ ra rằng những ám chỉ về “một” Thiên Chúa và “Đấng sáng tạo trời đất” gọi lại Cựu Ước, trong đó Thiên Chúa mạc khải mình là Đấng sáng tạo vì tình yêu, bước vào các mối quan hệ vì tình yêu và kêu gọi được yêu lại. Thiên Chúa gọi Abraham là “bạn” của Người, “người Người yêu” (Is 41:8; 2 Sb 20:7; Gc 2:23), và Người nói chuyện với Moses “mặt đối mặt, như người này nói chuyện với người kia” (Xh 33:11). Tương tự như vậy, sự lựa chọn *homoousios* được thực hiện chính là để bảo vệ bản chất độc thân của đức tin Kitô giáo: trong Chúa, không có thực tại nào khác ngoài thực tại thần thiêng. Chúa Con và Chúa Thánh Thần không ai khác chính là Thiên Chúa chứ không phải là đấng trung gian giữa Thiên Chúa và thế gian hay chỉ là những tạo vật. Hơn nữa, sự mạc khải được ban cho dân Israel chứng minh rằng Chúa là Đấng Duy Nhất cam kết, tận hiến và giao tiếp với lịch sử loài người. Kitô giáo hiểu rằng Nhập thể là sự viên mãn chưa từng có của cách thực hiện (nhiệm vụ) của Thiên Chúa Israel, Đấng ngự xuống và ngự giữa dân Người, được thực hiện trong sự hiệp nhất của Thiên Chúa với một nhân loại duy nhất, Chúa Giêsu [27].

20. Hơn nữa, sự phát triển của đức tin Ba Ngôi được diễn đạt tại Nicée không phải là không có bối cảnh Do Thái. Kinh Tin Kính được cấu trúc bằng cách lặp lại ba lần: “Chúng tôi tin kính một Thiên Chúa là Cha... và một Chúa Giêsu Kitô... và một Chúa Thánh Thần.” Thật vậy, đức tin Ba Ngôi mới ra đời của những thế kỷ đầu tiên phát triển sự hiệp nhất của các

đanh thánh, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, từ đức tin độc thần của Israel được diễn tả vào đầu *Sh'ma Israel*, “Chúa, Thiên Chúa chúng ta là một” (Đnl 6:4), bằng cách lặp lại lời cầu nguyện trung tâm này của Do Thái giáo, mở rộng thuộc tính về sự hiệp nhất-duy nhất của Thiên Chúa duy nhất cho Chúa Con: “Tôi tin kính *một* Thiên Chúa... và *một* Chúa...”. Điều này đã đúng trong các phác thảo về cách diễn đạt đức tin Ba Ngôi cụ thể trong Tân Ước: “Đối với chúng ta, *chỉ có một* Thiên Chúa là Cha, từ Người mà mọi vật được tạo thành, và chúng ta hiện hữu nhờ Người; và *một* Chúa Giêsu Kitô, nhờ Người mà muôn vật hiện hữu, và chúng ta hiện hữu nhờ Người” (1 Cô-rinh-tô 8:6, chúng tôi nhấn mạnh). Những ngôi vị này, “hai ngôi” [binitaire], cùng tồn tại với các công thức “ba ngôi” [trinitaire]: “*Chỉ có một* thân thể, một Thần Khí... *Chỉ có một Chúa*, một niềm tin, một phép rửa. *Chỉ có một* Thiên Chúa, Cha của mọi người, Đấng ngự trên mọi người, qua mọi người và trong mọi người” (Ep 4:4-6 chúng tôi nhấn mạnh; cũng xem 1 Cr 12:4-6). Rõ ràng, nội dung sẽ nhanh chóng phát triển theo các quan niệm không thể được chấp nhận bởi giáo sĩ Do Thái, nhưng chính từ những viên đá chờ đợi này và từ bên trong các cấu trúc phụng vụ Do Thái mà đức tin Kitô giáo phát triển. Hơn nữa, cần phải nhấn mạnh đến sự phong phú đa diện của thuyết độc thần của Israel được tiết lộ qua Kinh thánh Do Thái và các tác phẩm của thời kỳ Đền thờ thứ hai [28]. Có ý tưởng về sự giàu có vô cùng nơi Thiên Chúa mà không mâu thuẫn với tính duy nhất và sự thống nhất của Người. Điều này được chứng minh trong sự đa dạng của các hình tượng của Thiên Chúa, như chiều kích “hai ngôi”, theo một nghĩa nào đó, mà một số chuyên gia nhận thấy trong tính hai mặt giữa “Đấng Lão thành” và người “giống như con người” (Đn 7,9-14) [29]. Sự giàu có này vẫn được biểu lộ trong các hình tượng khác nhau của Thiên Chúa trong hành động của Người trong thế giới: Thiên thần của Chúa, Ngôi lời (*dābār*), Thánh thần (*rúah*) và Khôn ngoan (*hākma*) [30]. Một số nhà chú giải đương thời cũng cho rằng có một giai đoạn nhị nguyên đầu tiên trong lời tuyên xưng đức tin của Kitô giáo, giai đoạn này tự nhiên ghi lại lời tuyên xưng đức tin vào Chúa Cha Chúa Giêsu thành Nadarét là *Kyrios* được tôn vinh sau khi chết, với một cấp bậc thần linh thực sự, trong sự liên tục của thuyết độc thần được thể hiện trong Kinh thánh [31]. Vì vậy, mặc dù không nhất thiết phải phóng chiếu đức tin Ba Ngôi ngược lại Cựu Ước, nhưng vẫn có thể nhận thấy giữa Cựu Ước và Tân Ước một quá trình phát triển, mặc dù không theo tuyến tính, một hình thức *tập hợp* những thực tại khác nhau này thành hai hình tượng: Chúa Con-Ngôi Lời và Chúa Thánh Thần. Khi tiến đến việc người ta coi lời khẳng định về hai ngôi vị thần linh khác như *sự liên hợp* bên ngoài với một Thiên Chúa duy nhất, người ta đã bỏ qua việc thừa nhận ý tưởng của Kitô giáo về khả năng sinh sản nội tại của Chúa Cha trong bản thể duy nhất và không thể phân chia của ba ngôi vị đồng vĩnh hằng.

## 2. Nắm bắt sự bao la của Chúa Kitô Cứu Thế và hành động cứu rỗi của Người

21. Trọng tâm của điều thứ hai trong Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople là lời tuyên xưng về sự nhập thể và hành động cứu chuộc của Chúa Con. Sau khi tuyên xưng thiên tính của Chúa Kitô, Con Thiên Chúa, chúng ta cũng tuyên xưng rằng:

*[Chúng tôi tin vào một Chúa Giêsu Kitô]. Vì loài người chúng ta và để cứu rỗi chúng ta, Người đã từ trời xuống thế. Bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, Người đã nhập thể trong lòng Trinh Nữ Maria, và đã làm người. Người chịu đóng đinh vào thập giá vì chúng ta, thời quan Phongxiô Philatô; Người chịu khổ hình và mai táng, ngày thứ ba Người sống lại như lời Thánh Kinh. Người lên trời, ngự bên hữu Đức Chúa Cha, và Người sẽ lại đến trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết, Nước Người sẽ không bao giờ cùng*

## 2.1 Nhìn thấy Chúa Kitô trong tất cả sự vĩ đại của Người

22. Công đồng Nicée cho phép chúng ta “nhìn thấy Chúa Kitô trong tất cả sự vĩ đại của Người [33]”. Hai chiều kích khiến Người trở thành trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người được đánh dấu bằng việc đề cập đến hai tác nhân của sự nhập thể: "Người nhập thể bởi Chúa Thánh Thần và Đức Trinh Nữ Maria." Người là Thiên Chúa trọn vẹn, là Đấng đến từ Đức Trinh Nữ bởi quyền năng của Thánh Thần Thiên Chúa; Người là người trọn vẹn, được sinh ra từ người phụ nữ. Người là *homoousios* đối với Chúa Cha nhưng cũng đối với chúng ta, theo tuyên bố kép sau này của Chalcedoine [34] – biết rằng thuật ngữ *homoousios* không thể có một đơn nghĩa khi nói đến mối liên hệ giữa Chúa Con nhập thể với Chúa Cha hoặc với các hữu thể nhân bản. Ngôi Lời đã trở nên xác phạm chính là Ngôi Lời của Thiên Chúa, Đấng duy nhất và không thể thay đổi, đảm nhận một nhân tính độc nhất và hữu hạn. Chính vì Chúa Giêsu đích thân đồng nhất (về mặt ngôi vị) với Chúa Con vĩnh cửu nên Người có thể, bằng cách chịu cái chết của con người theo cách bi thảm, duy trì mối quan hệ sống động với Chúa Cha và biến sự xa cách Thiên Chúa, tội lỗi và sự chết (x. Rm 6:23), thành sự tiếp cận với Thiên Chúa (x. 1 Cr 15:54-56; Ga 14:6b). Chính bởi vì Chúa Giêsu là một con người thật – “giống chúng ta mọi đàng, ngoại trừ tội lỗi” (Hr 4:15) – nên Người có thể gánh lấy tội lỗi của chúng ta và chết. Sự đồng bản thể kép này có nghĩa là chỉ có Chúa Kitô mới có thể cứu rỗi. *Chỉ có Người* mới có thể mang lại sự cứu rỗi. Chỉ có Người *mới là* sự hiệp thông của con người với Chúa Cha [35]. Chỉ một mình Người là Đấng Cứu Thế của *toàn thể* nhân loại trong *mọi* thời đại. Không có con người nào có thể đứng trước hay đứng sau Người. Sự hiệp thông hoàn hảo chưa từng có giữa Thiên Chúa và con người đã được hiện thực hóa nơi Chúa Kitô, vượt xa mọi hình thức hiện thực mà con người có thể tưởng tượng được.

23. Chúng ta sẽ không che giấu những khó khăn hiện tại trong việc tin vào thiên tính trọn vẹn và nhân tính trọn vẹn của Chúa Kitô. Trong suốt lịch sử của Kitô giáo, và cho đến tận ngày nay, vẫn luôn có sự phản kháng thực sự đối với việc công nhận toàn bộ thiên tính của Chúa Kitô. Chúa Giêsu có thể dễ dàng được coi là một bậc thầy tâm linh khai sáng hoặc là *một đấng mê-xi-a chính trị* rao giảng công lý, trong khi đó, trong nhân tính của mình, Người sống mối quan hệ vĩnh cửu với Chúa Cha. Nhưng cũng có khó khăn lớn trong việc thừa nhận toàn bộ nhân tính của Chúa Kitô, Đấng có thể trải qua sự mệt mỏi (Ga 4:6), cảm giác buồn bã và bị bỏ rơi (Ga 11:35; Gethsemane) và thậm chí tức giận (Ga 2:14-17) và Đấng, một cách mâu thuẫn nhưng thực sự, đã không biết một số điều nhất định (“chỉ có Chúa Cha biết giờ nào...”, Mt 24:36). Người Con vĩnh cửu đã chọn sống trọn vẹn con người của mình nhân danh sự vô hạn của bản chất thần linh, vốn vẫn tồn tại trong sự hữu hạn của bản chất con người và thông qua bản chất đó.

24. Tuy nhiên, chúng ta cần lưu ý rằng ngay cả khi phần Kinh Tin Kính dành cho ngôi thứ hai được phát triển nhất thì quan điểm về Chúa Kitô trong đức tin Nicée vẫn nhất thiết là quan điểm về Chúa Ba Ngôi. Đức Kitô là Đấng *semper major* chính vì bất cứ nơi nào Người ở, luôn luôn có Đấng cao cả hơn Người: Chúa Cha vẫn là Chúa Cha, là “Đấng Thánh của Israel.” Chắc chắn, “ai đã thấy [*Chúa Kitô*] là đã thấy Chúa Cha” (Ga 14:9), nhưng, như Chúa Giêsu nói, “Chúa Cha lớn hơn [Người]” (Ga 14:28). Bản thân Arius đã thấy rõ điều này khi ông trích dẫn Tin mừng: “Chỉ có một Đấng tốt lành” (Mt 19:17) [36]. Hơn nữa, không thể hiểu được Chúa Kitô nếu không có Chúa Cha và Chúa Thánh Thần: trước khi được thụ thai là Thiên Chúa-Con Người và là Chú Rể, Người được trình bày trong Tân Ước như Con của Chúa Cha và được xức dầu bởi Chúa Thánh Thần. Tương tự như vậy, Người không cứu rỗi con người nếu không có Chúa Cha là nguồn gốc và cùng đích của mọi sự – vì điều sau chính là sự kết hợp con thảo với Chúa Cha. Người không cứu rỗi con người nếu không có Chúa Thánh Thần, Đấng khiến chúng ta kêu lên “Abba, Cha ơi” (Rm 8:15) và hành động nội tâm

của Người cho phép con người được biến đổi và tích cực bước vào chuyển động dẫn con người đến với Chúa Cha.

## 2.2 Sự bao la của hành động cứu rỗi: tính nhất quán lịch sử của nó

25. Sự vĩ đại của Đấng Cứu Thế cũng được bày tỏ trong sự viên mãn vô cùng của nhiệm vụ cứu rỗi. Công đồng Nicée trình bày tính hiện thực của công trình cứu chuộc. Trong Chúa Kitô, Thiên Chúa cứu rỗi chúng ta bằng cách bước vào lịch sử. Người không sai một thiên thần hay một anh hùng loài người, nhưng đích thân Người đi vào lịch sử loài người, được sinh ra bởi một người phụ nữ, Đức Maria, trong dân Do Thái (“sinh ra bởi một người phụ nữ, sinh ra dưới luật pháp”, Gl 4:4), và chết trong một giai đoạn lịch sử chính xác, “dưới thời quan Phongxiô Philatô” (x. 1 Tm 6:13; xem thêm Công vụ 3:13) [37]. Nếu chính Thiên Chúa đã bước vào lịch sử, thì nhiệm vụ cứu rỗi chính là nơi Người mặc khải: trong lịch sử, Chúa Kitô đích thực mặc khải Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, và ban cho chúng ta sự tiếp cận trọn vẹn với Chúa Cha trong Chúa Thánh Thần. Hơn nữa, vì Thiên Chúa bước vào lịch sử, nên đó không chỉ là một giáo lý cần đưa vào thực hành, như trong thuyết Marcion hay thuyết Ngộ đạo "nhân danh dối trá", mà là một hành động hiệu quả của Thiên Chúa. Nhiệm vụ sẽ là nơi diễn ra công cuộc cứu rỗi của Thiên Chúa. Chúng ta tuyên xưng rằng một biến cố lịch sử đã làm thay đổi hoàn toàn tình hình của toàn thể nhân loại. Chúng ta tuyên xưng rằng Chân lý siêu việt đã khắc ghi vào lịch sử và hoạt động trong lịch sử. Đây là lý do tại sao sứ điệp của Chúa Giêsu không thể tách rời khỏi con người của Người: Người là “con đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14:6) đối với tất cả mọi người chứ không phải là một thầy dạy sự khôn ngoan.

26. Mặc dù nhấn mạnh vào lịch sử, Kinh Tin Kính không đề cập rõ ràng hoặc gợi lên nhiều về nội dung của Cựu Ước, cũng như không đặc biệt nhắc đến sự lựa chọn và lịch sử của Israel. Rõ ràng, Kinh Tin Kính không có ý định mang tính bao hàm đầy đủ. Tuy nhiên, điều đáng nhấn mạnh là sự im lặng này không hề có nghĩa là sự vô hiệu của việc tuyển chọn dân của giao ước cũ [38]. Những gì Kinh thánh Do Thái mặc khải không chỉ là sự chuẩn bị mà còn là lịch sử cứu rỗi, lịch sử này sẽ tiếp tục và được hoàn thành trong Chúa Kitô: "Giáo hội Chúa Kitô nhìn nhận rằng khởi đầu (*initia*) của đức tin và sự tuyển chọn của mình đã được tìm thấy, theo mẫu nhiệm vụ cứu rỗi thần thiêng, trong các tổ phụ, Mô-sê và các ngôn sứ"[39]. Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô là “Thiên Chúa của Áp-ra-ham, Y-sa-ác và Gia-cóp,” Người là “Thiên Chúa của Israel.” Hơn nữa, Kinh Tin Kính nhấn mạnh một cách kín đáo tính liên tục giữa dân Do Thái và dân của giao ước mới bằng cách đề cập đến "trinh nữ Maria", đặt Đấng Mê-xi-a vào trong khuôn khổ của một gia đình Do Thái và gia phả Do Thái, và cũng nhắc lại bản văn Cựu Ước (Is 7:14 Bản Bảy Mươi). Điều này thu hẹp khoảng cách giữa những lời hứa trong Cựu Ước và Tân Ước, cũng như cách diễn đạt "Người đã sống lại vào ngày thứ ba theo lời Kinh Thánh" trong phần còn lại của điều khoản, trong đó "Kinh Thánh" có nghĩa là Cựu Ước (x. 1 Cô-rinh-tô 15:4). Tính liên tục giữa Cựu Ước và Tân Ước lại được tìm thấy khi điều khoản về Chúa Thánh Thần nêu rằng Người "đã phán qua các tiên tri", có lẽ đại diện cho một lưu ý chống lại phe Marcion. [40] Trong mọi trường hợp, để hiểu đầy đủ, Kinh Tin Kính này sinh ra từ phụng vụ sẽ có ý nghĩa trọn vẹn khi được công bố *trong* phụng vụ và được diễn đạt bằng cách đọc toàn bộ Kinh thánh, Cựu Ước và Tân Ước. Điều này đặt đức tin Kitô giáo vào khuôn khổ của nhiệm vụ cứu rỗi vốn bao gồm cả dân tộc được chọn và lịch sử của họ về mặt bản chất và cấu trúc.

## 2.3 Sự cao cả của hành động cứu rỗi: Mẫu nhiệm Vượt Qua

27. Chủ nghĩa hiện thực và chiều kích Ba Ngôi của ơn cứu rỗi trong Chúa Kitô đạt đến đỉnh

cao trong Mầu nhiệm Vượt qua. Chúa Con, ánh sáng của Thiên Chúa và là Thiên Chúa thật, đã nhập thể, chịu đau khổ, chịu chết, xuống âm phủ và sống lại. Đây lại là một diễn biến chưa từng có. Khó khăn của Arius không chỉ liên quan đến sự hiệp nhất của Thiên Chúa, không tương thích với sự sinh ra Chúa Con, mà còn liên quan đến sự hiểu biết về thiên tính của Người, không tương thích với cuộc khổ nạn của Chúa Kitô. Nhưng chính trong Chúa Kitô và chỉ trong Chúa Kitô, chúng ta mới hiểu được những gì Thiên Chúa có thể làm nơi chính Người, vượt xa mọi giới hạn hiểu biết trước đây của chúng ta. Đó là việc nghiêm túc đón nhận tiếng kêu của Chúa Giêsu như tiếng kêu của Con Thiên Chúa, được diễn tả bằng mồ hôi máu và nỗi sợ hãi: “Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho chén này lìa khỏi Con!” (Mt 26,39b). Bản thân chữ *homoousios* giúp chúng ta nhận ra sự *kenosis* [tự hủy] chưa từng nghe thấy của Nhập thể: chỉ có sự khẳng định của Chúa Con là “đồng bản thể” với Chúa Cha mới cho phép chúng ta nhận ra tính triệt để và chiều sâu của điều mà chính Người Con này đã chấp thuận khi đảm nhận thân phận con người. Theo một nghĩa nào đó, người ta có thể nói rằng Chúa Con, *semper major*, thực sự trở nên *nhỏ bé*, và rằng Thiên Chúa Tối Cao đã xuống tận cùng trong Chúa Giêsu Kitô (x. Pl 2:5-11). Bây giờ, ngay cả khi chỉ có Chúa Kitô được sinh ra, chịu đau khổ và chết, chúng ta mới có thể nói rằng “*unus de Trinitate passus est* [một trong Ba Ngôi đã chịu thống khổ] [41]”. Toàn thể Ba Ngôi đều tham gia, mỗi ngôi vị theo một cách riêng, vào cuộc khổ nạn cứu rỗi của Chúa Kitô. Vì vậy, Cuộc Khổ Nạn cho chúng ta thấy ý nghĩa thực sự thần thiêng của “quyền năng vô biên”. Quyền năng vô biên của Thiên Chúa Ba Ngôi đồng nhất với sự tự hiến và tình yêu. Do đó, Đấng Cứu Chuộc bị đóng đinh không phải là sự che giấu, mà là sự mặc khải về quyền năng vô biên của Chúa Cha.

28. Sự trọn vẹn của hành động cứu chuộc của Chúa Kitô chỉ được biểu lộ trọn vẹn qua sự phục sinh của Người, sự hoàn thành của ơn cứu rỗi, trong đó mọi khía cạnh của công trình sáng tạo mới đều được xác nhận. Sự phục sinh chứng tỏ thiên tính trọn vẹn của Chúa Kitô, Đấng duy nhất có khả năng vượt qua và chiến thắng cái chết, nhưng cũng chứng tỏ nhân tính của Người, vì chính nhân tính đó, về mặt số lượng giống hệt với nhân tính của Người khi Người còn sống trên trần thế, đã được biến đổi và tôn vinh. Đây không phải là một biểu tượng hay ẩn dụ: Chúa Kitô phục sinh trong nhân tính và trong thân xác của Người. Sự phục sinh vượt qua lịch sử nhưng xảy ra ở trung tâm lịch sử loài người và của con người này là Chúa Giêsu. Hơn nữa, nó mang tính Ba Ngôi sâu sắc: Chúa Cha là nguồn mạch, Chúa Thánh Thần là hơi thở ban sự sống và Chúa Kitô vinh quang sống – luôn luôn trong nhân tính của Người – trong vinh quang thần linh và trong sự hiệp thông bất biến với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Chúng ta hãy lưu ý rằng chính sự phục sinh của Chúa Kitô, “là trường tử từ cõi chết sống lại” (Cl 1:18; x. Rm 8:29), đã mặc khải sự sinh ra đời đời của Chúa Con, “là trường tử của mọi loài thụ tạo” (Cl 1:15). Vì vậy, tình phụ tử thần thiêng không phải là sự phát triển chủ yếu của các mô hình con người, ngay cả khi chúng được diễn đạt bằng những từ ngữ mang dấu ấn văn hóa của con người, nhưng chúng là những thực tại *sui generis* [biệt loại] của sự sống thần thiêng.

29. Kinh Tin Kính nhấn mạnh rằng sự phục sinh của Chúa Giêsu Kitô sẽ tiếp tục cho đến tận thế, khi Chúa Kitô “sẽ trở lại trong vinh quang để phán xét kẻ sống và kẻ chết; và vương quốc của Người sẽ vô tận”. Với sự phục sinh, chiến thắng chắc chắn sẽ đạt được, nhưng chiến thắng đó phải được hiện thực hóa trọn vẹn trong Ngày Quang Lâm. Niềm hy vọng của Kitô giáo là trọn vẹn: nó không chỉ dựa trên tính một lần [*ephapax*] của Cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh, hay trên hồng phúc ân sủng hiện tại, mà còn dựa trên *sự sắp đến* của việc Chúa Kitô và Vương quốc của Người sẽ trở lại trong vinh quang. Hãy lưu ý: khía cạnh này của đức tin Nicée được hiểu rõ hơn và có sức mạnh lớn hơn nếu nó cũng được đọc trong bối cảnh trong đó Giáo hội sẵn sàng lắng nghe Cựu Ước và đức tin của người Do Thái ngày nay. Sự trông đợi thực sự Đấng Mê-xi-a của dân Israel làm nổi bật sự trọn vẹn của những lời hứa có tính

mê-xi-a về hòa bình trên khắp trái đất và công lý cho tất cả mọi người, trong một thế giới hoàn toàn đổi mới (Is 2:4; 61:1-2; Mk 4:1-3), nơi các Kitô hữu đang chờ đợi Ngày Quang Lâm. Điều này có thể và phải đánh thức niềm hy vọng của Kitô giáo về sự trở lại của Đấng Phục sinh, vì chỉ khi đó công trình cứu chuộc của Người mới có thể hiển thị một cách đầy đủ [42].

### **3. Nắm bắt được sự bao la của ơn cứu rỗi được ban cho con người và sự bao la của ơn gọi nhân bản của chúng ta**

30. Việc cử hành Công đồng Nicée không chỉ là việc thán phục trước sự viên mãn vô biên của Thiên Chúa và của Chúa Kitô Cứu Thế, mà còn là sự vĩ đại vô biên của ơn phúc được ban cho con người và ơn gọi nhân bản được mặc khải trong đó. Sự mầu nhiệm của Thiên Chúa trong sự bao la của nó chính là sự mặc khải chân lý về con người, con người cũng *semper major*. Mục đích ở đây là phát triển những hệ luận cứu thế học và nhân học của những khẳng định về Chúa Ba Ngôi và Chúa Kitô trong Kinh Tin Kính Nicée, nhưng cũng lưu ý đến lời dạy ở cuối điều khoản thứ ba về Chúa Thánh Thần, trình bày đức tin vào Giáo hội và vào sự cứu rỗi:

*[Chúng tôi tin] tin Hội Thánh duy nhất, thánh thiện, Công Giáo và tông truyền. Chúng tôi tuyên xưng có một Phép Rửa để tha tội. Chúng tôi trông đợi kẻ chết sống lại và sự sống đời sau. Amen*

#### **3.1 Sự vĩ đại của ơn cứu rỗi: Bước vào sự sống của Thiên Chúa**

31. Vì Chúa Kitô cứu chúng ta, đức tin Nicée tuyên xưng “sự tha thứ tội lỗi” và “sự sống lại của người chết”. Kinh Tin Kính đề cập đến tội lỗi vì chúng ta cần biết mình được giải thoát khỏi điều ác nào. Tội lỗi, theo nghĩa thần học chặt chẽ, không chỉ là thói hư tật xấu hay lỗi lầm xúc phạm đến ý định của Đấng Tạo Dựng nơi tạo vật (x. Rm 2:14-15), mà còn là sự rạn nứt cố ý với Thiên Chúa trong mối quan hệ đối thần với Người. Theo nghĩa đầy đủ này, tội nhân nhận thức được tội lỗi của mình dưới ánh sáng tình yêu thương xót của Thiên Chúa: tội lỗi phải được “phát hiện” bởi chính công trình của ân sủng để có thể hoán cải tâm hồn [43]. Vì vậy, việc mặc khải tội lỗi là bước đầu tiên của sự cứu chuộc và phải được xưng thú như vậy.

32. Với lời tuyên bố quá mức [exorbitant] về sự phục sinh của người chết, đức tin Nicée tuyên xưng rằng ơn cứu rỗi là trọn vẹn và đầy đủ. Con người được giải thoát khỏi mọi điều ác, kể cả “kẻ thù cuối cùng” phải bị Chúa Kitô tiêu diệt để mọi sự có thể quy phục Thiên Chúa (x. 1 Cr 15:25-26). Đức tin vào sự phục sinh không chỉ bao hàm sự sống còn của linh hồn mà còn là chiến thắng trước cái chết [44]. Hơn nữa, con người không chỉ được cứu rỗi theo linh hồn mà còn trong chính thể xác mình. Không có gì cấu thành nên bản sắc và nhân tính của con người nằm ngoài sự sáng tạo mới mà Chúa Kitô đề xuất. Cuối cùng, ơn phúc này sẽ được sở hữu mãi mãi, vì nó mở ra trong “cuộc sống của thế giới mai sau”, *eschäton* [cánh chung] được thực hiện trọn vẹn. Từ lễ Phục sinh, không tội lỗi nào có sức mạnh tách tội nhân khỏi Thiên Chúa – ít nhất là nếu họ nắm lấy bàn tay của Đấng chịu đóng đinh và Phục sinh, Đấng đã vươn tới vực thẳm để hiến mình cho con chiên lạc: “Cho dù là sự chết hay sự sống, thiên thần hay quyền lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, quyền năng trên trời hay dưới đất, hoặc bất cứ một loài thụ tạo nào khác, sẽ không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa tỏ hiện nơi Chúa Kitô Giêsu, Chúa chúng ta” (Rm 8:38-39).

33. Vì Chúa Kitô như Thiên Chúa thật cứu chúng ta, nên sự phục sinh có nghĩa là chúng ta

bước vào sự sống thần linh, vừa là sự nhân bản hóa vừa là sự thần thánh hóa, như lời bình luận của Chúa Giêsu về Thánh vịnh 81:6 trong Gioan 10:14 làm chứng: "Các ngươi đều là các bậc thần thánh." [45] Và vì Người cứu chúng ta trong tư cách Chúa Con, được sinh ra bởi Chúa Cha, nên sự thần thánh hóa này là sự làm con nuôi và trở nên giống Chúa Kitô; đó là việc bước vào tình yêu của Chúa Cha qua Chúa Thánh Thần. Chúng ta được yêu thương và tái sinh bởi cùng một tình yêu mà Chúa Cha đã yêu thương và sinh ra Chúa Con từ đời đời. Đây là hệ luận cứu rỗi của thiên chức làm cha của Thiên Chúa được tuyên xưng bởi Công đồng Nicée. Cuối cùng, vì Chúa Kitô, như Chúa Con, cứu chúng ta, với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, nên mối quan hệ con cái này thực sự là sự đắm mình vào mối quan hệ Ba Ngôi. Đây là lý do tại sao Kinh Tin Kính ra đời từ lời tuyên xưng đức tin về phép rửa tội Ba Ngôi và tại sao phép rửa tội được thực hiện "nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần". Sự bao la của ơn phúc được mặc khải như thế được hiện thực hóa trong mầu nhiệm Thăng Thiên của Chúa Kitô: "Người lên trời", biểu lộ rằng chính Chúa Kitô là "thiên đàng của chúng ta" [46]. Người Con cao cả sẽ gửi ơn phúc Thiên Chúa đã hứa, là Thánh Thần của Lễ Ngũ Tuần. Không quan điểm hạn hẹp nào về sự cứu rỗi thực sự là của Kitô giáo nữa.

### 3.2 Sự bao la của ơn gọi con người hướng tới Tình yêu Thiên Chúa

34. Tất cả những điều trên chắc chắn sẽ có hậu quả đối với quan điểm của Kitô giáo về con người. Điều này cũng được mặc khải trong sự vĩ đại vô biên của ơn gọi của họ, như *homo semper major* (con người luôn lớn lao hơn). Kinh Tin Kính Nicée không chứa một điều khoản nhân học theo nghĩa chặt chẽ, nhưng con người, trong ơn gọi trở thành con cái thần thiêng trong Chúa Giêsu, có thể được mô tả như là đối tượng của đức tin. Theo Kinh Thánh, danh tính thực sự của họ được mặc khải qua mầu nhiệm Chúa Kitô và mầu nhiệm cứu rỗi như một mầu nhiệm theo nghĩa chặt chẽ, tương tự như mầu nhiệm Thiên Chúa và Chúa Kitô, mặc dù những mầu nhiệm này vượt trội hơn họ một cách không thể so sánh được.

35. Mầu nhiệm lớn lao này trước hết liên quan đến mầu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi và mầu nhiệm Chúa Kitô. Mặc khải về tư cách làm cha của Thiên Chúa cũng chính là sự mặc khải về mầu nhiệm tư cách làm cha không hơn không kém: "Tôi quý gồi trước mặt Chúa Cha, từ Người mà mọi tư cách làm cha trên trời dưới đất được nêu danh" (Ep 3:14). Việc mặc khải, đặc biệt trong sách Gioan, về Người Con Một, là sự biểu lộ của tình phụ tử theo đúng nghĩa, bắt nguồn về phương diện hữu thể học từ Làn Sinh Đầu tiên và là một phần của chính mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi. Dưới hình thức đảo ngược mối quan hệ hiểu biết, chính tư cách làm cha và làm con Ba Ngôi soi sáng và thanh lọc tư cách làm cha, làm mẹ, làm con và làm anh em của hữu thể nhân bản, vốn nằm trong bối cảnh văn hóa và bị đánh dấu bởi tội lỗi. Trước hết, tình phụ tử thần thiêng cho thấy tư cách con cái là đặc tính sâu xa nhất của hữu thể nhân bản: con người là ơn phúc mà Thiên Chúa Cha ban cho chính họ và con người được kêu gọi đón nhận chính họ từ Thiên Chúa và trong Người, đón nhận những người khác và thế giới tạo vật bao quanh họ để ngày càng trở nên chính họ hơn. Vì lý do này, căn tính và ơn gọi của họ được mặc khải một cách đặc biệt trong Chúa Kitô, Người Con nhập thể, "con người hoàn hảo", Đấng "trong chính sự mặc khải về mầu nhiệm Chúa Cha và tình yêu của Người, đã tỏ lộ trọn vẹn con người cho chính họ và khám phá cho họ sự cao cả của ơn gọi của họ" [47]. Mặt khác, con người cũng được kêu gọi tham gia vào mầu nhiệm làm cha, bằng cách trở thành cha, mẹ về mặt xác thịt và tinh thần. Giống tình phụ tử thần thiêng, tình phụ tử và tình mẫu tử nhân bản hàm ý sự trao tặng bản thân, sự bình đẳng hoàn toàn giữa cha mẹ và con cái, giữa người cho và người nhận, nhưng cũng có sự khác biệt và sự sắp xếp (*taxis*) giữa họ. Cuối cùng, không có ngành nhân chủng học Kitô giáo thực sự nào mà không liên quan đến thần khí học. Chỉ có Chúa Thánh Thần "ban sự sống" mới có thể nhân bản hóa con người một cách trọn vẹn, làm cho con người trở thành con trai và con gái, cha và mẹ. Tương tự như



vậy, chúng ta chắc chắn có thể nói về một hình thức đồng nhiệm xuy (*co-spiration*) của Chúa Thánh Thần, hay *on linh hứng chung* [48], bởi vì những hành động và lời nói hiệu quả nhất của chúng ta là như vậy trong mức độ hợp tác mà chúng mang lại cho Chúa Thánh Thần, Đấng thông qua chúng an ủi, nâng đỡ và hướng dẫn. Vì vậy, sự thật và ý nghĩa của tư cách làm cha, làm con và khả năng sinh sản của con người phải được mặc khải, vì chúng không chỉ là thực tại tự nhiên hay văn hóa mà còn là sự tham gia vào cách thức hiện hữu của Thiên Chúa Ba Ngôi. Chúng không thể được hiểu sâu sắc nếu không có Mặc khải và tương tự như vậy, không thể được thực hiện nếu không có ân sủng. Đây là một tin tốt lành nữa chúng ta có thể khám phá lại ngày hôm nay từ Nicée.

36. Theo một nghĩa nào đó, chính *homoousios* có thể có ý nghĩa nhân học. Một con người đã ban phép tiếp cận với Thiên Chúa. Tất nhiên, Chúa Kitô nói theo cách độc đáo và đúng đắn: "Ai thấy Ta là thấy Chúa Cha" (Ga 14:9), vì mầu nhiệm hiệp nhất ngôi vị. Tuy nhiên, sự kết hợp độc đáo này trong Người phù hợp với mầu nhiệm con người "được tạo dựng theo hình ảnh và họa ảnh Thiên Chúa" (St 1:27). Theo nghĩa này, và quả thực như thế, mỗi con người phản ảnh Thiên Chúa, làm cho mọi người biết đến và giúp mọi người tiếp cận với Thiên Chúa. Đức Giáo Hoàng Phaolô VI đã diễn tả nghịch lý này bằng cách nhấn mạnh một mặt rằng "để biết con người, con người đích thực, con người toàn diện, người ta phải biết Thiên Chúa", nhưng mặt khác cũng nhấn mạnh rằng "để biết Thiên Chúa, người ta phải biết con người" [49]. "Những lời này phải được hiểu theo nghĩa mạnh: không chỉ mỗi con người cho chúng ta hình ảnh của Thiên Chúa, mà không thể biết Thiên Chúa nếu không đi qua con người. Hơn nữa, như chúng ta đã thấy ở trên (§ 22), Giáo hội sẽ sử dụng thuật ngữ *homoousios* để diễn tả tính đồng nhất về bản chất của Chúa Kitô như con người đích thực, "sinh ra từ một người phụ nữ" (Gl 4:4), Đức Trinh Nữ Maria, với tất cả mọi người [50]. Hai mặt của "đồng bản thể" kép này của Chúa Con nhập thể củng cố lẫn nhau để xây dựng tình huynh đệ của toàn thể nhân loại một cách sâu sắc và hữu hiệu. Theo một nghĩa nào đó, chúng ta là anh chị em của Chúa Kitô theo sự thống nhất của cùng một bản chất con người: "Vì thế, Người phải trở nên giống anh em mình trong mọi sự" (Hr 2:17; x. 2:11-12). Chính mối dây liên kết trong nhân tính này cho phép Chúa Kitô, đồng bản thể với Chúa Cha, đưa chúng ta vào trong tình Con của Người với Chúa Cha, và làm cho chúng ta trở thành con cái của Thiên Chúa, thành anh chị em của Người và do đó, trở thành anh chị em của nhau theo một ý nghĩa mới, triệt để và không thể phá hủy.

37. Mầu nhiệm của con người trong phẩm giá vĩ đại của họ cũng được làm sáng tỏ bởi chiều kích cánh chung của Kinh Tin Kính Nicée. Niềm tin vào "sự phục sinh của kẻ chết", còn được gọi là "sự phục sinh của xác thịt [51]", khẳng định vẻ đẹp của thân xác và vẻ đẹp của những gì được trải nghiệm trên thế giới thông qua thân xác, bất chấp sự mong manh và hạn chế của con người. Nó khẳng định giá trị của thân thể bản vị cụ thể này sẽ được phục sinh, biến đổi, nhưng vẫn giữ nguyên về mặt số lượng [52]. Do đó, nó đưa ra một yêu cầu về mặt đạo đức: nếu những hành động yêu thương đích thực được thực hiện trong và bởi cơ thể trong cuộc sống này theo một cách nào đó là những bước đầu tiên của cuộc sống phục sinh, thì sự tôn trọng đối với cơ thể bao hàm việc sống ngay thẳng và trong sạch với mọi thứ chạm vào nó. Chúng ta hãy lưu ý rằng các học thuyết về Chúa Kitô không thừa nhận nhân tính trọn vẹn của Chúa Kitô có nguy cơ dẫn đến quan niệm về sự cứu rỗi như một sự thoát ly khỏi thân xác và thế gian, thay vì là sự nhân bản hóa trọn vẹn con người. Thế mà, sự neo giữ này vào thế giới và thân thể, được tạo ra tốt đẹp và hoàn thành bởi sự sáng tạo mới, là một trong những dấu ấn của Kitô giáo. Ở đây chúng ta tìm thấy mối liên hệ sâu sắc giữa sáng tạo và cứu rỗi: mọi đặc điểm nhân bản nơi Chúa Giêsu, được nhận từ Đức Maria, mẹ Người, đều là tin mừng và mời gọi mọi hữu thể nhân bản xem xét điều gì làm cho nhân tính cụ thể của họ trở thành tin mừng.

38. Hơn nữa, niềm hy vọng về sự phục sinh, cũng như niềm hy vọng về "cuộc sống vĩnh cửu của thế giới mai sau", chứng thực giá trị to lớn của mỗi cá nhân, không được kêu gọi để biến mất vào hư vô hay vào mọi thứ, nhưng là vào mối quan hệ vĩnh cửu với Thiên Chúa, Đấng đã chọn mỗi người trước khi tạo dựng thế giới (x. Ê-phê-sô 1:4). Việc tuyển chọn Abraham, Isaac và Jacob cùng giao ước không thể hủy bỏ với dân Israel đã cho thấy giao ước mà Thiên Chúa muốn thiết lập với mọi quốc gia và mọi con người trong lòng trung thành không thể phá vỡ. Tương tự như vậy, sự nhập thể của Chúa Con vĩnh cửu trong một con người đơn nhất xác nhận, thiết lập và hoàn thành phẩm giá bất khả xâm phạm của con người, là anh chị em của Chúa Giêsu Kitô.

39. Thế giới ngày nay của chúng ta có nhu cầu to lớn là tái khám phá những khía cạnh của mầu nhiệm con người, những khía cạnh trình bày con người trong sự vĩ đại của họ, mà không bỏ qua sự khốn khổ của con người: "Con người vượt trội hơn con người vô cùng", Blaise Pascal đã nói [53]. Niềm tin Kitô giáo này thách thức mọi hình thức giản lược về mặt nhân học. Niềm tin vào quyền làm cha, làm mẹ và nguồn cảm hứng phong phú ("thần khí") của con người đặt nền tảng và hướng dẫn mọi quan niệm đích thực về quyền tự chủ, tự do và sự sáng tạo của con người. Những điều này bắt nguồn từ Thiên Chúa, Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, mà đối với các Ngài, toàn năng, khôn ngoan và tình yêu đều chỉ là một trong việc tự hiến chính mình. Ngược lại, việc mất niềm tin vào sự phục sinh và cuộc sống vĩnh hằng sẽ trở thành sự từ chối trao vị trí đích thực cho thân xác và giá trị thánh thiêng của mỗi cá nhân trong sự độc đáo và siêu việt của họ. Thế mà, Đấng Tạo Dựng đã mặc khải cho chúng ta các ý định của Người: "Chúa dựng nên con người kém các thần một chút, đội cho họ vinh quang và danh dự" (Tv 8:6).

### 3.3 Về đẹp của ơn phúc Giáo hội và phép rửa tội

40. Các sợi chỉ khác nhau đã được dệt cho đến nay được gắn kết với nhau trong những lời khẳng định về giáo hội học và bí tích của Kinh Tin Kính. Đức tin Nicée cũng có nghĩa là tin vào Giáo hội "duy nhất, thánh thiện, Công Giáo và tông truyền" và vào phép rửa tội "để được tha tội". Giáo hội và phép rửa tội cũng được cử hành như những ơn phúc *semper majora*. Bởi vì chúng xác nhận và biểu lộ sự viên mãn vô cùng của tất cả những gì được nêu trong phần còn lại của Kinh Tin Kính, chúng là đối tượng nghịch lý của đức tin: vấn đề là nhận ra trong chúng nhiều hơn những gì được nhìn thấy. Giáo hội là *một* vượt lên trên những chia rẽ hữu hình, thánh thiện vượt lên trên tội lỗi của các thành viên và những sai lầm do các cấu trúc định chế của Giáo hội gây ra, *Công Giáo và tông truyền* vượt lên trên bản sắc hoặc sự thu mình về văn hóa và sự hỗn loạn về giáo lý và đạo đức liên tục làm Giáo hội chao đảo. Theo nghĩa này, vấn đề ở đây là phải tránh cả "chủ nghĩa nhất tính [monophysisme]" về giáo hội học lẫn "chủ nghĩa Arius": chủ nghĩa trước đánh giá thấp, thậm chí che giấu chiều kích nhân bản của Giáo hội, trong khi chủ nghĩa sau bỏ qua chiều kích thiêng liêng của Giáo hội để ủng hộ một tầm nhìn thuần túy về mặt xã hội học và chức năng. Tương tự như vậy, trong đức tin, phép rửa tội được hiểu là nguồn sống mới và sự thanh tẩy khỏi tội lỗi vượt ra ngoài những gì có thể nhìn thấy trong cuộc sống không hoàn hảo và đôi khi xa cách Thiên Chúa của chính những người đã chịu phép rửa tội. Nó mở ra và nâng cao phẩm giá bất khả xâm phạm của mỗi con người bằng cách làm cho họ nên giống Chúa Kitô, tư tế, tiên tri và vua.

41. "Tin" vào Giáo hội và "tuyên xưng" một phép rửa tội duy nhất là nhận được một ơn phúc đức tin cho phép chúng ta nhận ra sự hiện diện tích cực và thánh hóa của Chúa Thánh Thần ngay tại trung tâm chiều kích con người và mỏng manh của họ. Chúa Thánh Thần làm cho Giáo hội trở nên duy nhất, thánh thiện, Công Giáo và tông truyền, đồng thời ban hiệu lực cho

phép rửa tội. “Tin” vào Giáo hội và phép rửa tội cũng là nhận thức trong đó và qua đó hành động cứu rỗi của Chúa Kitô. Như Chúa Kitô là bí tích cơ bản của Thiên Chúa, là sự hiện diện thực sự và tích cực của Người trong biểu tượng thực sự của nhân tính Người thế nào, thì Giáo hội cũng là “bí tích cứu rỗi phổ quát như vậy”[54]. Cuối cùng, “tin” vào Giáo hội và phép rửa tội là nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa Ba Ngôi ở đó. Giáo hội là *semper major*, vì Giáo hội tìm thấy nguồn gốc và nền tảng của mình nơi Thiên Chúa Ba Ngôi và trong Giáo hội có Chúa Cha, Chúa Con nhập thể và Chúa Thánh Thần. Trong đó đức tin Nicée được công bố và cử hành – thông qua phép rửa tội và các bí tích khác: “Vinh danh Chúa Cha và Chúa Con với Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội thánh thiện [55]”.

42. Ở ngã ba đường giữa cứu thế học và nhân học, việc tin vào Giáo hội và tuyên xưng một phép rửa tội duy nhất xác nhận và mở ra sự bao la của ơn cứu rỗi và mầu nhiệm của con người. Sự cứu rỗi không chỉ là một diễn trình cá nhân, mà là một diễn trình cộng đồng và siêu nhiên, nhận được thông qua sự hợp tác của những người khác là người lân cận của chúng ta, và tạo ra hoa trái thiêng liêng cho những người khác cũng là những người lân cận của chúng ta [56]. Điều này làm sáng tỏ bản chất của con người không phải là một đơn tử biệt lập mà là một thực thể xã hội, được lồng vào vào một gia đình, một quốc gia, một cộng đồng đức tin và vào toàn thể nhân loại [57]. Do đó, đức tin vào Giáo hội và phép rửa tội hàm ý rằng ơn cứu chuộc được ghi khắc trong những hành động và cấu trúc hữu hình, gắn liền với chiều kích thân xác của cá nhân và thân thể xã hội, diễn ra trong lịch sử. Đây là nơi Chúa Thánh Thần ban sự sống và truyền cảm hứng, hoạt động trong giới hạn của họ và vượt ra ngoài để tiếp cận mọi con người. Về cơ bản, bằng cách làm chứng cho sự kết hợp giữa cá nhân và toàn thể, giữa tính xác thịt và sự ghi khắc trong lịch sử, Giáo hội là một phần trong công trình của Chúa Kitô, Đấng “biểu lộ trọn vẹn con người với chính họ” [58]. Theo một cách đặc biệt, như một “bí tích hiệp nhất [59]”, Giáo hội được tuyên xưng bởi đức tin Nicée là dấu chỉ và công cụ của sự hiệp nhất của tất cả các khía cạnh này của con người và của toàn thể nhân loại: tâm nhìn Kitô giáo về con người phá vỡ sự hẹp hòi của mọi chủ nghĩa giản lược vốn từ chối cộng đồng vì lợi ích của cá nhân, hoặc cá nhân vì lợi ích của tập thể, và không hướng tới sự hiệp nhất.

#### **4. Cùng nhau cử hành sự bao la của ơn cứu rỗi: tầm quan trọng đại kết của đức tin Nicée và hy vọng về một ngày chung để cử hành lễ Phục sinh**

43. Đức tin Nicée, với vẻ đẹp và sự vĩ đại của nó, là đức tin chung của mọi Ki-tô hữu. Mọi người đều thống nhất trong việc tuyên xưng Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, mặc dù không phải tất cả đều trao cho Công đồng này và các quyết định của nó một địa vị giống hệt nhau. Do đó, năm 2025 là cơ hội vô giá để nhấn mạnh rằng những điểm chung của chúng ta mạnh mẽ hơn nhiều, về mặt số lượng và chất lượng, so với những điểm chia rẽ chúng ta: chúng ta cùng nhau tin vào Thiên Chúa Ba Ngôi, vào Chúa Kitô, là con người thật và là Thiên Chúa thật, vào sự cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô, theo Kinh thánh đọc trong Giáo Hội và dưới sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần. Chúng tôi cùng nhau tin vào Giáo hội, phép rửa tội, sự sống lại của người chết và cuộc sống vĩnh hằng. Công đồng Nicée được các Giáo hội Đông phương đặc biệt tôn kính, không chỉ là một công đồng trong số những công đồng khác hoặc là công đồng đầu tiên trong một loạt công đồng, mà là Công đồng tiêu biểu nhất, công bố lời tuyên xưng đức tin của “318 Giáo phụ Chính thống giáo”.

44. Vì vậy, năm 2025 là cơ hội để tất cả mọi Kitô hữu cùng nhau cử hành đức tin này và Công đồng đã giúp cho đức tin này có thể được phát biểu. Chủ nghĩa đại kết thần học đúng đắn khi tập trung sự chú ý và nỗ lực vào những nút thắt chưa được giải quyết trong những khác biệt của chúng ta, nhưng chắc chắn cũng hiệu quả không kém, nếu không muốn nói là

hiệu quả hơn, khi *cùng nhau cử hành*, hướng tới việc tái lập sự hiệp thông trọn vẹn giữa tất cả các Kitô hữu, để thế giới có thể tin. Chúng ta đã nhấn mạnh cách mà sự nhấn mạnh của các truyền thống Kitô giáo khác nhau cho phép chúng ta làm nổi bật sự phong phú của bản văn Kinh Tin Kính (xem § 17 ở trên). Việc cử hành chung Công đồng Nicée có thể là một hành trình đại kết giúp làm giàu lẫn nhau, qua đó mang lại sự hiểu biết sâu sắc hơn về màu nhiệm, sự hiệp thông lớn hơn giữa các truyền thống giáo hội và sự gắn bó chặt chẽ hơn với lời tuyên xưng chung về đức tin Kitô giáo.

45. Một trong những đích nhắm của Nicée là thiết lập một ngày chung cho lễ Phục sinh để thể hiện sự hiệp nhất của Giáo hội trên toàn *Oikoumenē*. Thật không may là cho đến ngày nay vẫn chưa có ngày chung nào được nhất trí. Sự khác biệt về quan điểm giữa các Kitô hữu về ngày lễ quan trọng nhất trong lịch của họ gây ra tổn hại về mục vụ trong cộng đồng, thậm chí chia rẽ gia đình, và gây ra tai tiếng cho những người không phải là Kitô hữu, do đó ảnh hưởng đến chứng tá Tin mừng. Đây là lý do tại sao Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Đức Thượng phụ Đại kết Bartholomêô và các nhà lãnh đạo Giáo hội khác đã nhiều lần kêu gọi thiết lập một ngày chung để cử hành lễ Phục sinh. Nay, vào năm 2025, lễ Phục sinh Đông Phương và Tây Phương trùng vào một ngày. Đây há không phải là cơ hội quan phòng để tiếp tục cử hành Cuộc Khổ Nạn và Phục Sinh của Chúa Kitô, "lễ của các lễ" (Kinh Sáng Byzantine của Lễ Phục Sinh), trong sự hiệp thông của tất cả các cộng đồng Kitô giáo hay sao? Có một số đề xuất khá thực tiễn về một ngày không chia tách. Về vấn đề này, Giáo Hội Công Giáo vẫn cởi mở đối thoại và tìm kiếm giải pháp đại kết. Ngay trong phần phụ lục của Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, Công đồng Vatican II đã không phản đối việc đưa ra một lịch mới và nhấn mạnh rằng điều này phải được thực hiện "với sự đồng ý của những người mà đối với họ vấn đề này quan trọng, đặc biệt là những anh em đã tách khỏi sự hiệp thông với Tòa thánh [60]." Chúng ta hãy lưu ý tầm quan trọng mà thế giới phương Đông dành cho các yếu tố được thiết lập trong thời hậu Nicée để xác định ngày lễ Phục sinh: Lễ Phục sinh phải được cử hành "vào Chúa Nhật đầu tiên sau ngày trăng tròn tiếp theo hoặc trùng với ngày xuân phân [61]". Chúa Nhật gọi lên sự phục sinh của Chúa Kitô vào ngày đầu tiên của tuần, trong khi trăng tròn sau xuân phân gợi nhớ đến nguồn gốc Do Thái của lễ hội, ngày 14 tháng Nissan, nhưng cũng gợi nhớ đến chiều kích vũ trụ của sự phục sinh, vì xuân phân gợi lên khoảnh khắc khi độ dài của ngày vượt quá đêm và khi thiên nhiên trở lại với cuộc sống sau mùa đông.

46. Chúng ta cần lưu ý rằng trong khuôn khổ Công đồng Nicée, Giáo hội đã quyết định tách mình ra khỏi ngày Lễ Vượt qua của người Do Thái. Lập luận cho rằng Công đồng muốn tách mình khỏi Do Thái giáo đã được đưa ra, dựa trên các lá thư của Hoàng đế Constantin như được Eusèbe báo cáo, trong đó nêu rõ những lý do chống Do Thái để chọn ngày lễ Phục sinh không liên quan đến ngày 14 tháng Nissan [62]. Tuy nhiên, cần phải phân biệt động cơ được cho là của Hoàng đế với động cơ của các Nghị phụ Công đồng. Dù sao, không có điều nào trong các điều luật của Công đồng thể hiện sự bác bỏ cách làm việc của người Do Thái. Đối với Giáo hội, tầm quan trọng của sự thống nhất trong lịch và việc lựa chọn Chúa Nhật để bày tỏ đức tin vào sự phục sinh không thể bị bỏ qua. Hôm nay, khi Giáo hội kỷ niệm 1,700 năm Công đồng Nicée, đây một lần nữa là những đích nhắm của việc suy gẫm về ngày lễ Phục sinh. Ngoài vấn đề về lịch, chúng ta nên luôn nhấn mạnh hơn nữa mối quan hệ giữa Lễ Phục Sinh và Lễ *Pesah* trong thần học, trong các bài giảng lễ cũng như trong giáo lý, để đạt được sự hiểu biết rộng hơn và sâu hơn về ý nghĩa của Lễ Phục Sinh.

47. Trong lễ vọng Phục sinh và trong mọi nghi thức rửa tội, Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople được công bố dưới hình thức trang trọng nhất, đó là đối đáp. Lời tuyên xưng đức tin này, là nền tảng của đời sống Kitô hữu cá nhân và đời sống của Giáo hội, sẽ tìm thấy tất cả sức mạnh của nó nếu nó bắt nguồn từ sự mặc khải được ban cho "các anh cả" và "các

cha của chúng ta trong đức tin [63]" và được sống trong sự hiệp thông hữu hình của tất cả các môn đệ của Chúa Kitô.

## **Chương hai:**

### **Kinh Tin Kính Nicée trong đời sống của các tín hữu:**

**“Chúng tôi tin như chúng tôi rửa tội; và chúng tôi cầu nguyện như chúng tôi tin”**

#### **Mở đầu: Đức tin được tuyên xưng trong đức tin được sống**

48. Đức tin được tuyên xưng tại Nicée có nội dung tín điều phong phú, có ý nghĩa quyết định cho việc thiết lập tín lý Kitô giáo. Tuy nhiên, mục đích của học thuyết này vẫn là nuôi dưỡng và hướng dẫn cuộc sống của tín hữu. Theo nghĩa này, chúng ta có thể làm nổi bật kho tàng tâm linh đích thực của Công đồng Nicée và Kinh Tin Kính, một "nguồn nước hằng sống" mà Giáo hội được kêu gọi kín múc hôm nay và mãi mãi. Để bảo vệ quyền tiếp cận nguồn nước sống này, Thánh Anthony đã đồng ý rời khỏi ẩn thất của mình để đi làm chứng chống lại những người theo thuyết Arius ở Alexandrie [64]. Kho tàng này được tiết lộ trực tiếp theo cách đức tin Nicée được sinh ra từ *lex orandi* [luật cầu nguyện] và nuôi dưỡng nó [65]. Hơn nữa, các công đồng không bao giờ có ý định giới hạn các cuộc tranh luận của mình vào phạm vi suy lý về các tuyên bố đức tin. Ngược lại, những người tham gia các Thượng hội đồng này rất muốn thảo luận về toàn bộ đời sống Giáo hội, cách tốt nhất để đắm mình vào các chân lý đức tin hàng ngày và thực hành chúng, và ngược lại, điều chỉnh việc giảng dạy của họ về chính hành [*orthopraxie*] phụng vụ, bí tích và thậm chí là đạo đức [66]. Tóm lại, các giám mục đã mang theo mình một cách thiêng liêng các thành viên của thân thể Giáo hội đến các công đồng, những người mà họ chia sẻ đời sống đức tin và cầu nguyện, và cùng họ hát những lời ca ngợi và tôn vinh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, một Thiên Chúa duy nhất. Vì vậy, để nắm bắt được tầm quan trọng tâm linh và thần học của tín điều Nicée, chúng ta cần tìm hiểu sự tiếp nhận tín điều này trong thực hành phụng vụ và bí tích, giáo lý và thuyết giảng, cầu nguyện và thánh ca của thế kỷ thứ 4.

#### **1. Phép Rửa Tội và Đức Tin Ba Ngôi**

49. Ngay cả trước khi *học thuyết về Chúa Ba Ngôi* được phát triển về mặt thần học, đức tin vào *Chúa Ba Ngôi* đã là nền tảng của đời sống Kitô hữu được cử hành trong phép rửa tội. Lời tuyên xưng đức tin khi chịu phép rửa tội được nêu trong công thức bí tích rửa tội không chỉ diễn tả một mầu nhiệm lý thuyết mà còn là đức tin sống động liên quan đến thực tại cứu rỗi do Thiên Chúa ban tặng, và do đó liên quan đến chính Thiên Chúa. Đức tin rửa tội mang lại "sự hiểu biết" về Thiên Chúa, đồng thời cũng là con đường đến với Thiên Chúa hằng sống. Vì vậy, nhà biện giáo Athenagoras quả quyết: "Có [...] những người [...] chỉ để mình được hướng dẫn bởi lòng mong muốn *biết* Thiên Chúa thật và Lời của Người, biết sự hiệp nhất của Chúa Con với Chúa Cha là gì, sự hiệp thông của Chúa Cha với Chúa Con là gì, Chúa Thánh Thần là gì, sự hiệp nhất và sự phân biệt của ba ngôi vị làm cho bối rối như vậy, Chúa Thánh Thần, Chúa Con và Chúa Cha, là gì. [67] »

50. Đây là lý do tại sao công thức rửa tội, trong đó Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần được đặt ngang hàng, tạo nên lập luận trung tâm chống lại Arius và các môn đệ của ông, hơn là việc viện đến lý luận thần học. Đây cũng là trường hợp của Thánh Ambroise [68] và

Hilaire[69] cũng như với Thánh Basil xứ Césarée, Thánh Grégoire xứ Nysse hay Thánh Ephrem người Syria[70]. Tương tự như vậy, Thánh Athanase nhấn mạnh: Chúa Con không được nêu tên trong công thức rửa tội vì Chúa Cha không đủ, hay chỉ đơn giản là ngẫu nhiên, mà vì:

Người là Ngôi Lời của Thiên Chúa và là Sự Khôn Ngoan của Người, và là sự rạng ngời (*apaugasma*) của Người, Người luôn ở cùng Chúa Cha. Vì lý do này, khi Chúa Cha ban ơn, Người chỉ có thể ban ơn qua Chúa Con, vì Chúa Con ở trong Chúa Cha như ánh sáng huy hoàng; [...] Bất cứ ai Chúa Cha rửa tội, thì Chúa Con cũng rửa tội, và bất cứ ai Chúa Con rửa tội thì được thánh hiến trong Chúa Thánh Thần [71].

51. Tuy nhiên, đối với Thánh Athanase và các Giáo phụ Cappadocie, vấn đề không chỉ đơn thuần là tuyên bố công thức Ba Ngôi, mà phép rửa tội còn đòi hỏi đức tin vào thiên tính của Chúa Giêsu Kitô. Vì vậy, việc dạy đức tin đúng đắn là cần thiết và là một phần của việc thực hành phép rửa đúng đắn. Thánh Athanase trích dẫn lời dạy trong Mt 28:19 làm cơ sở: "Hãy đi... giảng dạy... và làm phép rửa"[72]. Đây là lý do tại sao Thánh Athanase – giống như Thánh Basil và Thánh Grégoire thành Nysse [73] – phủ nhận bất cứ hiệu quả nào đối với phép rửa tội của Arius, bởi vì những người coi Chúa Con là một tạo vật *không có quan niệm đúng đắn về Thiên Chúa Cha*: người không công nhận Chúa Con cũng không hiểu Chúa Cha và không “sở hữu” Chúa Cha, bởi vì Chúa Cha không bao giờ bắt đầu là Chúa Cha [74].

## 2. Kinh Tin Kính Nicée như một lời tuyên xưng đức tin

52. Tuyên bố đức tin Nicée không chỉ là việc phát biểu đức tin rửa tội mà còn có thể xuất phát trực tiếp từ Kinh Tin Kính rửa tội của Giáo hội Césarée ở Palestine (nếu chúng ta tin vào những gì Eusèbe nói [75]). Có ba phần bổ sung: "...nghĩa là, thuộc bản thể của Chúa Cha", "được sinh ra, mà không phải được tạo thành", và "đồng bản thể với Chúa Cha (*homoousios*)". Theo cách này, điều được xác lập một cách hết sức rõ ràng là Đấng "đã mặc lấy xác phàm vì loài người chúng ta... và chịu đau khổ" chính là *Thiên Chúa, homoousion tō Patri [đồng bản thể với Chúa Cha]*. Tuy nhiên, mặc dù “*thuộc bản thể của Chúa Cha*” (*ek tēs ousias tou Patros*), Người vẫn khác biệt với Chúa Cha vì Người là Con của Người. Nhờ Người, Đấng “đã trở nên người để cứu rỗi chúng ta”, chúng ta biết được ý nghĩa của câu nói Thiên Chúa Ba Ngôi “là tình yêu” (1 Ga 4:16). Những bổ sung này là cần thiết và đánh dấu tính độc đáo cụ thể và đóng góp quyết định của Công đồng Nicée, nhưng đồng thời cũng cần phải liên tục nhấn mạnh rằng Kinh Tin Kính như một Kinh Tin Kính của đức tin ban đầu bắt nguồn từ khuôn khổ phụng vụ, đây là môi trường sống động của nó và do đó là khuôn khổ mà nó mang đầy đủ ý nghĩa. Đây chắc chắn không phải là một bài trình bày lý thuyết mà là một hành động cử hành bí tích rửa tội, được làm phong phú thêm bởi phần còn lại của phụng vụ và làm sáng tỏ phần còn lại. Những người cùng thời với chúng ta đôi khi có thể có ấn tượng rằng kinh Tin Kính là một bài giảng rất lý thuyết vì họ không biết về nguồn gốc phụng vụ và phép rửa tội của nó.

53. Theo nghĩa này, đức tin Nicée vẫn và đang tiếp tục là một "symbolon" ("*ekthesis*", "*pistis*"), nghĩa là một lời tuyên xưng đức tin. Có thể phân biệt nó với một cách giải thích hoặc định nghĩa thần học kỹ thuật chính xác hơn nhằm bảo vệ đức tin ("*oros*", "*definitio*"), như được đề xuất bởi Công đồng Chalcedoine. Là một Kinh Tin Kính, Tuyên ngôn Nicée là một công thức và lời giải thích tích cực về đức tin Kinh thánh. [76] Nó không tuyên bố là một định nghĩa mới, mà đúng hơn là một sự gọi lại đức tin của các tông đồ: “Đức tin này, *Chúa Kitô* đã ban cho, *các tông đồ* đã công bố, *các Giáo phụ* của toàn thể *Oikoumenē* của chúng ta đã tụ họp tại Nicée đã truyền lại (*paradosis*).[77] »

54. Tương tự như vậy, chính vì địa vị của nó như một lời tuyên xưng đức tin và chính xác là đức tin tông truyền, chứ không phải là một định nghĩa hay giáo huấn, mà Kinh Tin Kính Nicée được coi là bằng chứng quyết định của sự chính thống trong giai đoạn tiếp theo (ít nhất là cho đến cuối thế kỷ thứ 5) [78]. Đây là lý do tại sao nó được sử dụng làm bản văn cơ bản trong các công đồng sau này. Vì vậy, Công đồng Éphèse và Chalcedoine tự nhận là người diễn giải Kinh Tin Kính Nicée: họ nhấn mạnh sự đồng thuận của họ với Nicée và phản đối những quan điểm bất đồng liên quan đến Nicée. Khi Bản Tuyên Xưng Đức Tin Nicée-Constantinople được đọc tại Công Đồng Chalcedoine, các giám mục tụ họp đã thốt lên: "Đây là đức tin của chúng ta. Chính trong điều này mà chúng ta đã được rửa tội, chính trong điều này mà chúng ta làm phép rửa tội! Đức Giáo Hoàng Leo tin điều này, Thánh Cyril tin điều này. [79] » Lưu ý rằng lời tuyên xưng đức tin có thể được diễn đạt ở dạng số ít - "Tôi tin" - nhưng thường ở dạng số nhiều: "chúng tôi tin"; Tương tự như vậy, Kinh Lạy Cha ở dạng số nhiều: "Lạy Cha chúng con..." Đức tin hoàn toàn cá nhân và đơn nhất của tôi cũng được ghi khắc hoàn toàn trong đức tin của Giáo hội, như một cộng đồng đức tin. Kinh Tin Kính Nicée và Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople gốc Hy Lạp mở đầu bằng dạng số nhiều "chúng tôi tin", "để làm chứng rằng trong 'Chúng tôi' này, tất cả các Giáo hội đều hiệp thông, và tất cả các Kitô hữu đều tuyên xưng cùng một đức tin." [80]

55. Như chúng tôi đã đề cập trong chương trước, cho đến ngày nay, "Nicée" - "lời tuyên xưng đức tin của 318 giáo phụ Chính thống giáo [81]" - được coi là công đồng tuyệt vời nhất trong các Giáo hội Đông phương, nghĩa là không phải là "một công đồng trong số những công đồng khác", thậm chí không phải là "công đồng đầu tiên trong một loạt công đồng", mà là *chuẩn mực* của đức tin Kitô giáo đúng đắn. "318 Nghị phụ" được nhắc đến rõ ràng trong phụng vụ Giêrusalem. Hơn nữa, trong các Giáo hội Đông phương, không giống như các Giáo hội Tây phương, Nicée cũng được kỷ niệm riêng trong lịch phụng vụ. Cần lưu ý rằng các vấn đề kỷ luật được giải quyết tại Nicée có tầm quan trọng khác ngay từ đầu so với lời tuyên xưng đức tin. Trong khi đa số có thể đưa ra quyết định về các vấn đề kỷ luật, thì truyền thống tông đồ lại mang tính quyết định đối với các vấn đề đức tin: "Về ngày lễ Phục sinh, các Giáo phụ đã viết: 'Đã quyết định rồi.' Về đức tin, họ không viết: 'Đã quyết định rồi,' mà là: 'Giáo Hội Công Giáo tin như vậy!'" [82]

### 3. Đào sâu việc giảng thuyết và dạy giáo lý

56. Các Giáo phụ ở cả phương Đông và phương Tây không chỉ tranh luận bằng các chuyên luận thần học mà còn làm sáng tỏ đức tin Nicée trong các bài giảng gửi đến mọi người, nhằm bảo vệ các tín hữu khỏi những diễn giải sai lầm, thường được gọi bằng thuật ngữ "arien" - mặc dù "homoïens" ở phương Tây vào thời Thánh Augustine khác hẳn với "néo-ariens" ở phương Đông về lập luận của họ. Quan niệm thần học cho rằng Chúa Con không phải là "Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật", mà chỉ là tạo vật cao quý nhất của Chúa Cha và rằng Người không đồng vĩnh hằng với Chúa Cha, đã được các Giáo phụ công nhận là mối đe dọa dai dẳng và chống lại, thậm chí không cần đến những kẻ thù cụ thể. Lời mở đầu của Tin mừng Gioan đã cung cấp cơ hội để giải thích mối quan hệ giữa Chúa Cha và Chúa Con, hoặc giữa "Thiên Chúa" và "Ngôi Lời" của Người, theo Tuyên ngôn Nicée. [83] Ví dụ, Chromace xứ Aquilée (được thụ phong giám mục năm 387/388, mất năm 407) đã truyền bá đức tin Nicée cho những người theo ngài mà không sử dụng thuật ngữ kỹ thuật [84]. Ngay cả các Giáo phụ, những người có thái độ hoài nghi có nguyên tắc đối với "các cuộc tranh luận thần học", cũng có lập trường rất rõ ràng chống lại "sự vô đạo của Arius" ("*asebeia*", "*impietas*"): những người Arius không hiểu "sự sinh ra vĩnh cửu của Chúa Con", cũng như "sự bình đẳng vĩnh cửu ban đầu" của Chúa Cha và Chúa Con. [85] Họ thậm chí còn phạm sai lầm trong

thuyết độc thần khi chấp nhận một vị thần cấp dưới thứ hai. Do đó, sự thờ phụng của họ là sai lệch và sai lầm.

57. Do đó, trong các bài giáo lý của mình, Thánh Gioan Kim Khẩu giải thích đức tin rửa tội đã được xây dựng hợp lệ tại Nicée [86], và phân biệt đức tin đúng đắn không chỉ với học thuyết *homéene* [đồng dạng (\*)], mà còn với học thuyết *sabellienne* [phủ nhận sự khác biệt thật sự giữa Ba Ngôi]: Người Kitô hữu tin vào Thiên Chúa là "một bản thể, ba ngôi vị." Thánh Augustine lập luận tương tự trong hướng dẫn của ngài cho các ứng viên chịu phép rửa tội. [87] *Oratio catechetica magna* [câu nguyện giáo lý vĩ đại] của Thánh Grégoire thành Nysse, trong đó phần lớn được dành riêng cho Ngôi Lời vĩnh cửu và nhập thể của Thiên Chúa, có thể được coi là kiệt tác của một giáo lý dành riêng cho những người có nhiệm vụ truyền đạt nó, cụ thể là các giám mục và giáo lý viên. Chủ đề không chỉ là mối quan hệ giữa Chúa Con-Ngôi Lời và Chúa Cha (chương 1.3.4), mà còn là ý nghĩa của *sự nhập thể như một hành động cứu chuộc* (chương 5). Thánh Grégoire muốn làm rõ rằng sinh và tử không phải là điều gì đó không xứng đáng với Chúa hay không tương thích với sự hoàn hảo của Người (chương 9 và 10), và giải thích sự nhập thể theo chủ đề tình yêu của Chúa dành cho con người. Nhưng trên hết, ngài nhấn mạnh vào sự thật rằng phép rửa tội của Kitô giáo được thực hiện trong "Ba Ngôi bất tạo", nghĩa là trong ba ngôi đồng vĩnh hằng. Chỉ bằng cách này, phép rửa tội mới ban sự sống vĩnh cửu và bất tử: "Vì bất cứ ai khuất phục một tạo vật thì vô tình đặt hy vọng cứu rỗi của mình vào tạo vật đó chứ không phải vào thần tính. [88] »

58. Trọng tâm của cuộc tranh luận thực sự là một câu hỏi hiện sinh hơn là một vấn đề lý thuyết: liệu phép rửa tội có liên quan đến "sự thiết lập trong tư cách con cái" (Basil), đến "sự khởi đầu của cuộc sống vĩnh cửu" (Grégoire thành Nysse), đến "sự cứu rỗi khỏi tội lỗi và sự chết" (Ambroise [89]) không? Điều này chỉ có thể xảy ra nếu Chúa Con (và Chúa Thánh Thần) là Thiên Chúa. Chỉ khi chính Thiên Chúa trở thành "một trong chúng ta" thì con người mới có khả năng thực sự tham gia vào đời sống của Chúa Ba Ngôi, nghĩa là được "thần hóa".

#### 4. Lời cầu nguyện với Chúa Con và những Vinh tụng ca

59. Đức tin Nicée đóng vai trò quy tắc cho lời cầu nguyện bản thân và phụng vụ [90] và những lời cầu nguyện sau được đánh dấu bởi Nicée. Mặc dù "lời cầu khẩn danh Chúa (Giêsu)" đã được chứng thực trong các trước tác Tân Ước [91] và trên hết, các bài thánh ca về Chúa Kitô [92] chứng minh cho việc dâng lời ngợi khen và tôn thờ, lời cầu nguyện với Chúa Con trở thành một nơi gây tranh cãi trong cuộc khủng hoảng Arius.

60. Tự nhận là tuân theo một số bản văn của Origène [93], những người theo thuyết Arius của thế kỷ thứ 4, nhưng cũng là những người theo Origène của thế kỷ thứ 5 và thứ 7, đặc biệt phản đối lời cầu nguyện *phụng vụ* với Chúa Con. Những người theo thuyết Arius quan tâm đến việc nhấn mạnh những đoạn Kinh thánh cho thấy chính Chúa Giê-su đang cầu nguyện, nhằm nhấn mạnh sự thấp kém của Người so với Chúa Cha. Kết hợp với quan điểm (của phái *apollinariste*), cũng phổ biến trong số những người theo Arius, theo đó Logos chiếm chỗ linh hồn của Chúa Giê-su, sự phục tùng của Ngôi Lời đối với Chúa Cha dường như đã được chứng minh. Vì thế, đối với họ, lời cầu nguyện hướng về Chúa Con là không phù hợp. Đề ủng hộ quan điểm của họ, những người theo thuyết Arius đã lập luận bằng cách sử dụng công thức truyền thống của *Vinh tụng ca*, có tầm quan trọng lớn, đặc biệt là trong các nghi lễ phụng vụ phương Đông: "Vinh danh và tôn thờ Chúa Cha qua (*dia / per*) Chúa Con trong (*en / in*) Chúa Thánh Thần." [94] "Sự khác biệt trong các giới từ đã được viện dẫn như bằng chứng về sự khác biệt yếu tính giữa các ngôi vị. Những người theo thuyết Arius đã tìm cách sử dụng nghi lễ phụng vụ - được công nhận là một ví dụ về chứng tá cho đức tin của Giáo hội - để chứng



minh những gì họ coi là hợp lý về mặt thần học.

61. Mặt khác, những người bảo vệ Nicée khẳng định rằng việc thực hành cầu nguyện phải tương ứng với đức tin, nhưng đức tin này lại tương ứng với phép rửa tội. Thế mà, công thức của phép rửa tội cho thấy sự bình đẳng về phẩm giá của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Điều đó có nghĩa là lời cầu nguyện – dù là bản thân hay phụng vụ – cũng có thể và phải được dâng lên Chúa Con. Mặc dù họ không bác bỏ công thức cổ xưa của Vinh tụng ca, nhưng vẫn bảo vệ ý nghĩa chính thống của nó[95], họ thích các công thức và giới từ khác: "*tō Patri kai...kai [nhân danh Cha và...và]*", "*tō Patri, dia...sun*", cũng được chứng thực trong truyền thống Kinh thánh và phụng vụ[96]. Thánh Basil do đó đã đề cập đến, trong số những điều khác, bài thánh ca rất cổ xưa "*Phos hilāron*" (có lẽ từ thế kỷ thứ 2), trong đó Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần là đối tượng của một bài hát tôn thờ [97].

62. Nguyên tắc: “Chúng ta phải tin như chúng ta được rửa tội, và do đó phải thờ phượng như phép rửa tội cho phép!” [98] cũng áp dụng cho lời cầu nguyện *bản thân*. Việc cầu khẩn Chúa Giêsu – như đã được thực hiện trong các hình thức cầu nguyện với Chúa Giêsu, đặc biệt là trong các môi trường đan viện – được biện minh rõ ràng bằng việc cầu khẩn “*homoousios tō Patri*”. “Khi chúng ta nói ‘Giêsu’”, Chenouté, một giáo phụ Copt vào thế kỷ thứ 5 giải thích, “thì Chúa Ba Ngôi cũng được nhắc đến”. Khi Chúa Con nhập thể được cầu khẩn, Người không được cầu khẩn riêng rẽ với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Người nào không muốn cầu nguyện với Chúa Giêsu thì đi theo “sự vô đạo mới”; họ không hiểu gì về Chúa Ba Ngôi, cũng không hiểu gì về “Chúa Giêsu”. [99] Cách một người cầu nguyện cho thấy họ tin vào điều gì.

63. Sự xác đáng trong lời cầu nguyện có ý nghĩa cứu rỗi. Thánh Grégoire thành Nysse là người đưa ra lời cảnh cáo đáng chú ý nhất ở đây: niềm hy vọng của người có đức tin không chỉ là đạo đức theo nghĩa hiện tại của thuật ngữ này, mà còn được phát biểu trong lời cầu nguyện. Niềm hy vọng hướng đến sự thần hóa do Thiên Chúa mang lại: nếu “niềm hy vọng lớn lao đầu tiên không còn hiện diện nơi những ai để mình bị dẫn vào sai lầm về giáo lý”, điều này sẽ dẫn đến hậu quả là “không có lợi ích gì khi cư xử đúng đắn với sự trợ giúp của các điều răn”. Và Thánh Grégoire tiếp tục:

Vì thế, chúng ta được rửa tội như chúng ta đã nhận được nó, nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần; *chúng ta tin như chúng ta được rửa tội*; thực ra, đức tin phải phù hợp với lời tuyên xưng; Chúng ta tôn vinh những gì chúng ta tin, vì không phải tự nhiên mà vinh quang lại chống lại đức tin. Nhưng những gì chúng ta tin tưởng, chúng ta cũng tôn vinh. Ngoài ra, vì đức tin là vào Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, nên đức tin, vinh quang và phép rửa tội liên kết với nhau, vì thế, chúng ta không phân biệt vinh quang của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần [100].

64. Việc thêm Vinh tụng ca Ba Ngôi vào cuối mỗi thánh vịnh, mà thứ tự của nó được cho là của Đức Giáo Hoàng Damase (mất năm 384 Công nguyên), đã được hiểu theo đường hướng này. Cassiodore nhận xét rằng mọi tà thuyết đều trở nên vô nghĩa:

Ngoài tất cả các thánh vịnh và thánh ca, Giáo hội Mẹ còn thêm lời ngợi khen Chúa Ba Ngôi. Nó tỏ lòng tôn kính Đấng mà những lời này xuất phát, và do đó cắt đứt nền tảng cho các tà thuyết của Sabellius, Arius, Mani và những người khác [101].

Chính trường hợp thêm câu "*sicut erat in principio...* [như đã có trước vô cùng]", được hiểu như lời tuyên bố đức tin chống lại Arius một cách rõ ràng [102].

## 5. Thần học trong thánh ca

65. Cuối cùng, các bài thánh ca là nơi phát biểu đức tin Nicée, đức tin này có vị trí trong đời sống các tín hữu và được truyền đạt bởi Nicée. Vì vậy, nhiều bài thánh ca kết thúc bằng lời tôn vinh Chúa Ba Ngôi. Hơn nữa, cuộc đối đầu với tà giáo Arius đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển thi ca Kitô giáo. Ở phương Đông, các bài thánh ca và bài hát được sáng tác đầu tiên [103], nhằm đáp lại các bài thơ tuyên truyền của các nhóm dị giáo. Đối với phương Tây, chúng ta thậm chí có thể nói rằng đóng góp thần học quan trọng nhất của họ vào thế kỷ thứ 4 là sáng tác thánh ca.

66. Bên cạnh Thánh Gioan Kim Khẩu, trên hết là Thánh Ephrem người Syria (306-373), trong thơ thần học của mình (sau này để lại dấu ấn trong toàn bộ nền văn học Syria cổ điển) và đặc biệt là trong các bài thánh ca *De fide* [về đức tin] và *De nativitate* [về giáng sinh], đã hát về mầu nhiệm Chúa Kitô: Chúa Kitô là Thiên Chúa, mặc dù bản chất con người của Người yếu đuối; Sự tự hủy của Chúa Kitô là một phép lạ vĩ đại chỉ vì *chủ đề quán xuyên* Người là Thiên Chúa và vẫn là Thiên Chúa trong sự tự hủy này [104]. Với lòng đạo đức sâu sắc, Thánh Ephrem mô tả các mối quan hệ nội tại trong Ba Ngôi: Chúa Con ở trong Chúa Cha “trước mọi thời đại”, Người “bình đẳng với Chúa Cha nhưng vẫn khác biệt với Người”. [105] Ngài dễ dàng sử dụng hình ảnh mặt trời, ánh sáng và sức nóng của nó, được liên kết trong sự hiệp nhất [106]. Ngài liên tục nhắc đến ba “danh xưng” mà tương ứng với chúng là thực tại thần linh và trong đó “phép rửa tội và sự công chính hóa của chúng ta bao gồm”. [107] Ngài thực hiện tất cả những điều này bằng cách giải thích rõ ràng bối cảnh của đức tin Nicée, vì ngài trích dẫn “công đồng vinh quang”, nêu rõ sự tham chiếu đến Nicée [108]. Các nhà thơ-thần học Syria thế kỷ thứ 5 khác, chẳng hạn như Isaac thành Antioche và Mar Balai, đã sáng tác các bài giảng và thánh ca theo văn điệu dành cho chính Chúa Kitô, tôn vinh Người một cách rõ ràng bằng các thuộc tính thần thiêng: “Ngợi khen Người [Chúa Giêsu Kitô] và Cha của Người và vinh quang của Chúa Thánh Thần” - “Ngợi khen Người, Đấng Tồi Cao, Đấng đã đến để cứu chuộc chúng ta, ngợi khen Người, Đấng Toàn năng, với cái gạt đầu của Người mà thế giới được quyết định.” [109] »

67. Thánh Hilaire đã học hát thánh ca trong thời gian lưu vong và giới thiệu nó vào xứ Gaul; Thánh Ambroise cũng thú nhận đã áp dụng “phong tục của phương Đông” trong cuộc xung đột gay gắt với những người theo thuyết Arius tại Milan vào năm 386-87. Chúa Con “luôn là Chúa Con, cũng như Chúa Cha luôn là Chúa Cha. Nếu không, làm sao Chúa Cha có thể mang danh này nếu Người không có Chúa Con?”, Thánh Hilaire nhấn mạnh trong bài thánh ca *Ante saecula qui manens* [Người có trước mọi thời đại], trong đó ngài triển khai “sự ra đời kép của Chúa Con, người được sinh ra từ Chúa Cha, cho Chúa Cha không biết đến sự ra đời, và được sinh ra từ Đức Trinh Nữ Maria, cho thế giới”.

68. Không giống như những bài thánh ca mang tính thần học cao của Thánh Hilaire, vốn khó có chỗ đứng trong phụng vụ, những bài thánh ca của thánh Ambroise nhanh chóng trở nên nổi tiếng khắp nơi và khích lệ đức tin một cách mạnh mẽ, theo đúng mục đích mà chính Thánh Ambroise đã đặt ra cho chúng. Bài thánh ca buổi sáng *Splendor paternae gloriae* [sự huy hoàng trong vinh quang Chúa Cha] của ngài có thể được coi là lời bình luận về Tuyên ngôn Nicée. Đặc biệt nổi bật là những khổ thơ cuối cùng của một số bài thánh ca, trong đó nhấn mạnh sự bình đẳng của Chúa Con với Chúa Cha: “*Aequalis aeterno Patri...* [bình đẳng với Chúa Cha trường cửu]”, hoặc nói trực tiếp với Chúa Con: “*Iesu, tibi sit gloria... cum Patre et almo Spiritu* [Lạy Chúa Giêsu, vinh danh Chúa... cùng Chúa Cha và Chúa Thánh Thần]” Trong một bài thánh ca rất ngắn, có lẽ được sáng tác bởi Thánh Ambroise, lời tuyên

xung về một Thiên Chúa trong ba ngôi vị gần như được đưa vào thơ như một cụm từ then chốt cho các tín hữu: "*O lux beata trinitas, et principalis unitas...*[Ôi ánh sáng đầy phúc, ba ngôi và sự hợp nhất chính yếu]".

69. Ngoài Thánh Ambroise, trên hết Prudentius (Aurelius Prudentius Clemens, 348-415/25) có những bài thánh ca rất quan trọng đối với Kitô học. Nhà thơ Tây Ban Nha đặc biệt chú ý đến thiên tính đích thực và nhân tính đích thực của Đấng Cứu Chuộc, mà trong chúng, sự sáng tạo mới của chúng ta được đặt nền móng:

Đức Kitô là hình ảnh của Chúa Cha, và chúng ta là hình ảnh của Đức Kitô;  
Chúng ta được tạo dựng theo hình ảnh của Chúa bởi lòng nhân từ của Chúa Cha,  
Đấng Ki-tô sẽ đến giống như chúng ta sau các thời đại.

*(Christus forma Patris, nos Christi forma et imago; Condimur in faciem Domini bonitate paterna Venturo không có stram faciem post saecula Christo)* [110].

### Chương 3:

#### Nicée như một biến cố thần học và như một biến cố tôn giáo

70. Kỷ niệm Công đồng Nicée là nắm bắt được cách Công đồng vẫn luôn mới mẻ, từ sự mới mẻ cánh chung được khai mạc vào sáng lễ Phục sinh, tiếp tục đổi mới Giáo hội 1,700 năm sau biến cố phục sinh. Thật vậy, đây thực sự là một biến cố theo nghĩa mạnh mẽ, một bước ngoặt là một phần của cái nền lịch sử với những mối liên kết của nó nhưng cũng là điểm tập trung, tạo nên sự mới mẻ thực sự và có ảnh hưởng quyết định đến những gì xảy ra sau đó. Theo các ngôn ngữ, thuật ngữ "biến cố" ám chỉ những gì xảy ra, *ad-ventus* (Avènement, Avent, *avvenimento*), hoặc những gì xuất phát từ (*évènement, event*), đến việc tạo ra một sự kiện (*acontecimiento*) hoặc đến sự xuất hiện của cái mới (*Ereignis*). Như vậy, Công đồng Nicée là biểu thức của một bước ngoặt xảy ra, khởi nguồn, được tạo ra, được biểu lộ trong tư tưởng của con người, được gọi ra bởi Sự mặc khải của Thiên Chúa Ba Ngôi trong Chúa Giêsu, Đấng làm phong phú tinh thần con người bằng cách ban cho nó những nội dung mới và những khả năng mới. Đây là "Biến cố của Khôn ngoan". Tương tự như vậy, Nicée, sau này được gọi là *công đồng chung* đầu tiên, cũng là biểu thức của một bước ngoặt trong *enemen* cách thức Giáo hội tự xây dựng và đảm bảo sự hiệp nhất cũng như chân lý của tín lý thông qua cùng một lời tuyên xưng đức tin: đó là một "biến cố của Giáo hội". Rõ ràng, trong cả hai trường hợp, sự mới lạ đều dựa trên một quá trình trước đó, trên một thực tại nhất định, chính thực tại được nó biến đổi. Biến cố Khôn ngoan giả định nền văn hóa nhân bản, có thể nói là giả định nó để thanh lọc và biến đổi nó. Biến cố tôn giáo này dựa trên sự phát triển trước đó của các cấu trúc Giáo hội trong những thế kỷ đầu tiên, bản thân nó dựa trên di sản Do Thái và Hy Lạp-La Mã.

71. Thế mà, nguồn gốc của hai biến cố này lại là một biến cố khác, do sáng kiến thần linh, biến cố Mặc khải của Thiên Chúa, "biến cố Chúa Giêsu Kitô." Đây chính là sự mới lạ tuyệt vời nhất: *Novus* chính là *Novum* [111]. Đây chính là sự Mặc khải, trong khi Biến cố Khôn ngoan và Biến cố Giáo hội là một phần của việc *truyền đạt* ơn phúc nguyên thủy này [112]. Trong đó, Thiên Chúa lập giao ước với một dân tộc để lập giao ước với mọi dân tộc, Người đảm nhận một nhân tính để đảm nhận toàn thể nhân loại. Công đồng Nicée là biểu thức và là hoa trái của Sự mới mẻ trong Mặc khải, và đây là lý do tại sao Công đồng năm 325 đưa ra

một mô hình cho từng giai đoạn đổi mới tư tưởng Kitô giáo, cũng như các cơ cấu của Giáo hội. Hơn nữa, vì Công đồng Nicée phát sinh từ *Novum* là Chúa Kitô, nên nó có thể được hiểu theo cách luôn đổi mới và liên tục làm phong phú thêm đời sống của Giáo hội. Do đó, vấn đề đặt ra là trước tiên phải khám phá biến cố nguồn, biến cố Chúa Giêsu Kitô, để sau đó xem xét hậu quả của nó đối với tư tưởng con người và cơ cấu của Giáo hội.

## **1. Biến cố Chúa Kitô: “Không ai thấy Thiên Chúa cả. Nhưng Con Một đã mặc khải điều đó” (Ga 1:18)**

### **1.1 Chúa Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể, mặc khải Chúa Cha**

72. Kinh Tin Kính Nicée là sự diễn đạt, là việc diễn đạt thành lời, về một con đường đến với Thiên Chúa chưa từng có, chắc chắn và cứu rỗi trọn vẹn, được ban tặng qua biến cố Chúa Giêsu Kitô. Trong sự nhập thể, cuộc sống, cuộc Khổ nạn, sự Phục sinh và Lên trời của Ngôi Lời đồng bản thể với Chúa Cha, được chứng thực trong Kinh thánh và trong đức tin của Giáo hội tông đồ, Thiên Chúa *semper major* ban tặng, theo sáng kiến của riêng Người, một kiến thức và sự tiếp cận với chính Người mà chỉ Người mới có thể ban tặng, và bản thân chúng vượt quá những gì con người có thể tưởng tượng hoặc thậm chí hy vọng [113]. Trên thực tế, Tân Ước truyền đạt cho Giáo hội mọi thời đại, qua nhiều thế kỷ, lời chứng mà Chúa Giêsu đã đưa ra về chính mình và Chúa Cha, trong ánh sáng và quyền năng của Chúa Thánh Thần, đã xác nhận một lần mãi mãi [114] trong Lễ Vượt Qua của cái chết, sự phục sinh và sự lên trời của Chúa Con đã thành xác phàm, của sự tuôn đổ Chúa Thánh Thần vào Lễ Ngũ Tuần, trong thời điểm viên mãn, "*propter nos et propter nostram salutem* [vì loài người chúng tôi và để cứu rỗi chúng tôi]." Vì thế, nếu đúng là "chưa từng có ai thấy Thiên Chúa", thì đức tin của Giáo hội chứng thực rằng Chúa Giêsu, "Con một của Chúa Cha, đã mặc khải Người cho chúng ta" (Ga 1:18; x. Ga 3:16, 18 và 1 Ga 4:9). Lời chứng này được tóm tắt trong câu trả lời mà Chúa Giêsu đã đưa ra cho tông đồ Philip khi ông hỏi Người: "Lạy Chúa, xin tỏ cho chúng con thấy Chúa Cha, như thế là đủ." Và Chúa Giêsu trả lời ông:

"Philippe, thầy ở bên anh lâu như vậy mà anh không biết thầy sao? Ai đã thấy Thầy là đã thấy Cha. Làm sao anh có thể nói: Xin cho chúng con thấy Chúa Cha? Anh không tin rằng Thầy ở trong Chúa Cha và Chúa Cha ở trong Thầy sao? Những lời thầy nói với anh em, thầy không tự mình nói ra! Ngược lại, chính Chúa Cha là Đấng ngự trong thầy và hoàn tất những công trình của Người (Ga 14:8-11).

73. Nếu Chúa Giêsu tỏ cho thấy Chúa Cha, thì mọi sự trong Người đều dẫn đến Chúa Cha. Đức Kitô trong bản tính nhân loại mỏng manh và dễ bị tổn thương của Người là biểu thức đích thực của Thiên Chúa Cha: "ai thấy Người là thấy Chúa Cha" (x. Ga 14:9) [115]. Điều đó có nghĩa là Chúa không ẩn mình trước tiên ở đồi Golgotha dưới sự bắt lực của Đấng bị đóng đinh để rồi tự biểu lộ, vào sáng lễ Phục sinh, cuối cùng chính Người, cuối cùng là Đấng toàn năng. Ngược lại, tình yêu của Chúa Giêsu Kitô, Đấng để mình bị đóng đinh và chịu chết về mặt thể xác, xuống nơi tội nhân bị giam cầm bởi tội lỗi (*šə'ol* hay địa ngục), là sự mặc khải về Tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi, Đấng không hành động bằng vũ lực, nhưng mạnh mẽ hơn sự chết và tội lỗi. Chính trước cây thập giá, thánh Máccô đã báo một viên đại đội trưởng ngoại giáo nói: "Quả thật, người này là Con Thiên Chúa" (Mc 15:39). Như Đức Giáo Hoàng Benedict XVI đã phát biểu trong cuốn sách về Chúa Giêsu:

"Thập giá chính là “đỉnh cao” đích thực. Đây là đỉnh cao của tình yêu “cho đến cùng” (Ga 13:1). Trên thập giá, Chúa Giêsu “ở trên đỉnh”, ngang bằng với Thiên Chúa là tình yêu. Đây là nơi chúng ta có thể “biết” Người, nơi chúng ta có thể hiểu được câu “Ta là”.

Bụi cây cháy là cây thập giá. Tham vọng cao nhất của sự mặc khải, “Ta là” và thập giá của Chúa Giêsu là không thể tách rời" [116].

74. Sự hiểu biết về Thiên Chúa qua Chúa Kitô không chỉ cung cấp một nội dung tín lý đơn thuần, nhưng đưa con người vào mối hiệp thông cứu rỗi với Thiên Chúa, vì có thể nói, nó đưa con người vào chính trung tâm của thực tại, hay đúng hơn, của con người cần được biết đến và yêu thương. Lời mở đầu của Tin mừng thánh Gioan là lời diễn tả sự chiêm niệm cao nhất về mầu nhiệm Thiên Chúa đã được biểu lộ cho chúng ta nơi Chúa Giêsu để chúng ta có thể, trong ân sủng của Chúa Thánh Thần được đổ tràn "vô hạn" (Ga 3:34), bước vào chính sự sống của Thiên Chúa Ba Ngôi được Ngôi Lời mặc khải. Hình ảnh của Logos này không chỉ phản ánh Logos thần thiêng được nhận thức bởi tư tưởng Hy Lạp, mà còn sâu sắc hơn nữa, phản ánh di sản Cựu Ước của Lời Chúa, *Dābār* được Cựu Ước chứng thực. Vì sự mặc khải đã được ban cho Israel và được truyền lại trong Cựu Ước đã mang đến một kiến thức hoàn toàn mới về Thiên Chúa, mở đầu cho biến cố Mặc Khải này. Ngôi Lời này, tức là Chúa Con, "Thiên Chúa bởi Thiên Chúa", là Đấng từ ban đầu đã ở cùng Thiên Chúa, giống như Ngôi Lời diễn tả Người trong mọi chân lý, Người cũng là Thiên Chúa giống như Chúa Cha. Khi thời gian viên mãn, Ngôi Lời “đã trở nên xác phàm và dựng lều giữa chúng ta” (Ga 1:14), để những ai đón nhận Người sẽ nhận được “quyền năng (*exousia*) trở nên con Thiên Chúa” (Ga 1:14). Bằng cách cho phép con người được hiệp thông trọn vẹn với Người, Ngôi Lời đã trở nên xác phàm đã “khiến họ trở thành những người thông phần vào bản tính thần linh.” [117]

75. Sự hiểu biết và hiệp thông đích thực và chưa từng có này với Thiên Chúa cũng mang lại sự hiệp thông cứu rỗi với anh chị em trong nhân loại được Thiên Chúa yêu thương, bởi vì biến cố Chúa Giêsu Kitô là sự hiệp thông không thể tách rời với Thiên Chúa và với mọi con người. Đức tin của Giáo hội Tông truyền làm chứng cho sự hiệp thông này trong Chúa Kitô và qua Chúa Kitô, trong sự hiệp thông Ba Ngôi:

"Điều đã có từ lúc khởi đầu, điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt, điều chúng tôi đã chiêm ngưỡng và tay chúng tôi đã chạm đến, đó là Lời sự sống [...] chúng tôi cũng rao truyền cho anh em, để anh em cũng được thông công với chúng tôi. Sự hiệp thông của chúng ta là với Chúa Cha và với Chúa Con, Chúa Giêsu Kitô. Chúng tôi viết những điều này cho anh em để niềm vui của chúng ta được trọn vẹn (1 Gioan 1:1.3-4)".

Truyền thống thần học nhấn mạnh rằng lòng bác ái khiến chúng ta yêu mến Thiên Chúa và tha nhân, bao lâu họ là bạn của Thiên Chúa [118]. Chúng ta có thể nghĩ rằng ba nhân đức đối thần dẫn chúng ta đến một sự hiểu biết hoàn toàn mới về Thiên Chúa và sự hiệp thông với Người. Nhưng theo cách tiếp cận mới với Thiên Chúa mà chúng mang lại, chúng cũng tự tạo cho mình một con đường đức tin hướng đến tình huynh đệ, một niềm hy vọng đáng kinh ngạc vào người lân cận và lòng bác ái này tha thứ mọi thứ và thúc đẩy người ta hiến thân.

## 1.2 “Chúng ta có suy nghĩ (voũc) của Chúa Kitô” (1 Cr 2:16): loại suy của sáng tạo và loại suy của lòng bác ái

76. Biến cố Chúa Giêsu Kitô, bằng cách ban cho chúng ta con đường đến với Thiên Chúa theo cách không gì sánh bằng, vừa khơi dậy vừa hàm ý một "con đường" đến với Người, một con đường mới mẻ và độc đáo: đón nhận Kinh Tin Kính trong đức tin và bằng trí thông minh của mình, tốt hơn nữa, là đón nhận Thiên Chúa tự biểu lộ chính Người ở đó, đưa chúng ta vào trong cái nhìn của Chúa Kitô đồng bản thể với Chúa Cha, vào trong "suy nghĩ" hay chính tâm trí của Chúa Kitô và vào trong mối quan hệ của Người với Chúa Cha và với tha nhân. “Chúng ta có suy nghĩ của Chúa Kitô (*noun Christou*),” Thánh Phaolô thốt lên (1 Cr 2:16) [119]. Đó là tiếng kêu của sự ngưỡng mộ. Một lần nữa Công đồng Nicée cho thấy món quà vô giá của Thiên Chúa. Nhưng Nicée cũng chỉ ra rằng đây là cách duy nhất để hiểu được những gì Kinh Tin Kính diễn đạt, cả trong sự việc (*res*) lẫn trong bản văn. Chúng ta không thể chiêm ngưỡng và tham dự vào Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô, vào ơn cứu chuộc dành cho chúng ta, vào vẻ đẹp của Giáo hội và ơn gọi của con người, nếu không “có suy nghĩ của Chúa Kitô”. Không chỉ đơn thuần bằng cách biết đến Chúa Kitô, mà còn bằng cách bước vào chính trí thông minh của Chúa Kitô, theo nghĩa sở hữu chủ quan. Người ta không thể hoàn toàn tuân thủ Kinh Tin Kính cũng như tuyên xưng nó bằng cả con người mình mà không có “sự khôn ngoan không thuộc về thế gian này”, “được Chúa Thánh Thần mạc khải”, Đáng duy nhất “dò thấu những điều sâu thẳm của Thiên Chúa” (x. 1 Cr 2:6.10):

"Trong đức tin, Chúa Kitô không chỉ là Đấng mà chúng ta tin – là biểu hiện vĩ đại nhất của tình yêu Thiên Chúa – mà còn là Đấng mà chúng ta kết hợp với để có thể tin. Đức tin không chỉ hướng về Chúa Giêsu, mà còn nhìn từ quan điểm của Chúa Giêsu, bằng đôi mắt của Người: đó là sự tham gia vào cách nhìn của Người. [...] Cuộc sống của Chúa Kitô, cách Người biết Chúa Cha, cách Người sống hoàn toàn trong mối quan hệ với Chúa Cha, mở ra một không gian mới cho trải nghiệm của con người và chúng ta có thể bước vào đó" [120].

77. Điều này có thể xảy ra vì Chúa Kitô nhìn thấy Chúa Cha qua đôi mắt con người của Người và mời gọi chúng ta bước vào trong cái nhìn của Người. Mặt khác, con đường này đòi hỏi một sự biến đổi sâu sắc trong suy nghĩ và tâm trí của chúng ta, phải trải qua sự hoán cải và nâng cao: “Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người bằng cách đổi mới tâm trí” (Rm 12:2). Đây chính là những gì biến cố Chúa Giêsu Kitô mang lại: trí thông minh, ý chí và khả năng yêu thương thực sự được cứu rỗi bởi Mạc Khải được công bố tại Nicée. Chúng được thanh lọc, định hướng và biến đổi. Chúng mang một sức mạnh mới, hình thức và nội dung chưa từng có. Các khả năng của chúng ta chỉ có thể bước vào sự hiệp thông với Chúa Kitô bằng cách trở nên giống Người, trong một tiến trình khiến các tín hữu “giống như (*symmorphizomenos*)” (Pl 3:10) Đáng chịu đóng đinh và phục sinh ngay cả trong tâm trí họ. Tư tưởng mới này được đặc trưng bởi sự gắn kết không thể tách rời giữa kiến thức và tình yêu. Như Đức Giáo Hoàng Phanxicô đã chỉ ra: “Thánh Grégoire Cả đã viết rằng ‘*amor ipse notitia est*,’ bản thân tình yêu là kiến thức, nó mang trong mình một luận lý mới. [121]” Đó là kiến thức thương xót và đầy lòng trắc ẩn, vì lòng thương xót là bản chất của Tin mừng [122] và phản ánh chính bản chất của Thiên Chúa của Chúa Giêsu Kitô, được tuyên xưng trong Kinh Tin Kính Nicée. Tâm trí [*mens*] được đổi mới ngụ ý sự hiểu biết về phép loại suy được xem xét lại dưới ánh sáng của mầu nhiệm Chúa Kitô. Nó giữ lại những gì chúng ta có thể gọi là “phép loại suy của sự sáng tạo”, nhờ đó chúng ta nhận thức được sự hiện diện của Thiên

Chúa trong sự bình an của trật tự vũ trụ[123], và những gì chúng ta có thể gọi là “phép loại suy của lòng bác ái”.[124] Phép loại suy này, có thể nói là đảo ngược, trước mâu thuẫn của sự gian ác và hủy diệt nhưng được soi sáng bởi mâu thuẫn mạnh mẽ hơn của Cuộc Khổ nạn và Phục sinh của Chúa Kitô, nhận ra sự hiện diện của Thiên Chúa tình yêu giữa sự yếu đuối và đau khổ. Sự khôn ngoan của Chúa Kitô được mô tả trong Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô là điều “làm cho sự khôn ngoan của thế gian ra điên rồ”:

"Vì Chúa Ki-tô chẳng sai tôi đi làm phép rửa, nhưng sai tôi đi rao giảng Tin mừng, và không dùng lời lẽ khôn ngoan của loài người, khiến cho thập giá của Chúa Ki-tô trở nên vô giá trị. Vì lời giảng về thập giá là sự điên rồ đối với những kẻ đang trên đường hư mất, nhưng đối với chúng ta là những người đang trên đường cứu rỗi, thì đó là quyền năng của Thiên Chúa. Vì Kinh Thánh chép rằng: “Ta sẽ hủy diệt sự khôn ngoan của người khôn ngoan, và sẽ loại bỏ sự hiểu biết của người hiểu biết.” Người khôn ngoan ở đâu? Người kinh sư ở đâu? Người lý luận ở đâu bên dưới này? Chẳng phải Thiên Chúa đã làm cho sự khôn ngoan của thế gian ra điên rồ sao? Vì thế gian, qua mọi sự khôn ngoan của Thiên Chúa, đã không nhận biết Thiên Chúa, nên Thiên Chúa đã vui lòng dùng sự điên rồ của việc rao giảng Tin mừng để cứu những người tin (1 Cô-rinh-tô 1:17-25)".

Sự hoán cải và biến hình này không thể diễn ra nếu không có ân sủng. Trí thông minh của con người bộc lộ bản chất được sắp xếp theo ân sủng và dựa vào ân sủng để trở thành chính nó một cách trọn vẹn, giống như chính con người vậy [125]. Đây là điều cho phép chúng ta hiểu được cách các khả năng của con người được phục hồi và biến đổi nhờ biến cố Chúa Giêsu Kitô được đưa đến sự viên mãn bằng cách triển khai các phương thức đức tin, đức cậy và đức mến, hoa trái đầu mùa trong thế giới này của cuộc sống vinh quang: "Anh em hãy có những tâm tình như Chúa Kitô Giêsu" (Pl 2:5).

### **1.3 Sự gia nhập đời thần vào việc hiểu biết Chúa Cha qua lời cầu nguyện của Chúa Kitô**

78. Làm thế nào chúng ta có thể đi vào “suy nghĩ của Chúa Kitô” được đưa ra bởi biến cố Chúa Giêsu Kitô? Bởi vì Chúa Giêsu Kitô không chỉ là một giáo viên hay người hướng dẫn, mà chính là sự mặc khải và sự thật của Thiên Chúa, nên những người tiếp nhận Người không chỉ là người nhận được sự hướng dẫn. Bởi vì con người của Đấng Phục Sinh không phải là đối tượng của quá khứ, nên bất cứ ai muốn hiểu được mâu thuẫn sâu xa của Chúa Giêsu, sự mặc khải của Thiên Chúa trong nhân tính của Người, phải để mình được bao gồm trong mối quan hệ hiệp thông với Chúa Cha. Điều này được thực hiện thông qua đời sống đời thần, đọc Kinh thánh trong Giáo hội, cầu nguyện cá nhân và phụng vụ, đặc biệt là Bí tích Thánh Thể.

79. Sự tham gia bằng ân sủng vào lời cầu nguyện của Chúa Kitô tạo nên con đường hoàng gia dẫn đến sự nhận biết Chúa Kitô, Đấng mặc khải sự hiểu biết về Chúa Cha (“Cha Ta và Cha các ngươi”, trong Ga 20:17). Joseph Ratzinger / Đức Giáo Hoàng Benedict XVI tuyên bố: "Vì lời cầu nguyện tạo nên chính trung tâm của con người Chúa Giêsu, nên việc tham gia vào lời cầu nguyện của Người trở thành điều kiện để biết và nhận ra Người.[126] "Nói cách khác, sự hiểu biết về Chúa Kitô bắt đầu bằng việc người nhận ra Người bước vào hành vi cầu nguyện của Chúa Giêsu: "Nơi nào không có mối quan hệ với Thiên Chúa, thì Đấng vốn sâu xa không là gì khác ngoài mối quan hệ với Thiên Chúa, với Chúa Cha, không thể thực sự được biết đến hoặc hiểu được.[127]" Và điều đúng với mỗi tín hữu cũng đúng với toàn thể

Giáo hội. Chỉ khi nào cộng đồng cầu nguyện được ghi tên trong mối quan hệ giữa Chúa Giêsu với Chúa Cha thì Giáo hội mới là “sự suy nghĩ [*nous*]” nhận ra Chúa Kitô như Người được nói đến trong Ga 5:18-20 [128] và trong 1 Ga 3:11. Đây lại là vấn đề về các khẳng định Kitô học của Kinh Tin Kính: "Lời khẳng định trung tâm của tín điều, 'Chúa Con đồng bản thể với Chúa Cha, cùng bản tính với Chúa Cha', tóm tắt toàn bộ chứng từ của các công đồng cổ thời, chỉ đơn giản chuyển dịch biến cố lời cầu nguyện của Chúa Giêsu sang ngôn ngữ triết học và thần học chuyên ngành, không gì hơn.[129]" Đức tin được diễn tả bởi Công đồng Nicée nảy sinh từ mối quan hệ của Chúa Giêsu với Chúa Cha và đưa mối quan hệ này vào trong đó, để cung cấp cho con người và Giáo hội việc tham gia vào kiến thức và sự hiệp thông của Chúa Giêsu với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần.

## 2. Biến cố Khôn ngoan: Sự mới mẻ cho Tư tưởng nhân bản

### 2.1 Sự mặc khải làm phong phú và mở rộng tư tưởng nhân bản

80. Bằng cách thiết lập đức tin Kitô học và Ba Ngôi, Kinh Tin Kính Nicée là một phần của phong trào tượng thai (*fécondation*) tư tưởng nhân bản, của “sự mở rộng lý trí [130]”, thông qua Mặc khải trong quá trình truyền tải của nó. Thật vậy, sự tiếp cận vô song với Thiên Chúa thông qua biến cố Chúa Giêsu Kitô, cũng như sự tham gia vào tư tưởng (*phronēsis*) và lời cầu nguyện của Chúa Kitô, không thể không có tác động quyết định đến tư tưởng và ngôn ngữ của con người. Chúng ta đang chứng kiến một “Biến cố Khôn ngoan”, qua đó những điều này phải được mở rộng và được mở rộng bởi Sự mặc khải để nó có thể được tự biểu lộ ở đó. Và trong chính chuyển động này, chúng chứng minh một cách chính xác rằng chúng có khả năng được dẫn dắt vượt qua chính mình. Trong lịch sử của biến cố Khôn ngoan này, Nicée tạo nên một bước ngoặt lớn, “một con đường mới và sống” (Hr 10:20), mà Pavel Florensky đã nắm bắt được tầm quan trọng quyết định của nó, và ông đã diễn đạt bằng những lời lẽ mạnh mẽ:

"Người ta không thể nhớ lại mà không run rẩy một cách thánh thiêng khoảnh khắc duy nhất và mãi mãi có ý nghĩa về mặt triết học và tín điều, khoảnh khắc khi tiếng sấm của "*Homoousios*" vang lên lần đầu tiên trên Thành phố Chiến thắng [Nicée]. Đây không phải là một câu hỏi cụ thể về thần học, mà là một định nghĩa cấp tiến mà Giáo hội Chúa Kitô tự đưa ra. Thuật ngữ duy nhất này không chỉ diễn đạt tín điều về Chúa Kitô mà còn đưa ra sự đánh giá về mặt tinh thần đối với các quy tắc của lý trí. Chủ nghĩa duy lý đã bị tiêu diệt ở đó. Lần đầu tiên, nguyên tắc mới của hoạt động hợp lý được tuyên bố *urbi et orbi* [cho thành phố và cho thế giới]" [131].

Ngôi Lời là Đức Kitô nhập thể, Con của Chúa Cha trong sự hiệp thông của Chúa Thánh Thần, biểu lộ rằng chính Người là thước đo của mọi lời của con người, rằng Người có thể làm cho sống động và mở rộng, nhưng Người cũng có thể là thẩm phán, đặt nó vào cuộc khủng hoảng (*krisis*) theo nghĩa chặt chẽ của từ này. Thật vậy, thật đáng chú ý khi quan sát cách Thánh Athanase, trong một phán đoán sâu sắc, coi việc Arius từ chối sự trọn vẹn của hình ảnh Chúa Kitô cấu thành sự phủ nhận lý trí, phủ nhận logos thuần túy và đơn giản: "Bằng cách phủ nhận Logos của Thiên Chúa, họ thấy mình bị tước đoạt chính mọi logos.[132]" Về cơ bản, biến cố Khôn ngoan do biến cố Chúa Giêsu Kitô tạo ra đưa lý trí và tư tưởng của con người đến với ơn gọi cao cả và chân thực nhất của nó. Có thể nói là nó trả lại nó cho chính nó. Vì vậy, như chúng ta sẽ thấy, *homoousios* không chỉ đơn thuần là một



mẫu mực của tính liên văn hóa, mà nó còn thuộc về một biến cố nguyên mẫu, khai mạc và sáng lập sự khôn ngoan của Giáo hội trong tính tông truyền của nó.

81. Biến cố Chúa Giêsu Kitô làm cho một hữu thể học mới trở nên khả hữu, trong chiều kích của Thiên Chúa duy nhất và ba ngôi và Ngôi Lời nhập thể. Lý trí con người đã cho phép chính nó được mở ra và thâm nhập bởi mẫu nhiệm, được tiếp cận thông qua sự mặc khải về sáng tạo *từ hư không* (2 Mt 7:28; Rm 4:17), về sự siêu việt hữu thể học của một Thiên Chúa, tuy nhiên lại gần gũi hơn với mỗi tạo vật hơn là với chính nó [133]. Nó cho phép bản thân được đổi mới từ trên xuống dưới khi nó được thông tin bởi ý nghĩa sâu xa được ban cho mọi sự bởi mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi là tình yêu (1 Ga 4:8, 16) – tính khác biệt, tính tương quan, tính hỗ tương, tính nội tâm lẫn nhau kể từ đây tự biểu lộ như chân lý tối hậu và các phạm trù cấu trúc của hữu thể học. Hữu thể thấy mình được soi sáng ở đó và tự chứng tỏ còn phong phú hơn so với những phiên bản triết học trước đó, sâu sắc và phức tạp như chúng vốn có. Hơn nữa, Nicée, bắt đầu từ câu hỏi về Kitô học và cứu thế học để trình bày Thiên Chúa Cha, Con và Thánh Thần, phản ánh rõ cách thức mà tính hiện tượng Kitô học thúc đẩy sự phát minh ra [*inventio*] học thuyết Ba Ngôi, thông qua động lực giữa trật tự khám phá, Kitô học và Thần khí học, đặt ở tâm điểm của nó, và trật tự thực tại Ba Ngôi, cấu trúc nên học thuyết này. Nicée thúc đẩy việc xem xét thần học bằng sự phản ánh của Kitô giáo hoặc khám phá về “Ba Ngôi nội tại”. Vì mẫu nhiệm Chúa Kitô, được hiện thực hóa trong lịch sử và trong một nhân loại duy nhất, mang lại sự tiếp cận với Thiên Chúa, vật chất và xác thịt, thời gian và lịch sử, sự mới lạ, hữu hạn và mong manh, có được những nét chữ cao quý và sự nhất quán để diễn tả hữu thể. Sâu thẳm bên trong, hữu thể cũng tự biểu lộ qua Mặc Khải, *semper major* (luôn lớn lao hơn).

82. Biến cố Khôn Ngoan rõ ràng ngụ ý một sự đổi mới về nhân học, đến nỗi biến cố Chúa Giêsu Kitô đã rời một ánh sáng mới lên hữu thể nhân bản. Chúng ta hãy ngắn gọn gọi lại những khía cạnh được phát triển trong chương đầu tiên của tài liệu này [134]. Nhân chủng học của Kinh thánh đòi hỏi chúng ta phải xem xét lại khái niệm con người dựa trên tính cao quý của vật chất và tính duy nhất. Đấng Sáng Tạo của sách Sáng Thế muốn có mỗi cá nhân và “ghi khắc chúng trên lòng bàn tay của Người” (Is 49:16). Hơn nữa, Chúa Giêsu gọi mọi con người là anh chị em của Người, bởi vì biến cố nhập thể đã làm cho mỗi con người trở nên cao quý, theo cách không thể vượt qua và không thể diễn tả được. Khi Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople tuyên bố rằng Chúa Giêsu Kitô, là con người thật, là Con Thiên Chúa và như vậy, “bình đẳng” với Thiên Chúa Cha, thì mọi con người—bất kể nguồn gốc, quốc gia, tài năng hay trình độ đào tạo—đều được ban cho một phẩm giá thúc đẩy trí tuệ con người suy nghĩ theo những cách mới, vượt ra ngoài giới hạn của quan điểm hoàn toàn tự nhiên về con người. Có một phẩm giá Kitô học đúng nghĩa của những hữu thể đơn lẻ.

83. Tương tự như những gì xảy ra khi đi vào “suy nghĩ của Chúa Kitô”, sự mở rộng hữu thể học và nhân học hàm ý một sự chuyển đổi và có thể gặp phải sự kháng cự của tư tưởng, vốn đã quen với những giới hạn của nó. Biến cố Khôn Ngoan đòi hỏi chúng ta phải lưu ý không những đến “loại suy của sáng thế” mà còn đến “loại suy của lòng bác ái”. Đối diện với sự tự hủy của Nhập thể và Cuộc khổ nạn của Chúa Kitô, đối diện với đau khổ và sự dữ ảnh hưởng đến nhân tính, tinh thần con người sẽ chạm đến giới hạn của mình. Câu hỏi đặt ra là: tại sao Chúa Cha toàn năng dường như đã quan sát từ trên cao con đường thập giá đau khổ của Chúa Con và chỉ hành động sau khi Người đã chết? Tại sao Người không trả lời ngay lời cầu

nguyện tại Vườn Ô-liu, được dâng lên bằng mồ hôi máu và nỗi sợ hãi: “Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho chén này xa khỏi Con...” (Mt 26:39b)? Trên thực tế, sự bình đẳng về bản chất với Chúa Cha của Chúa Con nhập thể và chịu đóng đinh, được tuyên xưng trong Kinh Tin Kính Nicée, mời gọi tư tưởng con người chuyển đổi và cải biến ý nghĩa của thuật ngữ "toàn năng". Thiên Chúa Ba Ngôi không phải trước hết là toàn năng rồi mới đến tình yêu; Sự toàn năng của Người đúng hơn đồng nhất với tình yêu được thể hiện nơi Chúa Giêsu Kitô. Thực vậy, những gì Chúa Giêsu đã trải qua, như đã được chứng thực trong Tân Ước, là – thông qua hành động của Chúa Thánh Thần – sự mặc khải trong lịch sử, trên kế hoạch nhiệm cục Ba Ngôi, mối quan hệ nội tại Ba Ngôi và thực tại nội tại trong Thiên Chúa [135]. Thiên Chúa thực sự là Thiên Chúa khi quyền năng yêu thương của Người không áp đặt điều gì nhưng ban cho đối tác giao ước của Người là con người khả năng ràng buộc mình với Người một cách tự do và nhưng không. Thiên Chúa tương ứng với chính hữu thể của Người khi Người không dùng vũ lực để cải hóa nhân loại đã bị tội lỗi làm cho hư hỏng, nhưng hòa giải nhân loại với chính Người qua các biến cố ở Bethlehem và Golgotha. Trong tất cả những điều này, cách nhìn của con người chúng ta được kêu gọi tự cho phép mình được biến đổi sâu sắc bởi Chúa Kitô: “Tư tưởng của các người không phải là tư tưởng của Ta” (Is 55:8; xem thêm Mt 16:23).

## 2.2 Một biến cố văn hóa và liên văn hóa

84. Nếu biến cố Chúa Giêsu Kitô đổi mới tư tưởng như thể được tái tạo theo một biến cố của Đức Khôn Ngoan, thì nó cũng đổi mới và thanh lọc, nuôi dưỡng và mở rộng nền văn hóa nhân bản. Trên thực tế, Công đồng Nicée, nơi diễn đạt đức tin Kitô giáo của Giáo hội lan rộng khắp mọi quốc gia bằng tiếng Hy Lạp và sử dụng một thuật ngữ từ triết học Hy Lạp, chắc chắn là một biến cố văn hóa. Đức tin cần phải bao hàm văn hóa nhân bản, vì nó bao hàm bản chất con người, vì bản chất và văn hóa là yếu tố cấu thành nên con người và do đó không thể tách rời. “Con người luôn luôn được đặt vào vị trí văn hóa [136]”, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nhắc lại. Bởi vì con người là một hữu thể có quan hệ và xã hội, là một phần của lịch sử, nên chính thông qua văn hóa, con người đạt đến sự viên mãn của nhân tính mình [137]. Hơn nữa, Mặc khải, thiết lập sự hiệp thông giữa Thiên Chúa và con người, cần những người tiếp nhận có sự nhất quán của riêng họ để đón nhận nó với sự tự do và trách nhiệm trọn vẹn. Do đó, việc bầu chọn dân tộc của mười hai chi tộc Israel, những người phải phân biệt mình với tất cả các dân tộc khác và học cách tách biệt chân lý khỏi sai lầm, trước tiên vì lợi ích của chính họ. Do đó, Chúa Giêsu Kitô, trong Người, Con Thiên Chúa thực sự trở thành con người, một người Do Thái, một người Galilê, người mà nhân tính mang dấu ấn văn hóa của hành trình lịch sử của dân Người. Do đó, Giáo hội, được tạo thành từ tất cả các quốc gia. Do đó, dựa trên nguyên tắc của Thánh Thomas, "ân sủng giả định bản nhiên", và mở rộng nó, Đức Giáo Hoàng Phanxicô nói thêm: "ân sủng giả định văn hóa, và ân sủng của Thiên Chúa được nhập thể trong nền văn hóa của những người tiếp nhận nó." [138]

85. Giả định về văn hóa này của Mặc Khải ngụ ý một sự ảnh hưởng qua lại nhất định giữa hai bên, mặc dù chúng không đối xứng. Cũng như tinh thần con người có khả năng được biến đổi, văn hóa có ơn gọi để cho phép mình được soi sáng bởi Mặc khải, đến mức có thể chào đón, với cái giá hoán cải, sự khôn ngoan của Đấng Chịu Đóng Đinh: “Sức mạnh của Tin mừng [phải thấm nhuần] các cách suy nghĩ, các tiêu chuẩn phán đoán, các chuẩn mực hành động; nói một cách ngắn gọn, toàn bộ nền văn hóa của con người cần phải được Tin mừng thấm nhuần. [139] Tuy nhiên, đức tin không phải là một yếu tố xa lạ với các nền văn hóa

trong đó đức tin được sống, bởi vì kể từ Lễ Ngũ Tuần, đức tin Kitô giáo mang theo mình sự chắc chắn rằng không có một nền văn hóa nào của con người không chờ đợi và hy vọng vào sự hoàn thành của nó trong cuộc viếng thăm của Ngôi Lời Thiên Chúa, chính Người đã truyền bá *semina Verbi* [hạt giống Lời Chúa] [140] trong mọi nền văn hóa đang chờ đợi sự viếng thăm của Người. Đây là cách chúng trở thành chính mình một cách trọn vẹn. Do đó, chính từ bên trong, từ sự cởi mở của chúng đối với những gì là chân lý, tốt lành và đẹp đẽ, mà Mặc Khải thanh tẩy và nâng cao chúng. Nhưng sau đó, các nền văn hóa và ngôn ngữ được tiếp nhận và biến đổi bởi sự mới mẻ của mặc Khải cho phép việc thể hiện đức tin được phong phú và sáng tỏ hơn. Sự hỗ trợ này đã được quan sát qua nhiều thế kỷ trong quá trình phát triển của ngôn ngữ, thi ca và nghệ thuật nhờ Kinh thánh, sự hiểu biết về Kinh thánh cũng được soi sáng như thể "để đáp lại" bằng cách nhiễu xạ [diffraction] thành những từ ngữ và góc nhìn khác về thế giới. Đây cũng là điều xảy ra tại Nicée trong việc sử dụng *homoousios*, làm sáng tỏ sự hiểu biết của Giáo hội về mối quan hệ con thảo của Chúa Giêsu Kitô trong khi biến đổi thuật ngữ mà nó mang lấy.

86. Trong giả định về văn hóa này, một vị trí độc đáo và quan trọng phải được dành cho mối quan hệ giữa văn hóa Do Thái và văn hóa Hy Lạp. *Homoousios* sẽ xuất hiện ở đây như là thành quả của sự tổng hợp đặc biệt mạnh mẽ diễn ra giữa nền văn hóa Sê-mit, vốn đã được Mặc Khải chạm đến và biến đổi, nhưng cũng được hình thành bởi những cuộc gặp gỡ và bất đồng với các dân tộc thuộc các nền văn hóa khác – người Ai Cập, người Canaan, người Luống Hà, người La Mã – và thế giới Hy Lạp. Trong hơn ba thế kỷ trước khi Chúa Giêsu ra đời và cho đến thế kỷ thứ ba Công nguyên, việc giảng dạy và đời sống trí thức của Do Thái giáo theo văn hóa Hy Lạp không chỉ được diễn đạt bằng tiếng Aram mà còn bằng tiếng Hy Lạp, với Bản Bảy Mươi là trọng tâm. Những lời dạy của Chúa Giêsu đã được ghi lại và truyền lại bằng tiếng Hy Lạp, nhằm mục đích truyền đạt Tin mừng cho mọi người bằng ngôn ngữ chung của lưu vực Địa Trung Hải, nhưng cũng vì Tân Ước là một phần trong lịch sử mối quan hệ của người Do Thái với văn hóa và ngôn ngữ Hy Lạp. Giống như trong Bản Bảy Mươi, những ảnh hưởng này đi theo cả hai hướng. Ví dụ, *panta ta ethnē* [mọi dân tộc] của Mt 28:19 dịch ý tưởng cổ xưa của người Do Thái về tất cả các quốc gia đổ xô đến Giêrusalem, và *māthētēs* (môn đệ-học trò) dịch chữ Talmudim tiếng Aram. Ngược lại, các nhà truyền giáo sử dụng tiếng Hy Lạp của tòa án để diễn giải phiên tòa và cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu, tác giả của Công vụ lấy cảm hứng từ sử thi Odyssey để kể lại chuyến hành trình của Thánh Phao-lô và sau này thường phản ánh các yếu tố của triết học Khắc kỷ, giống như một số đoạn trong Tân Ước mang dấu vết của vốn từ vựng hữu thể học Hy Lạp [141]. Hoàn toàn tự nhiên khi Kitô giáo mới ra đời tiếp tục sự tổng hợp tư tưởng Sê-mit và Hy Lạp, trong cuộc đối thoại với các tác giả Do Thái-Hy Lạp và Hy Lạp-La Mã, để giải thích Kinh thánh và phát triển tư tưởng riêng của mình. Sự phong phú của cách diễn đạt Hy Lạp của Do Thái giáo và Ki-tô giáo do đó có thể gợi ý rằng có một chiều kích sáng lập trong sự ghép nối văn hóa Hy Lạp vào văn hóa Do Thái, điều này sẽ giúp giải thích bằng tiếng Hy Lạp tính độc đáo và tính phổ quát của sự cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô đứng trước lý trí triết học [142]. Rõ ràng là một bộ phận lớn các Ki-tô hữu, đặc biệt là những người sống bên ngoài biên giới của Đế quốc La Mã, không thuộc về khu vực văn hóa này và đã sử dụng tài năng của mình để phục vụ cho việc thể hiện đức tin trong thế giới nói tiếng Syria, ở Armenia và Ai Cập, nhưng họ cũng tự đặt mình vào mối quan hệ với tư tưởng Hy Lạp, cho phép bản thân được truyền cảm hứng từ tư tưởng đó và đồng thời cũng tách mình ra khỏi nó.

87. Công đồng Nicée không chỉ đơn thuần là một biến cố tiếp nhận và nuôi dưỡng văn hóa thông qua Mặc Khải, mà còn là dịp cho những cuộc gặp gỡ giữa các nền văn hóa. Cuộc gặp gỡ của các nền văn hóa này là một khía cạnh quan trọng của biến cố Khôn ngoan mà Chúa Giêsu Kitô mang đến, vì Mặc Khải kết nối và đưa các nền văn hóa vào sự hiệp thông với nhau, tạo nên mức độ liên văn hóa cao nhất có thể. Sự trao đổi và thai nghén lẫn nhau vốn là những bộ phận cấu thành nên mọi nền văn hóa, chỉ tồn tại trong quá trình chúng tiếp xúc với nhau, và do đó phát triển, làm giàu cho nhau, và đôi khi đối lập và gây nguy hiểm cho nhau. Tuy nhiên, sức mạnh đổi mới của Mặc Khải mang đến bước nhảy vọt về chất lượng trong cường độ của những mối quan hệ này. Một mặt, bằng cách cho phép tiếp cận nguồn siêu việt của chân lý và lòng tốt, đến gốc rễ của tính phổ quát của tinh thần con người khiến cho sự giao tiếp của họ trở nên khả hữu [143], nó mở ra hoàn toàn không gian chung cho các cuộc gặp gỡ và trao đổi của họ. Mặt khác, biến cố Chúa Giêsu Kitô là sức mạnh hoán cải và giải phóng khỏi những thế lực giam cầm và đối lập với nhau hiện hữu trong cuộc sống của các dân tộc và nền văn hóa. Chỉ có nền văn hóa nào được gọi là "được cứu rỗi" mới có thể vượt qua chính mình mà không đánh mất chính mình, và mở lòng với người khác để được họ làm giàu cũng như làm giàu cho họ. Việc lắng nghe Lời Chúa và Truyền thống, và do đó lắng nghe lời của Đấng Khác, có thể nói là giúp cho tâm trí và các nền văn hóa quen với việc lắng nghe người khác [144]. Điều này không dẫn đến sự đối lập bên ngoài và kìm còi của các nền văn hóa, cũng không dẫn đến sự hợp nhất thành một tổng thể không rõ ràng, mà dẫn đến sự liên văn hóa được bảo tồn và nâng cao, trong đó mỗi nền văn hóa vượt qua chính mình trong khi được củng cố trong tính nhất quán của riêng mình, nhờ vào một hình thức giao thoa giữa các nền văn hóa [145]. Đây là lý do tại sao vấn đề là phải duy trì cả sự mới lạ thực sự lẫn "sự nâng cao" của các nền văn hóa, chẳng hạn như thực tế là những người chấp nhận Tin mừng của Chúa Kitô sẽ bảo tồn bản sắc văn hóa của họ và thấy mình được củng cố bởi nó [146]: "Các Ki-tô hữu không phân biệt mình với những con người khác về quốc gia, ngôn ngữ hoặc trang phục [...]. Trong khi tuân theo các phong tục địa phương về trang phục, thực phẩm và các khía cạnh khác của cuộc sống, họ thể hiện bản chất đáng ngưỡng mộ và theo mọi lý lẽ, là nghịch lý của nền cộng hòa của họ"[147].

88. Trên thực tế, tính liên văn hóa là biểu hiện của một vấn đề sâu xa hơn, tạo nên nền tảng của nó: kế hoạch thần thiêng về sự thống nhất của các dân tộc và con đường gian khổ để đạt được sự thống nhất trong đa dạng này. Đây là một trong những chủ đề chính của lịch sử cứu rỗi trong Kinh Thánh. Câu chuyện điển hình về Tháp Babel trong Sáng thế 11:1-9 nhấn mạnh đến sự căng thẳng giữa sự phong phú của nhiều ngôn ngữ và nền văn hóa, một mặt, và khả năng của con người trong việc phá vỡ sự thống nhất của ngôi nhà chung, làm mờ đi các *logos* của *oikos* [gia hộ]. Lời kêu gọi Áp-ra-ham, lời hứa với ông rằng trong ông "mọi gia tộc trên mặt đất sẽ được chúc phúc" (St 12:3), là phản ứng cứu rỗi đầu tiên của Thiên Chúa. Các tiên tri mở rộng lời hứa này cho các dân tộc trên trái đất bằng cách công bố sự hiệp nhất của tất cả các quốc gia xung quanh dân được chọn và Lễ Luật [148]. Tân Ước trình bày sự hiệp nhất này được hiện thực hóa nơi Đấng Mê-xi-a, Đấng đã dùng máu và thịt mình để "phá đổ bức tường ngăn cách, là sự thù hận" giữa Israel và các dân tộc, để "từ đôi bên, dựng nên trong Người một con người mới" (Ê-phê-sô 2:14.15b). Vì thế, các quốc gia được liên kết với dân của Giao ước, được "nhận vào cùng một cơ nghiệp, là chi thể của cùng một thân thể, là những người đồng hưởng cùng một lời hứa" (Ê-phê-sô 3:6). Điều này có thể xảy ra nơi Chúa Kitô, Đấng duy nhất và phổ quát, là Đấng duy trì sự khác biệt và bản sắc, và là Đấng đảm nhận toàn thể nhân loại bằng cách đảm nhận một nhân loại có vị trí về mặt phả hệ và văn hóa.

Biểu tượng của Babel, Lễ Ngũ Tuần của những lưỡi lửa trong Công vụ 2:1-18, là sự biểu hiện và hiện thực hóa quyền năng hiệp thông của các logos nhân bản, cuối cùng xuất phát từ Logos của Thiên Chúa [149]. Không phải trong sự hiệp nhất có tính hợp nhất của một ngôn ngữ duy nhất mà Chúa Thánh Thần mang lại sự hiệp thông cho những người Do Thái thuộc các ngôn ngữ và nền văn hóa khác nhau, nhưng bằng cách truyền cảm hứng cho sự hiểu biết lẫn nhau, một hình ảnh về những gì sẽ là Giáo hội quy tụ mọi quốc gia, tất cả đều hướng tới sự hoàn thành của nó, khi "144,000 người được đóng ấn" của mười hai chi tộc Israel và "đám đông vô số không ai có thể đếm được, thuộc mọi quốc gia" "Các dân tộc, bộ tộc, dân tộc và ngôn ngữ" sẽ hiện thực hóa sự hiệp thông trọn vẹn vào ngày tận thế của nhân loại trong thành Giêrusalem mới (Khải Huyền 7:4.9).

89. Chiều kích liên văn hóa mà Công đồng Nicée là biểu hiện sáng lập cũng có thể được coi là một mô hình cho giai đoạn đương thời khi Giáo hội hiện diện ở nhiều khu vực văn hóa khác nhau: văn hóa Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ Latinh, Châu Đại Dương, văn hóa đại chúng mới của Châu Âu, chưa kể đến hình thức văn hóa mới do cuộc cách mạng kỹ thuật số và khoa học công nghệ mang lại. Tất cả các vũ trụ văn hóa đương thời này dường như rất xa lạ với nền văn hóa Hy Lạp cổ thời vốn chào đón theo cách khai mở hình thức hội nhập văn hóa tín điều đạt được trong biến cố Nicée. Một mặt, thực sự cần nhấn mạnh rằng chính trong những phạm trù Hy Lạp này mà Giáo hội đã diễn đạt theo cách chuẩn mực và do đó, chúng luôn luôn đoàn kết với kho tàng đức tin [150]. Tuy nhiên, mặt khác, để trung thành với các thuật ngữ xuất phát từ thời đại đó và tìm thấy nguồn gốc sống động của nó ở đó, Giáo hội có thể lấy cảm hứng từ các Nghị phụ Nicée để tìm kiếm những cách diễn đạt đức tin có ý nghĩa ngày nay bằng các ngôn ngữ và bối cảnh khác nhau. Với ân sủng của Chúa Thánh Thần, các cộng đồng Kitô giáo, các nhà thần học và các mục tử của họ, trong sự hiệp thông hiệu quả với Huấn quyền, phải tự mình thực hiện, trong hoàn cảnh văn hóa và ngôn ngữ của riêng mình, một công việc tương tự như công việc trong quá khứ để khẳng định sự hiệp nhất triệt để của Chúa Con và Chúa Cha. Công đồng Nicée vẫn là hình mẫu của mọi cuộc gặp gỡ liên văn hóa và khả năng tiếp nhận hoặc hình thành những cách thức mới đích thực để diễn tả đức tin tông đồ.

### **2.3 Sự trung thành sáng tạo của Giáo hội và vấn đề dị giáo**

90. Việc nhận thức rằng Công đồng Nicée là thời điểm của biến cố Khôn ngoan do Chúa Giêsu Kitô mang lại cho phép chúng ta đọc lại một cách tinh tế hơn lịch sử các tà thuyết mà Công đồng đã phản ứng. Lạc giáo, cố tình đi chệch khỏi chứng tá tông đồ và làm tổn hại đến tính toàn vẹn của nó, bị các Giáo Phụ tri nhận như một sự mới lạ đã từ bỏ con đường của quy luật đức tin (*regula fidei*) và truyền thống (*traditio*) và chính vì điều này mà xa rời thực tại lịch sử của Chúa Kitô. Lời chỉ trích dành cho Arius chính là lời chỉ trích về việc đưa ra điều gì đó mới mẻ [151]. Tuy nhiên, liên quan đến sự mới mẻ [*novum*] được khai mở bởi biến cố Chúa Giêsu Kitô, chúng ta có thể thấy rõ hơn khi hiểu lạc giáo cũng là một sự kháng cự cơ bản, thụ động và chủ động, đối với sự mới mẻ siêu nhiên mở ra tư tưởng và nền văn hóa của con người vượt ra ngoài chính chúng – sự mới mẻ của ân sủng mà ngôn ngữ đức tin mới được diễn tả bằng *homoousios* làm chứng cho. Gần như không thể tránh khỏi việc con người, với tất cả khả năng của họ, trong toàn bộ hữu thể của họ, sẽ chống lại sự mới lạ chưa từng nghe thấy này, thứ có thể biến đổi và biến hình con người. Nó có nghĩa sự chống đối và do đó tội lỗi của “con người cũ” (Rm 6:6; xem thêm Ep 2:15), sự khó khăn trong việc hiểu biết và chấp

nhận trọn vẹn sự bao la của Thiên Chúa và tình yêu của Người, cũng như phẩm giá vô biên của con người. Con đường chậm rãi, thận trọng nhưng đầy thử thách của những nỗ lực đầu tiên nhằm hiểu ý nghĩa của mầu nhiệm Đấng Chịu Đóng Đinh và sự phục sinh vinh quang của Người, sự chuyển tiếp từ lời rao giảng của các tông đồ đến những bước đầu tiên của điều mà ngày nay chúng ta gọi là thần học, do đó đi kèm với những căng thẳng liên tục và nhiều ý kiến khác nhau đi chệch khỏi sự trọn vẹn của chúng ta tông đồ và được gọi bằng thuật ngữ *bất chính thống* [*hétérodoxie*], cũng như *lạc giáo*.

91. Thay vì xem xét kỹ lưỡng các lạc thuyết của những thế kỷ đầu, chúng ta hãy làm nổi bật sự chống đối này đối với *điều mới mẻ* của Mạc Khải thông qua một vài ví dụ. Thường được coi là lạc giáo đầu tiên, học thuyết duy lý của những người theo thuyết Ngộ đạo đã làm suy yếu tính hiện thực của mầu nhiệm nhập thể thông qua thuyết ảo thân [Docetism] và bằng cách giản lược lịch sử thánh thành những câu chuyện thần thoại, nó phủ nhận tính toàn vẹn của sự cứu rỗi con người, đẩy nó xuống hàng linh đạo mây khói. Trong cuộc chiến chống lại thuyết ngộ đạo, Thánh Irénée nhấn mạnh rằng đó là sự chống lại quan niệm cho rằng Thiên Chúa có khả năng và mong muốn bước vào lịch sử, để kết hợp với nhân loại cho đến cùng, đến mức thực sự trở thành con người và biết đến cái chết. Đó là sự chống lại niềm tin vào vẻ đẹp của sự đơn nhất, của vật chất và của lịch sử, cũng được mạc khải trong biến cố Chúa Giêsu Kitô và được Cựu Ước và Tân Ước làm chứng. Các Giáo phụ sau này không ngần ngại sử dụng các khái niệm và khuôn khổ tư tưởng từ triết học Hy Lạp để tinh chỉnh tư tưởng Kitô giáo. Khi làm như vậy, họ buộc phải phá vỡ các khuôn khổ tư duy vốn không thể cho phép người ta quan niệm rằng Logos có thể trở thành xác thịt, rằng *Logos* hay *Nous* (voũç) nói lên tính thần thánh ngang bằng với nguồn gốc mà chúng xuất phát, hoặc có thể có một tính đa dạng không mâu thuẫn với tính thống nhất thần linh và thậm chí còn tốt đẹp trong tính thống nhất này. Những người ủng hộ lạc thuyết về Chúa Kitô và Chúa Ba Ngôi là những người không thể cho phép những khuôn khổ tư tưởng này, bất kể sự phong phú và đóng góp thực sự của chúng vào việc suy nghĩ về tín lý Kitô giáo, được mở rộng bởi sự bao la đáng kinh ngạc của *nous* (voũç) *Christou* (suy nghĩ của Chúa Ki-tô). Đây vẫn là khó khăn mà chúng ta thấy trong sự tác động của các luồng tư tưởng về Chúa Kitô ở phương Đông trong suốt thế kỷ thứ 3, theo một nghĩa nào đó, điều này mở đường cho tà thuyết Arius. Chúng ta phải tránh việc biếm họa những lập trường khác nhau của những người ủng hộ các trào lưu này, bởi vì họ trước hết là những nhà tư tưởng cá nhân, nhưng tất cả đều phải đấu tranh với những khó khăn giống nhau trong việc duy trì sự phong phú Ba Ngôi của Thiên Chúa duy nhất và tính triệt để của việc đảm nhận trọn vẹn một nhân tính duy nhất bởi Chúa Con ngang hàng với Chúa Cha: một số người làm cho nền thần học Ba Ngôi đối diện với khuynh hướng duy phụ thuộc [subordinationniste] và một Kitô học có nguy cơ trở thành ảo thân thuyết [Docetist], trong khi những người khác phản đối các hình thức của thuyết hình thái Ba Ngôi (modalisme= thuyết cho rằng Ba Ngôi chỉ là ba cách thể của cùng một Ngôi Vị duy nhất) và thuyết Nghĩa tử (adoptianisme= nhận làm con nuôi). Chính cùng những sự chống đối này của các sơ đồ tư tưởng cũ đã tự phát biểu, vài thập niên trước Công đồng Nicée, trong lời dạy của Arius: đối với ông, không thể quan niệm được rằng Chúa Con, khác với Chúa Cha, Đấng đã sinh ra và chết, có thể đồng vĩnh hằng và ngang hàng với Thiên Chúa, mà không làm suy yếu sự hiệp nhất và siêu việt của Thiên Chúa và do đó làm suy yếu ơn cứu chuộc của con người.

92. Những sức đề kháng này hoàn toàn dễ hiểu vì chúng có tính nhân bản. Chúng làm chứng, mặc dù theo hướng tiêu cực, cho ánh sáng đáng kinh ngạc được chiếu rọi lên tri nhận về

Thiên Chúa và ơn gọi thần thiêng của con người thông qua biến cố Chúa Giêsu Kitô và về sự biến đổi không kém phần đáng kinh ngạc của tư tưởng và văn hóa nhân bản được triển khai trong biến cố Khôn ngoan xuất phát từ đó. Không có gì thuộc về con người bị xóa bỏ, nhưng để tiếp cận được tính bao la của chân lý Thiên Chúa đòi hỏi sự Mặc khải của chính Thiên Chúa và ân sủng có thể hoán cải và nâng cao các khả năng và thể hiện của con người. Theo một nghĩa nào đó, sự chống lại các lạc giáo cho phép chúng ta thấy được sức mạnh mới mẻ vô biên của Công đồng Nicée.

### 3. Biến cố giáo hội: Công đồng Nicée, công đồng chung đầu tiên

#### 3.1 Theo bản chất và cơ cấu của mình, Giáo hội là một phần của biến cố Chúa Giêsu Kitô.

93. Công đồng Nicée không chỉ là một biến cố trong lịch sử tín lý, mà còn có thể được hiểu là một biến cố của Giáo hội, tương ứng với một giai đoạn cơ bản trong tiến trình xây dựng Giáo hội. Trong suốt hành trình dài sau Công đồng Nicée, "Công đồng Chung" đã trở thành ngọn hải đăng về định hướng và quyết định về tín lý và pháp lý cho toàn thể Giáo hội, là nơi hiệp thông và có thẩm quyền tối cao. Liệu chúng ta có thể thấy trong đó, từ quan điểm về cấu trúc của nó, một bước ngoặt chỉ đạo sự tiếp tục đời sống của Giáo hội, tương tự như những gì Kinh Tin Kính Nicée đại diện từ quan điểm tiếp cận Thiên Chúa (biến cố Chúa Giêsu Kitô) và tư tưởng con người (biến cố Khôn ngoan)? Điều này sẽ đúng nếu Công đồng Chung như vậy có thể được coi như một thành quả và là một biểu thức chuyên biệt có tính Giáo hội về biến cố Chúa Giêsu Kitô.

94. Ngay từ khi mới thành lập, Giáo hội đã ý thức rằng mình là một phần trong tính liên tục của dân được chọn, một hội đồng được triệu tập (*qāhāl/ekklēsia* – cf. Hr 5:22) để sống Torah đã được mặc khải và thờ phượng Chúa là Thiên Chúa của họ. Giáo hội cũng coi mình như “dòng giống được tuyển chọn, là chức tư tế hoàng gia, là dân thánh, một dân tộc được thu nhận để rao truyền lời ngợi khen” (1 Pr 2:9) Thiên Chúa của Israel. Trong Công vụ Tông đồ, nó được trình bày như một cộng đồng phân định ý muốn của Thiên Chúa mà tác nhân chính là Chúa Thánh Thần [152], được hướng dẫn bởi những người nối dài vai trò của mười hai tông đồ, “những chứng nhân của Sự Phục sinh” (Công vụ 1:22). Theo một nghĩa nào đó, chính trong cộng đồng giáo hội, với tư cách là thân thể của Chúa Kitô, mà người ta có thể nhận ra “những tâm tình của Chúa Kitô” (Pl 2:5; xem § 77 ở trên).

95. Nhận thức này được thể hiện nơi các Giáo phụ đầu tiên, những người liên kết cấu trúc và hoạt động của Giáo hội với bản chất sâu xa và ơn gọi của Giáo hội. Vì vậy, vào đầu thế kỷ thứ 2, Thánh Ignace thành Antioche nhấn mạnh rằng các Giáo hội riêng biệt khác nhau coi nhau trong sự đoàn kết như là biểu hiện của một Giáo hội duy nhất. Các thành viên của cộng đoàn là *synodoi*, những người bạn đồng hành, trong đó mỗi người được kêu gọi đóng vai trò của mình theo trật tự thần thiêng tạo nên sự hòa hợp, được thể hiện qua cộng đoàn Thánh Thể. Như vậy, qua sự hiệp nhất và trật tự của mình, Giáo hội hát lời ngợi khen Thiên Chúa Cha trong Chúa Kitô, hướng tới sự hiệp nhất trọn vẹn sẽ được hiện thực hóa trong Vương quốc Thiên Chúa. Thánh Cyprien thành Carthage đã đào sâu giáo huấn này vào giữa thế kỷ thứ 3 bằng cách chỉ rõ nền tảng công đồng và giám mục mà đời sống của Giáo hội phải dựa vào: không có gì được thực hiện mà không có giám mục (*nihil sine episcopo*), nhưng tương

tự như vậy, không có gì được thực hiện mà không có "hội đồng của bạn" (hội đồng của các linh mục và phó tế) hoặc không có sự đồng ý của người dân (*nihil sine consilio vestro et sine consensu plebis*)[153]. Sự hợp nhất liên kết với sự hợp nhất của Chúa Ba Ngôi, sự linh hứng của Chúa Thánh Thần, sự đồng hành (*synodos*) hướng tới Vương quốc, sự trung thành với giáo lý của các Tông đồ và với việc cử hành Bí tích Thánh Thể, trật tự và sự hòa hợp của các thừa tác viên và những người đã chịu phép rửa tội, với một vai trò đặc biệt được trao cho các giám mục: những yếu tố này cho thấy rằng Giáo hội, ngay cả trong cấu trúc và hoạt động của mình, đã được khắc ghi sâu sắc trong biến cố Chúa Giêsu Kitô, như thời khắc và sự biểu thức đặc biệt của mình. Khi cử hành Công đồng Nicée, toàn bộ tiến trình công đồng diễn ra trước đó và với Công đồng Chung tìm được màn tán dương (*point d'orgue*) được chúng ta tưởng nhớ và cử hành.

### 3.2 Sự cộng tác về mặt cấu trúc của các đặc sủng của Giáo hội và con đường dẫn đến Nicée

96. Những yếu tố này vốn là đặc điểm thần học của Giáo hội, chỉ có thể là hoa trái của biến cố Mặc khải, đã được thể hiện trong hành trình lịch sử dẫn đến Công đồng chung Nicée thông qua sự tương tác của ba đặc sủng, được áp dụng vào việc quản trị, giảng dạy và ra quyết định của cộng đồng trong Giáo hội: trước hết là hệ thống phẩm trật tam phân, sau đó là các giáo viên và công đồng. Một thứ tự ưu tiên, đặt các tông đồ lên hàng đầu, dường như đã được thiết lập rõ ràng trong bộ thư của Thánh Phaolô: "Thiên Chúa đã thiết lập trong Hội Thánh, trước hết là các tông đồ, thứ đến là các ngôn sứ, thứ ba là các thầy dạy..." (1 Cr 12:28; x. Ep 4:11). Đặc điểm đầu tiên là sự phát triển dần dần phẩm trật tam phân gồm giám mục, linh mục và phó tế. Phẩm trật này giám sát các nhà tiên tri và giáo viên lưu động trong 150 năm đầu tiên của Kitô giáo (thường được gọi chung là "tông đồ"), đã thay thế họ ở một mức độ nào đó và trở thành cơ cấu địa phương của việc quản trị Giáo hội. Hình ảnh giám mục nói riêng thể hiện chiều kích tông đồ của Giáo hội. Từ thế kỷ thứ 4 trở đi, các giáo tỉnh được thành lập để thể hiện và thúc đẩy sự hiệp thông giữa các Giáo hội địa phương, với một vị giáo phẩm giáo đô (*métropolitite*) đứng đầu.

97. Vì các Kitô hữu được kêu gọi rao giảng về Chúa Kitô và truyền đạt lời dạy của Người cùng lời dạy của các Tông đồ cho muôn dân, nên không có gì ngạc nhiên khi đặc điểm thứ hai của Kitô giáo trong thời kỳ tiền Nicée là tầm quan trọng mang tính quyết định của các trường học và giáo viên, những người dạy các dự tòng và giải thích Kinh thánh. Họ có thể là các thừa tác viên được thụ phong hoặc không. Ví dụ, Pélage đã giảng dạy ở Rome vào đầu thế kỷ thứ 5 khi ông không phải là một linh mục, cũng giống như Mélanie Cả và Rufin ở Jerusalem, và Thánh Jérôme ở Bethléem, và sau đó ở Rome. Bản thân Origène đã lãnh đạo Trường Alexandrie sau cái chết của cha ông là Léonidas, trước khi được thụ phong.

98. Cuối cùng, sau nửa sau thế kỷ thứ 2 và đầu thế kỷ thứ 3, đặc biệt là ở Tiểu Á, thượng hội đồng đã đảm nhận vai trò ngày càng quan trọng trong việc quyết định các vấn đề quan trọng về kỷ luật, thờ phượng và giảng dạy. Lúc đầu, các Thượng Hội Đồng là địa phương, nhưng việc gửi các lá thư của Thượng Hội Đồng truyền đạt các quyết định của họ (*acta*) tới các Giáo Hội khác, việc trao đổi các phái đoàn và các yêu cầu công nhận lẫn nhau, chứng tỏ "niềm tin vững chắc rằng các quyết định được đưa ra là biểu thức của sự hiệp thông với tất cả các Giáo Hội", vì "mỗi Giáo Hội địa phương là biểu thức của Giáo Hội duy nhất và Công



Giáo".[154] "Chúng ta hãy lưu ý rằng Thượng Hội Đồng có một chiều kích pháp lý hoặc giáo luật rất rõ ràng, như một định chế lập pháp. Các tài liệu và bộ sưu tập giáo luật của Thượng hội đồng được tập hợp tại kho lưu trữ của các giám mục, đặc biệt là ở Rome: sự phát triển của giáo luật và sự phát triển của các Thượng hội đồng song hành và hỗ trợ lẫn nhau. Không thể cho rằng sự thay đổi hướng tới một Giáo hội được định chế hóa, giống như nhà nước chỉ là do việc Constantine hợp pháp hóa Giáo hội. Được coi như một *polis* (thành phố) phản ánh Thành phố của Thiên Chúa, Jerusalem trên trời (x. Is 60 và 62; 65:18; Kh 3:12; 21:1-27), hoặc như một *synodos* theo nghĩa đen là những người đi cùng con đường với Chúa Giêsu hướng tới Vương quốc, với Người đứng đầu họ như *proestos*, hay chủ tịch của họ, Giáo hội về bản chất có tính "chính trị" và định chế [155].

99. Ba đặc sủng này phát triển theo cách riêng và khác nhau trong Giáo hội, nhưng không có đặc sủng nào tách biệt hoặc thoát ly khỏi hai đặc sủng kia. Mặc dù căng thẳng tự nhiên này sinh giữa và bên trong chúng, nhưng chúng đã làm phong phú, bổ sung thông tin và củng cố lẫn nhau. Giáo viên thường tham gia với tư cách là thành viên của các thượng hội đồng. Tương tự như vậy, các giám mục ngay từ đầu đã là những giáo viên và nhà thuyết giáo theo gương mẫu của Thánh Ignace thành Antioche. Rõ ràng, các giám mục đã chủ trì các thượng hội đồng và đóng vai trò lãnh đạo như những người bảo vệ sự chính thống của đức tin và việc thực hành. Hơn nữa, trong vai trò bí tích của mình, giám mục chủ trì buổi cử hành Thánh Thể mở đầu và bế mạc mỗi Thượng hội đồng, nguồn gốc và đỉnh cao của "cuộc hành trình "cùng nhau" là các *synodos* [156]. Một dấu chỉ của việc tiếp nhận các quyết định của công đồng, cũng như của sự hiệp thông của các tín hữu với các giám mục của họ, được thiết lập trong sự kế vị tông đồ giữa lòng "*Catholica* [Công Giáo]", Giáo hội của Thiên Chúa, là một và duy nhất, Thánh Thể được biểu lộ và hiện thực hóa một cách hữu hình, việc thuộc về thân thể Chúa Kitô và thuộc về nhau giữa các Kitô hữu (x. 1 Cr 12:12) [157].

100. Những yếu tố này của quá trình xây dựng Giáo hội không chỉ thể hiện nguồn gốc của nó trong Biến cố Chúa Giêsu Kitô, mà còn có thể nhận ra trong những quá trình này một sự tương tự nào đó với những gì tạo nên biến cố Khôn ngoan được phân tích ở trên. Cũng như tư tưởng của con người, được đổi mới sâu sắc nhờ biến cố Chúa Giêsu Kitô, tiếp nhận và biến đổi các nền văn hóa nhân loại, đặc biệt là từ sự giao thoa giữa tư tưởng Sê-mit, vốn đã được Mặc Khải tác động từ bên trong, với văn hóa Hy Lạp và các nền văn hóa khác, theo cùng một cách, ba chiều kích hay đặc sủng mà chúng ta đã ghi nhận đều xuất phát từ cả các định chế Do Thái và các phiên bản địa phương của các định chế Hy Lạp-La Mã trong những thế kỷ đầu tiên của thời đại chúng ta, cả dân sự lẫn thánh thiêng. Một mặt, Do Thái giáo của Đền thờ thứ hai có hệ thống giáo sĩ, trường phái và giáo hội riêng. Mặt khác, vì không có trường học cụ thể nào dành cho họ nên hầu hết các giáo viên Ki-tô giáo đều được đào tạo thành nhà hùng biện và phiên dịch trong *enkyklios paideia*, hay hệ thống giáo dục chung của thế giới Hy Lạp-La Mã, và do đó, họ dựa vào thuật hùng biện và triết học, những thứ mà họ đã góp phần đưa vào di sản giáo lý Ki-tô giáo. Thượng hội đồng (*concilium* trong tiếng Latinh) cũng đã là một định chế cổ xưa trong thế giới Hy Lạp-La Mã khi các Ki-tô hữu dành cho nó một vị trí quan trọng. Bây giờ, những khía cạnh khác nhau này mang những chiều kích riêng của chúng, có thể nói là biến đổi, khi chúng phục vụ cho sứ mệnh của Giáo hội là công bố Tin Mừng và trở thành dấu chỉ hữu hiệu của sự hiệp nhất cho nhân loại.

### 3.3 Công đồng chung Nicée

101. Vào năm 325, người ta cử hành tại Nicée một công đồng, vốn được ghi nhận một phần trong quá trình này như một điểm thành tựu, nhưng cũng là một hình thức đặc biệt xét về tầm quan trọng đại kết của nó. Được hoàng đế triệu tập để giải quyết một cuộc tranh chấp địa phương đã lan rộng đến tất cả các giáo hội của Đế quốc La Mã phương Đông và nhiều giáo hội ở phương Tây, hội nghị này đã tập hợp các giám mục từ nhiều vùng khác nhau ở phương Đông và các sứ giả của giám mục Rome. Do đó, lần đầu tiên các giám mục từ toàn bộ *Oikoumenē* đã tụ họp tại một công đồng. Lời tuyên xưng đức tin và các quyết định giáo luật của nó được công bố như chuẩn mực cho toàn thể Giáo hội. Sự hiệp thông và hiệp nhất chưa từng có được trong Giáo hội nhờ biến cố Chúa Giêsu Kitô được thể hiện rõ ràng và hữu hiệu theo một cách mới, thông qua một cấu trúc có phạm vi phổ quát, và việc công bố Tin Mừng của Chúa Kitô trong toàn bộ sự bao la của nó cũng nhận được một công cụ có thẩm quyền và phạm vi chưa từng có:

"Tại Công đồng Nicée, lần đầu tiên, thông qua việc thực hiện thừa tác vụ của các giám mục theo tinh thần đồng nghị, *l'ἐξουσία* [quyền lực] của Chúa phục sinh đã được phát biểu một cách định chế ở bình diện hoàn vũ. Một kinh nghiệm tương tự đã diễn ra trong các công đồng chung liên tiếp của thiên niên kỷ đầu tiên, qua đó bản sắc của Giáo hội duy nhất và Công Giáo đã được phác thảo một cách chuẩn mực [158].

102. Với Công đồng Nicée, ý tưởng về một công đồng hay một công đồng chung đã được áp đặt. Mặc dù không một pháp lệnh (*acta*) nào của nó còn tồn tại, nhưng theo mọi sắc suất, và mặc dù được tiếp nhận chậm chạp và khó khăn, bản tuyên ngôn *homoousios* và các quyết định của Nicée vẫn tồn tại. Sau quá trình tiếp nhận lâu dài này – vốn là đặc điểm của bất cứ công đồng nào – Nicée đã trở thành hình mẫu lý tưởng của công đồng trong tâm trí nhiều người. Sự trình bày truyền thống của nó như một công đồng thống nhất, được Chúa Thánh Thần soi sáng, đã giúp nó trở thành công đồng lý tưởng trong truyền thống sau này và dần dần tạo ra sự tôn trọng trong số các Ki-tô hữu đối với các công đồng đại kết. Công đồng Nicée đã mở đường cho các công đồng chung tiếp theo và do đó mở đường cho một phương thức công đồng hay công nghị mới sẽ đánh dấu đời sống của Giáo hội cho đến ngày nay, cả trong vai trò xác định và tuyên bố đức tin cũng như trong việc biểu lộ sự hiệp nhất của toàn thể *Oikoumenē* được đại diện trong đó.

## Chương bốn:

### Giữ cho đức tin có thể đến được với toàn thể dân Thiên Chúa

**Lời mở đầu: Công đồng Nicée và các điều kiện để có được sự đáng tin cậy của mầu nhiệm Kitô giáo**

103. Ý tưởng đầu tiên và hợp lý mà chúng ta duy trì cho Công đồng Nicée là đây là một công đồng *tín điều*, đã bảo vệ và làm sáng tỏ *fides quae* (nội dung đức tin) về Chúa Kitô và Ba

Ngôi. Bây giờ, vấn đề là giải thích trong chương cuối cùng này làm thế nào biến cố công đồng cũng tạo nên một thiết bị định chế nhất định của Giáo hội duy nhất và Công Giáo để giải quyết một xung đột mang tính tín điều trong những điều kiện có thể khiến cho quyết định của nó được chấp nhận. Do đó, việc nghiên cứu thần học cơ bản phải bổ sung cho việc nghiên cứu Tín điều và lịch sử. Chính *fides quae* [nội dung đức tin], chân lý cứu rỗi, tạo nên sự tuân thủ với ơn cứu rỗi, *fides qua* [đức tin tín cứ [làm cho tin]]; nhưng tại Nicée, bản thân *fides qua* được đưa vào đây để phục vụ cho việc tiếp nhận và hiểu biết *fides quae*. Bây giờ, việc xem xét các tiến trình của *fides qua*, nghĩa là các điều kiện để xác định và tiếp nhận *fides quae*, thể hiện bản chất và vai trò của Giáo hội. Rõ ràng là việc phát minh ra thiết bị định chế này diễn ra dần dần, rằng nó không xuất hiện với đầy đủ vũ khí như Athena từ đầu của Zeus, tóm lại khái niệm tín điều về "công đồng chung" không thể hoàn toàn cùng thời với biến cố năm 325. Như chúng tôi đã giải thích trong Chương II, nơi tuyệt vời nhất mà *fides qua* và *fides quae* gặp nhau là phép rửa tội. Đây là nơi cá nhân được hòa nhập vào đức tin của Giáo hội mà họ nhận được từ Giáo hội Mẹ. Trong bối cảnh giáo lý về phép rửa tội và khai tâm, Giáo hội cổ thời đã phát triển quy tắc đức tin như là bản tóm tắt quan trọng nhất về đức tin. Do tính liên quan của nó, nó đã được sử dụng để phân biệt sự thật của đức tin với lạc giáo (ví dụ như Irénée, Tertullien, Origène). Đây là tiền thân của quan điểm tín điều về kinh tin kính như một bản tóm tắt các yếu tố chuẩn mực của đức tin. Nhận thức về chuẩn mực (*regula; kănōn*) này hiện diện trong tiến trình của các thượng hội đồng tiền Nicée khi phân định đức tin.

104. Tuy nhiên, dựa trên nhiều kinh nghiệm của các công đồng khu vực hoặc địa phương vào thế kỷ thứ 2 và thứ 3, người ta có thể ủng hộ luận đề tín điều cho rằng một chân lý giáo hội học nào đó được phán đoán *một cách tiên thiên* là có hiệu lực và được kêu gọi để giải quyết vấn đề về một chân lý Ba Ngôi, Kitô học và cứu thế học đang bị đe dọa bị thay đổi, bóp méo hoặc mất đi. Các tiến trình *fides qua* biểu lộ bản chất của Giáo hội. Ngôi Lời Thiên Chúa đã thành xác phàm (Ga 1:14) thực sự làm cho Chúa Cha được biết đến và kiến thức này, nhờ quyền năng của Chúa Thánh Thần, được trao phó cho Giáo hội, với nhiệm vụ bảo vệ và truyền đạt kiến thức đó. Sứ mệnh này ngụ ý rằng Giáo hội có thể giải thích Kinh thánh một cách có thẩm quyền. Điều này cũng cho thấy rằng việc tin vào Giáo hội – như Kinh Tin Kính tuyên xưng – và tin vào thẩm quyền của Giáo hội trong việc xác định học thuyết về Chúa Kitô và Ba Ngôi dựa trên hành động đức tin vào Chúa Giêsu Kitô và Ba Ngôi, dưới hình thức “ưu tiên” hoặc “nhân quả qua lại”, theo cách diễn đạt tốt lành của trường phái Tôma [159]. Cuối cùng, đích nhắm sau cùng của toàn bộ quá trình giáo hội này cũng phải thu hút sự chú ý của chúng ta. Chúng tôi đưa ra giả thuyết cho rằng quy trình của công đồng được đặt ra để phục vụ những người nhỏ bé, phục vụ đức tin của trẻ em, đó là hình mẫu đức tin của người môn đệ chân chính trong mắt Chúa Giêsu, và do đó là việc công bố Tin mừng cho tất cả mọi người. Điều này làm sáng tỏ ý nghĩa của giáo huấn của Giáo hội, hướng đến lòng bác ái bảo vệ những người "nhỏ bé nhất" trong số các "anh em" của Chúa Kitô (x. Mt 25:40).

## **1. Thần học phục vụ cho toàn bộ chân lý cứu rỗi**

### **1.1 Chúa Kitô, chân lý hữu hiệu về mặt cánh chung**

105. Trong phạm vi nơi Nicée đề xuất một chân lý trong các câu hỏi liên quan đến sự cứu rỗi và phân biệt nó với sai lầm, vấn đề đầu tiên của nó theo quan điểm của thần học cơ bản là vị trí của chân lý trong cứu thế học. Niềm tin này trước hết đến từ chính hình thức Mạc Khải, khi

để cho mình được ghi chép thành lời văn, cho thấy chiều kích chân lý là yếu tố cấu thành nên nó. Đức tin Kitô giáo giả định rằng chân lý về Chúa Kitô phải được truyền đạt cho các môn đệ của Người. Thật vậy, chính Đấng Cứu Thế là chân lý: “Ta là đường đi, là sự thật và là sự sống” (Ga 14:6). Trong Kitô giáo, chân lý là một con người. Sự thật không còn là vấn đề đơn giản về luận lý hay lý luận nữa; không thể sở hữu nó, và nó không thể tách rời khỏi các thuộc tính khác gắn liền với chính con người của Chúa Kitô, chẳng hạn như lòng tốt, công lý hay tình yêu. Điều còn lại là sự gắn bó với Chúa Kitô luôn đòi hỏi trí thông minh của các môn đệ: “*Credo ut intelligam* [tôi tin để tôi hiểu] [160]”. Thật vậy, thật không thể tưởng tượng và cũng không hợp lý khi nghĩ rằng Thiên Chúa, Đấng đã tạo nên con người thông minh và tự do – một trong những chiều kích của sự sáng tạo theo hình ảnh và họa ảnh của Đấng Tạo dựng (St 1:26-27) – lại có thể, với tư cách là Thiên Chúa cứu rỗi, không quan tâm đến *việc tiếp cận tri thức* về chân lý của Người và chân lý cứu rỗi. Hơn nữa, chân lý cứu rỗi này có chiều kích cộng đồng. Công đồng Nicée là một hành động chung nhằm diễn đạt chân lý, nhằm truyền đạt chân lý đó cho toàn thể Giáo hội. Trên thực tế, không thể tưởng tượng hay hợp lý hơn khi nghĩ rằng Đấng tạo dựng ra gia đình nhân loại, và đặc biệt là khả năng thông đạt dễ hiểu của nó thông qua các ngôn ngữ (x. St 11:1-9 – tháp Babel, và Công vụ 2:1-11 – Lễ Hiện Xuống) có thể đứng đưng với *việc cộng đồng tiếp cận* chân lý của mình và chân lý cứu rỗi. Do đó, sự tan vỡ hiệp nhất đức tin sẽ làm giảm sức mạnh và hiệu quả của ơn cứu rỗi trong Chúa Giêsu Kitô.

106. Vị trí cấu thành của chân lý trong ơn cứu rỗi này phản ánh chính bản chất của Giáo hội “là người mang chân lý” (*alēthefora*). Giáo hội mang trong mình một thứ khác ngoài chính mình, Đấng Kitô-Chân Lý, và sẽ không thể là chính mình nếu không có điều này. Giáo hội nhất thiết phải là nơi nghiên cứu, khám phá, bảo vệ và triển khai chân lý được nêu trong Lời Chúa vì lợi ích bản thân và giáo hội của các môn đệ của Người và của toàn thể nhân loại. Đây cũng là nơi giao thoa với sức mạnh mang lại sự sống của chân lý này, lưu thông bên trong nó, đồng thời tưới mát cho cuộc tìm kiếm chân lý, tư tưởng và văn hóa của thế giới [161]. Do đó, việc chuyển giao (truyền đạt) sống động chân lý cứu rỗi chính là một trong những ý nghĩa mạnh mẽ nhất mà khái niệm Tín điều về Truyền thống Giáo hội có thể có [162].

107. Vị trí trung tâm của chân lý giải thích sự bác bỏ sâu xa việc thờ ngẫu tượng trong Kinh thánh. Đấng Thánh của Israel là Thiên Chúa biết lên tiếng, không giống như các thần tượng. “Chúng có miệng nhưng không nói”, các Thánh Vịnh (115:5 và 135:15) nói thế, và được lặp lại trong 1 Cô-rinh-tô 12:2: “Khi anh em còn là dân ngoại, anh em biết đầy, anh em bị lôi kéo một cách không cưỡng lại được đến với các ngẫu tượng câm”. Hơn nữa, theo Kinh thánh, chân lý, quyền năng, công lý và sự thánh thiện của Thiên Chúa luôn được quan niệm liên quan đến tuyên bố của Người về việc mang lại sự cứu rỗi đích thực và phổ quát, trong khi các hoạt động thờ ngẫu tượng chỉ tuyên bố mang lại một món quà cục bộ và mang tính khu vực. Hơn nữa, vì chính Người đến từ Thiên Chúa và là Thiên Chúa và Chúa (x. Ga 13:14), nên chân lý cứu rỗi phải được đón nhận, trong khi sự thờ ngẫu tượng xây dựng nên thần thánh từ con người. Sự kiện Thiên Chúa không thể được tạo ra giống như một bức tượng ngẫu thần (xem sự trở trêu của Kn 13:11-19) dẫn đến khái niệm về sự tự mặc khải thần linh, điều này hoàn toàn trái ngược với ý tưởng tự kỷ thành tựu [autorealisation] rất phổ biến trong các cung ứng tôn giáo, cả trong các hình thức cổ xưa, như thuyết Ngộ đạo làm chứng, bị Thánh Irénée chỉ đúng danh là một tà thuyết và là “một trực tri [gnose] với cái tên dối trá”. Trực tri “nói dối”, nó mâu thuẫn với chính khái niệm về chân lý cứu rỗi, vì nó không phải là chân lý được

Thiên Chúa chào đón và đón nhận một cách tự do trong tình yêu. Ngược lại, qua sự nhập thể của Người, Ngôi Lời Thiên Chúa kêu gọi hành vi đức tin mang tính giáo hội và bản thân như một sự tiếp nhận trong Chúa Thánh Thần, bằng trí thông minh và toàn thể con người, về những mâu nhiệm cứu rỗi: “Các ông thờ Đấng các ông không biết; còn chúng tôi, chúng tôi thờ Đấng chúng tôi biết, vì ơn cứu rỗi phát xuất từ người Do Thái” (Ga 4:22). Cuối cùng, Chúa Giêsu là Ngôi Lời của Thiên Chúa, được sai đến thế gian với sứ mệnh truyền đạt một lời chân lý toàn vẹn, đòi hỏi con người phải đáp lại bằng đức tin. Đây là lý do tại sao đây thực sự là chân lý cứu rỗi, có hiệu quả về mặt cánh chung: “Hôm nay, anh sẽ ở với tôi trên thiên đàng” (Lc 23:43). Việc Công đồng Nicée lựa chọn diễn đạt bằng lời một chân lý toàn vẹn về ơn cứu rỗi cho tất cả mọi người, được đón nhận trong đức tin, không chỉ là sự trung thành với chân lý Kitô học (*fides quae*) mà còn là sự trung thành với mối quan hệ cá nhân với chân lý là chính Chúa Kitô (*fides qua*).

## 1.2 Sự cứu rỗi và tiến trình làm con cái Thiên Chúa

108. Chân lý cứu rỗi này phải được hiểu theo nghĩa mạnh mẽ nhất, nghĩa hữu thể học. Mặc dù không có tham vọng đưa ra một sự hiểu biết toàn diện làm suy yếu mâu nhiệm cứu rỗi như một mâu nhiệm, nhưng nó vẫn mang đến sự thật về việc làm con và làm cha của Thiên Chúa. Có thể nói, Thiên Chúa của chân lý muốn thử thách con người về tham vọng làm con chưa từng có của Con một Người là Chúa Giêsu. Sự thật được Thiên Chúa mặc khải sau đó được tập trung vào sự thật về “Con” duy nhất của Người. Thuật ngữ này không thể bị giản lược thành một phép ẩn dụ hay phép loại suy đơn giản, bởi vì những gì mang tính ẩn dụ ở đây tự mở ra cho phạm vi của hữu thể học, cũng giống như *symbolon* [biểu tượng], theo nghĩa mạnh của thuật ngữ, thực sự và hiệu quả cho phép tiếp cận với thực tại mà nó biểu thị. Lời chứng của Chúa Cha ban cho Chúa Giêsu thiết lập chân lý này: “Nếu chúng ta nhận được lời chứng của loài người, thì lời chứng của Thiên Chúa cao cả hơn, vì đây là lời chứng của Thiên Chúa: Người đã làm chứng về Con của Người. "Ai tin vào Con Thiên Chúa thì có lời chứng trong mình" (1 Ga 5:9). Tác giả thêm: "Ai không tin Thiên Chúa, thì coi Thiên Chúa là kẻ nói dối" (1 Ga 5:10). Các sách giáo lý cũ của chúng ta thích xây dựng niềm xác tín sâu sắc này về hành vi đức tin của các Kitô hữu, với sự đơn giản trực tiếp: "Thiên Chúa không thể nhầm lẫn hay lừa dối chúng ta [163]", trong khi Thánh Tôma Aquinô sẽ nhận ra những công thức của riêng mình [164]. Điều này biện minh cho lựa chọn hữu thể học của từ mới của Nicée, *homoousios*, để mở rộng và làm rõ thuật ngữ Kinh thánh và thánh ca. Xác nhận chân lý hữu thể học về tư cách con cái thần linh của Chúa Giêsu, như chúng ta đã thấy trong chương một và chương ba, là mối quan hệ giữa quyền làm cha và quyền làm con đã bị đảo ngược một cách mâu nhiệm giữa quyền làm cha thần thiêng và quyền làm cha nhân bản: quyền làm cha nhân bản và dưới thế đã trở thành sự định danh thứ hai và phái sinh của nguyên mẫu của nó, Thiên Chúa Cha (xem Ep 3:14; Mt 23:9). Chính sự thật về việc làm con cái của Thiên Chúa, sự thật mà người tin được mời gọi bước vào, là nền tảng cho sự thật về việc làm con lúc chịu phép rửa [165]. Theo Tin mừng của Chúa Giêsu, được cứu rỗi bao gồm việc bước vào chân lý trọn vẹn của việc làm con cái được lồng vào việc làm con cái vĩnh cửu của Chúa Kitô.

## 2. Sự trung gian của Giáo hội và sự đảo ngược của chuỗi tín điều: Chúa Ba Ngôi, Kitô học, Thần khí học, Giáo hội học

### 2.1 Sự trung gian của đức tin và thừa tác vụ của Giáo hội

109. Chân lý cứu rỗi và hiệu quả này được làm rõ ràng và truyền đạt tại Nicée thông qua hành động giải thích bản văn Kinh thánh bằng những thuật ngữ bắt nguồn từ thánh ca và triết học, và thông qua việc thực hành cái hiểu về đức tin. Thật vậy, toàn bộ nhiệm cục Mạc Khải Kinh Thánh chứng thực rằng sức mạnh của niềm tin về chân lý Kitô học chắc chắn không nên được hiểu theo chủ nghĩa chính thống cực đoan, mà đối với nó ý nghĩa của Kinh Thánh chỉ có thể hiểu được một cách trực tiếp. Ngược lại, truyền thống diễn giải tín lý của giáo hội và nghiên cứu của các nhà thần học cho thấy rằng đức tin cần nhiều sự *trung gian*, bắt đầu với sự trung gian đầu tiên, độc nhất và sáng lập, đó là nhân tính của Người Con duy nhất mà Người có được từ Đức Maria. Thiên Chúa đã sắp đặt để chân lý thần linh chưa từng được nghe đến của Người sẽ hướng đến nhân loại thông qua sự trung gian của Ngôi Lời nhập thể: "Đây là Con yêu dấu của Ta, hãy vâng nghe lời Người" (Mt 17:5; x. Mt 3:17). Hơn nữa, các thể loại văn học khác nhau của cách diễn đạt Mạc Khải tạo nên các sách Kinh thánh đòi hỏi nhiều kế hoạch giải thích [166]. Kinh Tin Kính, phát sinh từ phụng vụ và được công bố trong khuôn khổ phụng vụ, cũng chứng minh rằng sự trung gian diễn giải không bị giản lược thành một lời bình luận về bản văn, mà trở thành một *gestis verbisque* [cử chỉ và lời nói], trong đó đức tin được sống trong một cộng đồng cầu nguyện và ân sủng [167]. Chúng ta đọc điều này trong câu chuyện của Luca 24, nơi chính Đấng Phục Sinh không chỉ giải thích về mình qua việc giải thích Lễ Luật và các tiên tri, mà, cuối cùng, còn qua sự hiện diện của Người và sự hiến thân Thánh Thể của Người, trong "việc bẻ bánh", như Đức Giáo Hoàng Benedict XVI đã giải thích trong *Verbum Domini*:

"Lời Chúa và Bí tích Thánh Thể gắn bó mật thiết với nhau đến nỗi không thể hiểu được điều này nếu không có điều kia: Lời Chúa trở thành xác phàm trong biến cố Thánh Thể. Bí tích Thánh Thể mở ra cho chúng ta sự hiểu biết về Kinh Thánh, cũng như Kinh Thánh soi sáng và giải thích về Mầu nhiệm Thánh Thể. Thật vậy, nếu không nhận ra sự hiện diện thực sự của Chúa trong Bí tích Thánh Thể, thì sự hiểu biết về Kinh thánh vẫn chưa đầy đủ" [168].

110. Do đó, sự nối kết có trật tự của các mầu nhiệm như được trình bày trong thần học tín lý có thể được đảo ngược một cách hữu ích trong thần học cơ bản. Chính qua mầu nhiệm Giáo hội, "mầu nhiệm khó tin nhất [169]", mà những mầu nhiệm chưa từng nghe đến của đức tin Kitô giáo được đề xuất lần đầu tiên, những mầu nhiệm mà bản thân đức tin Kitô giáo phụ thuộc về mặt luận lý học và hữu thể học. Trên thực tế, Giáo hội là người đầu tiên thiết lập chế độ uy tín cho hành trình đức tin. Rõ ràng là có "một trật tự hay 'thứ bậc' của các chân lý trong tín lý Công Giáo, liên quan đến mối quan hệ khác nhau của chúng với nền tảng của đức tin Kitô giáo." [170] Học thuyết về Chúa Kitô, Ba Ngôi và cứu rỗi của Kinh Tin Kính cấu thành nền tảng này. Tuy nhiên, bên trong *nexus mysteriorum* [mối nối kết giữa các mầu nhiệm], [171] hành động giải thích của Công đồng làm sáng tỏ sự tham gia của Giáo hội, theo vị trí và vai trò cụ thể của mình, vào trật tự cứu rỗi.

## 2.2 Sự bất đồng và tính đồng nghị

111. Sự trung gian giải thích của Giáo hội được biểu lộ qua các cuộc trọng tài, đặc biệt khi đối diện với những bất đồng hoặc nhu cầu dịch bản văn thánh thiêng. "Công đồng Giêrusalem" trong Công vụ 15 lần đầu tiên làm chứng về sự bất đồng về tín lý (mối quan hệ giữa các môn đệ của Chúa Ki-tô từ các dân tộc với Lễ Luật Mô-sê) và về thực hành (phép cắt bì, thờ hình tượng và vô luân), vốn mang theo tính xung đột, mà việc ra quy định và giải quyết nó, dưới hình thức phục hồi sự đồng thuận của giáo hội, trước tiên tiến hành thông qua sự khảo sát của hợp đoàn tụ tập gồm "các tông đồ và trưởng lão" (Công vụ 15:6). Một quá trình xuất hiện: đầu tiên chúng ta nhận thấy một loạt các chứng từ được ủy quyền (Phê-rô, Phao-lô và Ba-na-ba, Gia-cô-bê) và được hoan nghênh trong sự lắng nghe lẫn nhau [172], sau đó là việc nại tới thẩm quyền của Mô-sê, việc thiết lập các sứ giả được ủy quyền chống lại các sứ giả "không được ủy quyền" (Công vụ 15:24), và cuối cùng là việc soạn thảo một bản văn quy phạm để chính thức gửi cho cộng đồng Antioche (Công vụ 15:30-31) được tập hợp theo sáng kiến của những sứ giả được ủy quyền này. Tất cả đều là những tác nhân (Công vụ 15:12), hiện diện trong suốt quá trình phân định của Giáo hội và tham gia vào quyết định cuối cùng (Công vụ 15:22) [173]. Dấu hiệu của khía cạnh cộng đồng này là các sứ giả được sai đi theo từng cặp (Công vụ 15:27). Điểm cốt yếu để chúng ta suy tư là Giáo hội được Chúa Thánh Thần trợ giúp và hoạt động theo cách thức thượng hội đồng, dựa vào *sensus fidei fidelium* [cảm thức đức tin của các tín hữu] [174] và thẩm quyền đặc biệt của các tông đồ, tạo nên mâu nhiệm sống động và hoạt động trong đó sự phát triển tín lý về sự phân biệt giữa các môn đệ của Chúa Kitô với dân Do Thái và những người từ các dân tộc trước việc thực hành Luật Mô-sê đã được xây dựng. Sự phân xử đức tin liên quan đến mục đích phổ quát của Thiên Chúa, đến việc các quốc gia bước vào mâu nhiệm được mặc khải đầu tiên cho Israel, đã diễn ra ở đây, trong sự trao đổi giữa *fides qua* và *fides quae*, trong mâu nhiệm năng động của Giáo hội.

112. Từ thời trước khi Ngôi Lời nhập thể, dân Chúa chọn đã phải giải quyết một vấn đề tương tự về việc bảo tồn, nhưng đặc biệt là về việc truyền bá Mặc Khải trong cộng đồng người Israel lưu vong và xa hơn nữa, trong những cộng đồng mà Tân Ước gọi là "các tân tông" (Mt 23:15 và Công vụ 2:10 và 6:15), và "những người kính sợ Chúa" (Công vụ 10:2), có nguồn gốc ngoại giáo. Đây là lựa chọn cơ bản, nguồn gốc thực sự của nó bị thất lạc trong các truyền thuyết (*Thư của Aristéas* hoặc *Talmud-Soferim* 1,7), cho phép dịch Kinh thánh của người Do Thái từ tiếng Do Thái sang tiếng Hy Lạp, và do đó dẫn đến phiên bản Alexandria của Bản Bảy Mươi. Bởi vì những bản dịch này, giống như việc sử dụng từ mới *homoousios* sau này, sẽ liên quan đến nhiều quá trình phân xử từ vựng để các sự thật của bản văn gốc được hình thành trong lĩnh vực ngữ nghĩa của ngôn ngữ Sê-mit không bị mất đi khi bản văn được chuyển sang lĩnh vực ngữ nghĩa của ngôn ngữ Ấn-Âu.

113. Những sự phân xử này thể hiện bản chất của Giáo hội và cho phép chúng ta nắm bắt được ý nghĩa của huấn quyền được Giáo hội thực thi. Bởi vì Giáo hội là thực tại của ân sủng được ghi khắc trong lịch sử. Nó được hình thành và thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần, chính Đấng đã thực hiện sự Nhập thể của Ngôi Lời và tiếp tục thực hiện việc sáp nhập các tín hữu vào Thân thể Mâu nhiệm, đối đầu với những niềm vui, cảm dỗ và thăng trầm của lịch sử. Sự mệnh cứu rỗi của Giáo hội không chỉ được thực hiện qua việc rao giảng, qua việc dạy Kinh thánh và cử hành các bí tích, mà còn qua huấn quyền của các giám mục, những người kế vị

các tông đồ, trong sự hiệp thông với Giám mục Rôma, người kế vị thánh Phêrô. Điều này không có nghĩa là chân lý của đức tin mang tính lịch sử và có thể thay đổi: mà đúng hơn, điều này có nghĩa là việc thừa nhận chân lý và đào sâu sự hiểu biết về chân lý đó là nhiệm vụ lịch sử của Giáo hội Chủ thể duy nhất. Do đó, Giáo hội không tùy ý sử dụng chân lý, chân lý không thể bịa đặt, vì về cơ bản chân lý đó là chính Chúa Kitô, nhưng Giáo hội tiếp nhận, nhớ lại và giải thích chân lý đó. Tin cùng với Giáo hội có nghĩa là mỗi thế hệ đều tham gia vào những nỗ lực không ngừng nghỉ của Giáo hội để có được sự hiểu biết sâu sắc và trọn vẹn hơn về đức tin. Nghĩa vụ trung thành không thể chỉ bị rút gọn thành sự ngoan ngoãn thụ động: đó là nghĩa vụ chiếm hữu tích cực của tất cả các môn đệ, với sự hỗ trợ và giám sát của huấn quyền sống động của giám mục đoàn. Những vị vừa kể, nếu họ đồng ý, sẽ có thẩm quyền quyết định một cách ràng buộc xem một cách giải thích thần học có trung thành với nguồn gốc – Chúa Kitô và Truyền thống Tông đồ- hay không. Huấn quyền không thêm gì vào Mặc khải đã được hoàn thành trong Chúa Kitô và được Kinh thánh chứng thực, ngoại trừ những lời giải thích về sự phát triển tín điều, bởi vì Giáo hội thực hiện vai trò của mình như là người giải thích đích thực Lời Chúa trong các hành vi trung thành sáng tạo với Mặc khải [175]: "Vì vậy, phán đoán về tính xác thực của *sensus fidelium* [cảm thức tín hữu] cuối cùng không thuộc về chính các tín hữu hay thần học mà thuộc về Huấn Quyền [176]." Cái gọi là *Huấn quyền thông thường* của những người kế nhiệm các Tông đồ bao gồm tín lý thường lệ, liên tục phát triển truyền thống - đã được chỉ định trong Tân Ước là "giáo lý lành mạnh" (2 Tm 4:3). Ngược lại, *huấn quyền ngoại thường* hiếm khi được sử dụng, nhưng nó được sử dụng mỗi khi phải đưa ra quyết định có phạm vi giáo lý liên quan đến toàn thể Giáo hội, đặc biệt là khi có thách thức từ một bộ phận của Giáo hội. Đây chính là điều đã xảy ra một cách nổi bật và rõ ràng tại Công đồng chung Nicée.

### 2.3 Các ngôn ngữ của Chúa Thánh Thần để hình thành và đổi mới sự đồng thuận

114. Về cơ bản, nhiệm vụ của Giáo hội do đó trước hết và quan trọng nhất là nhiệm vụ thần khí học phải phiên dịch theo nội dung [*métaphrase*]. Điều này hoạt động trong bộ ghi [registre] dịch thuật, giống như bản Bảy Mươi và *Targumim* [bản dịch Kinh Thánh Do Thái sang tiếng Aram], tìm kiếm sự trung thành với bản văn tiếng Do Thái bằng cách kiên quyết đặt mình vào các phương thức tư duy và thiên tài của riêng tiếng Hy Lạp và tiếng Aram. Chúng ta có thể cho rằng quá trình tương tự cũng diễn ra khi dịch những lời Chúa Giêsu nói bằng tiếng Aram sang tiếng Hy Lạp trong các sách Tin mừng. Đây cũng là công việc chú giải các bản văn thánh thiêng, bắt đầu với các *midrashim* [chú giải Kinh Thánh] và các tác phẩm của các Giáo phụ đầu tiên của Giáo hội. Chính phong trào kép này phát triển mạnh mẽ trong những cuộc trao đổi sôi nổi của một công đồng chung được cử hành theo sự thúc đẩy của Thánh Thần ngày Ngũ Tuần, nơi những diễn giả có thể đến từ thế giới Syria, Hy Lạp, Copt hoặc La Tinh, và đưa đến những định nghĩa có thể dịch sang các ngôn ngữ và hình thức diễn đạt khác. Ở đây chúng ta đang chứng kiến sự dạn dĩ gấp đôi nhận được từ Chúa Thánh Thần. Trước hết, cần củng cố sự hiểu biết về đức tin được tuyên xưng tại Công đồng Nicée từ phía những người công bố đức tin này một cách mạnh dạn [*parrësia*] và hiệu quả vì lợi ích của dân Chúa trong các bối cảnh khác nhau của thế giới; sau đó, sự dạn dĩ trong Chúa Thánh Thần của những người lắng nghe (*auditus fidei*) và tiếp nhận (*obsequium fidei*) lời công bố này [177]. Chuyển động này cho thấy cả bản chất của Giáo hội lẫn căn tính của Thánh Thần chân lý, Đấng “nhắc nhớ” những lời của Chúa Kitô và hướng dẫn chúng ta tới “toàn bộ chân lý” (Ga 16:13; x. Ga 14:26). Không có gì ngạc nhiên khi một nhiệm vụ giáo hội học như vậy,



vốn giả định các hoạt động của ngôi vị thần linh thứ ba, phải quay ngược lại từ lịch sử cứu rỗi đến màu nhiệm nguyên thủy của mối quan hệ Ba Ngôi, từ nhiệm cục đến hữu thể học thần linh.

115. Trong nhiệm vụ diễn dịch theo nội dung [métaphrase] thần khí học này, vốn giới thiệu một khái niệm mới, không có trong Kinh thánh, *homoousios* nổi tiếng, điều cần thiết là phải lưu ý rằng các trường thuật trong Kinh thánh cũng như các ẩn dụ của các bản văn Kinh thánh không bị xóa bỏ hoặc làm lu mờ bởi các bản sao suy đoán vốn thu hẹp và làm rõ bản chất của chúng. Sự làm sáng tỏ Tín điều chỉ có giá trị nếu nó bảo tồn được gốc rễ mang lại sức sống cho nó trong đất mùn Kinh thánh và trong sự hiệp thông của đức tin phụng vụ. Điều này rõ ràng đúng trong bản văn Kinh Tin Kính. Trong những hoàn cảnh như cuộc khủng hoảng của Arius, khi Lời Chúa dường như cung cấp sự ủng hộ mơ hồ cho việc bảo tồn chân lý đức tin (Luca 18:19: "Sao các ngươi lại nói rằng Ta nhân lành? Chẳng có ai nhân lành, trừ một mình Thiên Chúa"), thì cần phải có cách diễn đạt mang tính suy lý để làm loãng đi cuộc tranh luận về chú giải. Tuy nhiên, sự phát triển tín lý, với nguồn tài nguyên cụ thể của các từ mới, phải bằng lòng với việc khám phá những chân lý tiềm ẩn trong ngôn ngữ mặc khải, theo cách mà chính Chúa Kitô giải thích dụ ngôn về người gieo giống trong Mt 13:3-9 rồi 18-23. Theo nghĩa này, cần lưu ý rằng trong lịch sử Giáo hội, xét cho cùng, các từ mới mang tính Tín điều rất ít và chúng tương ứng với những nút thắt thực sự mang tính quyết định của màu nhiệm Kitô giáo: "đồng bản thể" và "sự kết hiệp ngôi vị" trong Kitô học; và trong phạm vi Ba Ngôi, "mối quan hệ lập hữu [subsistente]" và "sự tương tại [périorése]"; mà còn là "ngôi vị" (prosôpon và hypostasis), theo ý nghĩa đặc biệt của Kitô giáo, trong thần học Ba Ngôi, Kitô học và nhân học.

### 3. Hãy chăm lo giữ gìn kho tàng đức tin: bác ái phục vụ những người bé nhỏ

#### 3.1 Đức tin đồng tâm nhất trí của dân Chúa dành cho mọi người

116. Kinh Tin Kính và các điều luật được Công đồng Nicée thông qua không chỉ đơn thuần là những hành vi giải thích, dịch thuật và ẩn dụ của Giáo hội, mà còn nhằm mục đích "bảo vệ" hoặc "chăm lo giữ gìn" (*phylaxein*) kho tàng đức tin được các Tông đồ truyền lại (1 Tm 6:20). Sự bảo vệ này đặc biệt có lợi cho những người dễ bị ảnh hưởng nhất. Cũng như, xét về *fides quae*, *homoousios* là nguyên tắc và nền tảng của *koinonia* [hiệp thông] trong Chúa Kitô của tất cả mọi con người với nhau, cho đến những người nhỏ nhất, thì xét về *fides qua*, quyết định của Công đồng nhằm xác định một lời tuyên xưng đức tin chung bảo vệ tất cả các môn đệ. Thật vậy, sự rõ ràng về tín lý khiến đức tin có khả năng chống lại các thế lực của chủ nghĩa khu vực văn hóa tuyệt đối và sự chia rẽ địa chính trị cũng như các thế lực dị giáo, thường gắn liền với một hình thức tinh vi của chủ nghĩa duy tinh hoa.

117. Chúng ta hãy nhấn mạnh vào khía cạnh cuối cùng này. Vào thế kỷ thứ 4, trong thời đại "hoà bình của Giáo hội", khi niềm tin của Ki-tô giáo có nguy cơ suy yếu trong quá trình truyền bá rộng rãi, những người ủng hộ chủ nghĩa ngoại giáo cổ thời ngược lại đã cố gắng khôi phục sức sống đã mất của nó bằng cách nhấn mạnh vào tính chất *để tiếp cận* các vị thần trong đền thờ của họ, các tập tục và phong tục của tổ tiên họ đối với những người tử sinh tầm thường. Thế mà, đức tin được Chúa Giêsu rao giảng cho những người đơn sơ không phải là đức tin giản đơn. Các dụ ngôn và những câu nói khác, hoặc một số tuyên bố của Gioan như

lời tuyên bố: "Cha và Ta là một" (Ga 10:30), chứng tỏ rằng việc tiếp cận màu nhiệm Thiên Chúa ít nhất cũng là nghịch lý. Cả điều Tin điều gọi là Chúa Ba Ngôi, cũng như sự hiệp nhất ngôi vị, được nêu tại Công đồng Chalcedoine, cũng như thuyết nhị nguyên năng động được bảo vệ bởi cứu thế học của Người Tuyên Tín Maximus, đều không thể được coi là những đề xuất đơn giản. Tuy nhiên, Kitô giáo chưa bao giờ được biết đến như một tín lý bí truyền dành riêng cho một nhóm tinh hoa. Chúa Kitô khẳng định điều này trong một tuyên bố cơ bản: ““Tôi đã nói công khai trước mặt thiên hạ; tôi hằng giảng dạy trong hội đường và tại Đền Thờ, nơi mọi người Do-thái tụ họp. Tôi không hề nói điều gì lén lút. Sao ông lại hỏi tôi? Điều tôi đã nói, xin cứ hỏi những người đã nghe tôi. Chính họ biết tôi đã nói gì.” (Ga 18:20). Ngay cả kỹ thuật khai tâm về bí thuật [discipline d’arcane], trong một thời khắc của Kitô giáo sơ khai, không cho thấy sự bận tâm ghen tị nào với bí mật, mà đúng hơn là sự đánh giá cao tính nghiêm túc và các giai đoạn của sự khai tâm Kitô giáo. Và theo thời gian, có vẻ như đức tin Kitô giáo đã hoàn toàn mang phong cách phổ biến và công khai của nó. Cuối cùng, mỗi Kitô hữu, khi làm dấu thánh giá trên mình, đã diễn tả đầy đủ và trọn vẹn cốt lõi của đức tin Ba Ngôi và Phục Sinh [178]. Toàn thể dân Chúa phải đưa ra lý do cho đức tin và niềm hy vọng của mình (x. 1 Pr 3:5): theo nghĩa này, họ là những nhà thần học [179].

118. Theo cùng một nghĩa, việc thực thi Huấn quyền, như được thực thi tại Công đồng Nicée, và trao cho giáo huấn của Giáo hội "Công Giáo" một phong cách công khai và mang tính định chế đích thực, do đó thiết lập sự bình đẳng của tất cả mọi người liên quan đến nội dung của đức tin. Kinh Tin Kính phụng vụ, được thực hành bởi tất cả các thành viên của Thân Thể Màu Nhiệm, trong một phụng vụ công khai và chung, sẽ tạo thành một chuẩn mực cho *contesseratio* (mối liên hệ hiệu khách) của sự hiệp thông giáo hội, được Tertullien yêu thích [180]. Ích chung của Mặc khải thực sự được đặt "vào quyền sử dụng tùy ý" của tất cả các tín hữu, như được xác nhận bởi giáo lý Công Giáo về sự bất khả ngộ *in credendo* của những người đã chịu phép rửa tội: "Công đồng tín hữu, được xúc dầu từ Đấng Thánh (x. 1 Ga 2:20, 27), không thể sai lầm trong đức tin.[181] "Các giám mục có vai trò cụ thể trong việc xác định đức tin nhưng không thể đảm nhận vai trò đó nếu không ở trong sự hiệp thông giáo hội của toàn thể dân Chúa[182]. Theo nghĩa này, Luật Mới của Tân Ước mang những đặc điểm của Luật Cũ, mà chiều kích công khai của nó thường không được đánh giá đầy đủ: vì luật được ban hành long trọng nên mọi người đều biết đến nó như là luật thần linh. Vì vậy, vì *tính công khai của Lễ Luật*, cả những người lãnh đạo cũng phải tuân thủ nó. “Việc chấp nhận của những con người”, thường được phát hiện và lên án trong Tôra, sẽ dễ dàng xuất hiện ở đó theo cách khách quan hơn như một lỗi lầm chống lại phẩm giá bình đẳng của con cái Thiên Chúa (x. Lv 19:5; Hr 10:17; Cv 10:34; Rm 2:11).

### 3.2 Bảo vệ đức tin chống lại quyền lực chính trị

119. Do đó, Công đồng Nicée, với tất cả những gì nó mang ơn sáng kiến của Hoàng đế Constantine, vẫn sẽ là một cột mốc trên con đường dài hướng tới *libertas Ecclesiae* [tự do của giáo hội], vốn luôn là sự bảo đảm bảo vệ đức tin của những người đơn sơ và dễ bị tổn thương nhất trước quyền lực chính trị. Không còn nghi ngờ gì nữa, cùng lúc đó một phong trào cạnh tranh hướng tới điều gọi là "Caesaropapism [chế độ vương giáo]" đã ra đời, và đây là một cám dỗ dai dẳng trong các Giáo hội Ki-tô giáo. Vậy chúng ta nên xác định trong công đồng này sự khởi đầu của một sự bảo đảm của giáo hội đối với quyền tự do lương tâm của những người nhỏ bé, hay sự khởi đầu của một công cụ chính trị hóa tôn giáo của Chúa Kitô?

Đúng là những mối quan tâm chính trị của Hoàng đế Constantine thường được nhấn mạnh ngày nay; người ta nhấn mạnh rằng Công đồng Nicée có mục đích, trong số những mục đích khác, là để kỷ niệm 20 năm trị vì của ông, và thậm chí còn ám chỉ rằng, trong một số trường hợp, lời tuyên xưng đức tin được Nicée thông qua trước hết là nhằm khôi phục sự hòa hợp trong Đế quốc. Tương tự như vậy, khái niệm dị giáo bị chỉ trích vì gắn liền với quyền lực áp chế của nhà nước tôn giáo. Mặc dù không thể đi vào việc giải quyết đầy đủ những vấn đề phức tạp này trong phạm vi của tài liệu này, chúng ta vẫn có thể phân biệt ở đây các hình thức và mục tiêu của sự hiệp nhất, sự hiệp nhất về đức tin giữa các Ki-tô hữu và sự hiệp nhất của các công dân. Một mặt, trên thực tế, thuyết độc thần Ba Ngôi của Nicée, trong chân lý Tín điều của nó, cũng như thuyết Arius, không cho phép một cách chính đáng tham vọng của *Basileus* [nhà vua] muốn là biểu tượng nhà nước và tôn giáo của sự thống nhất La Mã và đặt nền tảng cho một trật tự thần học-chính trị *theo nghĩa chặt chẽ* [183]. Mặt khác, nếu không có sự cảnh giác của Giáo hội tông đồ được Chúa Thánh Thần hỗ trợ trước sự chống đối với khía cạnh chưa từng thấy của Mặc Khải là tà giáo, thì những mâu nhiệm đức tin được truyền đạt qua sự tự mặc khải của Ngôi Lời nhập thể, chịu đóng đinh và phục sinh sẽ không thể chống lại sự tan vỡ và hỗn loạn.

120. Bảo vệ đức tin của tất cả mọi người, cũng như tầm quan trọng của việc lắng nghe tiếng nói của ngay cả những người thấp kém nhất và nhỏ bé nhất, được biểu lộ ở sự kiện Nicée không đi theo con đường của thuyết Arius. Thật vậy, Thánh Jérôme nhấn mạnh đến số lượng lớn những người theo thuyết Arius và số lượng lớn các giám mục theo thuyết Arius. Về mặt lịch sử, chắc chắn đây là vấn đề đánh giá cách đọc của Thánh Jérôme, bởi vì hầu hết các giám mục và Ki-tô hữu không trực tiếp lựa chọn thuyết Arius, nhưng lại khá do dự trước một thuật ngữ không có trong Tân Ước. Tuy nói vậy, nhưng vì hiệu quả của vũ lực đã xảy ra do chính quyền chính trị khởi xướng, nên Công đồng đã có thể bảo vệ được *sensus fidelium* [cảm thức đức tin] [184] vốn hiện hữu trong dân Chúa. Theo nghĩa này, chúng ta có thể nói rằng lời tuyên xưng đức tin của Nicée là tiếng vọng trung thành được sống trong Giáo hội của niềm hân hoan của Chúa Kitô: " Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mặc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha. " (Mt 11:25-26).

## Kết luận:

### Công bố Chúa Giêsu là Đấng Cứu rỗi của chúng ta cho mọi người ngày hôm nay

121. Việc cử hành 1,700 năm Công đồng Nicée là lời mời gọi khẩn thiết đối với Giáo hội để tái khám phá kho tàng đã được trao phó cho mình và rút ra từ đó để chia sẻ với niềm vui, trong một đà lực mới, thậm chí trong một "giai đoạn mới của việc truyền giảng Tin mừng". [185] » Việc công bố Chúa Giêsu Ôn cứu rỗi của chúng ta khởi đi từ đức tin được diễn tả tại Nicée, như được tuyên xưng trong Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, trước hết là để cho mình thán phục trước sự bao la của Chúa Kitô để tất cả mọi người có thể thánh phục về điều đó, để thấp lại ngọn lửa tình yêu của chúng ta đối với Chúa Giêsu, để tất cả mọi người có thể bùng cháy tình yêu đối với Người. Không có gì và không ai đẹp hơn, sáng khoái hơn, cần thiết hơn Người. Dostoevsky tuyên bố điều đó một cách mạnh mẽ: "Tôi đã rèn luyện trong chính mình một Kinh Tin Kính, trong đó mọi thứ đều rõ ràng và thánh thiêng đối với tôi. Kinh Tin Kính này rất đơn giản, đó là: tin rằng không có gì đẹp hơn, sâu sắc hơn, cảm thông hơn, hợp lý hơn, nam tính hơn và hoàn hảo hơn Chúa Kitô. [186] "Trong Chúa Giêsu, *homoousios* với Chúa Cha, chính Thiên Chúa đến để cứu chúng ta, chính Thiên Chúa đã ràng buộc mình với nhân loại mãi mãi, để hoàn thành ơn gọi của chúng ta là con người. Là Con Một, Người biến đổi chúng ta nên giống Người như những người con trai, con gái yêu dấu của Chúa Cha nhờ quyền năng ban sự sống của Chúa Thánh Thần. Những ai đã chứng kiến vinh quang (*doxă*) của Chúa Kitô có thể hát bài ca này, và để cho lời tôn vinh biến thành lời công bố quảng đại và huynh đệ, tức là thành lời rao giảng *kerygma* [giáo lý sơ truyền].

122. Việc loan báo Chúa Giêsu là Đấng Cứu rỗi chúng ta qua đức tin được diễn tả tại Công đồng Nicée không phải là bỏ qua thực tại của nhân loại. Đức tin này không ngoảnh mặt làm ngơ trước những đau khổ và biến động đang hoành hành trên thế giới và ngày nay dường như đang phá hoại mọi hy vọng. Ngược lại, nó đối diện với những rắc rối này bằng cách tuyên xưng sự cứu chuộc duy nhất có thể, được đạt tới bởi Đấng đã từng biết đến cả sự dữ dội của tội lỗi và sự chối bỏ, cảnh cô đơn của sự bỏ rơi và cái chết, và Đấng, từ chính vực thẳm của sự dữ, đã trỗi dậy để đưa chúng ta cũng đến với chiến thắng của Người để đến vinh quang của sự phục sinh. Lời loan báo mới này không hề bỏ qua văn hóa và các nền văn hóa, nhưng ngược lại, ở đây cũng vậy với hy vọng và lòng bác ái, lắng nghe và được chúng làm cho phong phú, mời gọi chúng thanh lọc và nâng cao chúng. Việc bước vào niềm hy vọng như thế rõ ràng đòi hỏi sự hoán cải, nhưng trước hết là từ phía người loan báo Chúa Giêsu bằng cuộc sống và lời nói, vì đó là sự đổi mới trí tuệ theo tư tưởng của Chúa Kitô. Nicée là kết quả của sự biến đổi tư tưởng được ngụ ý và thực hiện thông qua biến cố Chúa Giêsu Kitô. Tương tự như vậy, một giai đoạn truyền giáo mới chỉ có thể thực hiện được đối với những ai để mình được đổi mới bởi biến cố này, đối với những ai để mình được chiếm hữu bởi vinh quang của Chúa Kitô, luôn luôn mới mẻ.

123. Việc loan báo Chúa Giêsu là Đấng Cứu rỗi của chúng ta, dựa trên đức tin được diễn tả tại Công đồng Nicée, là phải đặc biệt chú ý đến những anh chị em nhỏ bé và dễ bị tổn thương nhất của chúng ta. Ánh sáng mới chiếu rọi trên tình huynh đệ giữa mọi thành viên trong gia

đình nhân loại bởi Chúa Kitô, Người Con *homoousios* [đồng bản tính] với Chúa Cha và chia sẻ bản chất chung của con người, đặc biệt soi sáng cho những người cần nhất niềm hy vọng của ân sủng. Chúng ta bị ràng buộc bởi một mối liên kết căn bản không thể phá hủy với tất cả những người đang đau khổ và bị loại trừ; Tất cả chúng ta đều được kêu gọi làm việc để ơn cứu rỗi có thể đến với họ nói riêng. Rao giảng ở đây có nghĩa là "cho ăn", "cho uống", "đón nhận", "cho mặc" và "đi thăm viếng" (Mt 25:34-40), là làm sáng tỏ vinh quang khiêm nhường của đức tin, đức cậy và đức mến cho những người không được tin, không ai hy vọng nơi họ và không được thể gian yêu thương. Việc công bố có nghĩa là làm cho những nhân đức đối thần này tỏa sáng trong sự khiêm nhường và đau khổ: điều này chỉ có thể đến từ Chúa Kitô, Đấng Cứu rỗi chúng ta và do đó làm chứng về Người và cho phép chúng ta gặp gỡ Người. Tuy nhiên, chúng ta đừng nhầm lẫn: những người đàn ông bị đóng đinh trong lịch sử này chính là Chúa Kitô ở giữa chúng ta, theo nghĩa mạnh mẽ nhất có thể: "các người đã làm cho chính Ta" (Mt 25:40). Đấng chịu đóng đinh và phục sinh biết rõ nỗi đau khổ của họ và họ cũng biết nỗi đau khổ của Người. Vì vậy, họ là những tông đồ, giáo viên và nhà truyền giáo của người giàu và người khỏe mạnh. Vấn đề là giúp đỡ người nghèo, nhưng trên hết là bước vào mối quan hệ với họ và sống với họ để cho phép mình được họ dạy dỗ: họ hiểu rõ hơn bất cứ ai về sự bao la của hồng phúc Chúa Con *homoousios*, đi xa đến tận thập giá, được tuyên xưng tại Công đồng Nicée. Họ có thể giới thiệu cho chúng ta niềm hy vọng mạnh hơn cái chết, theo Lời Chúa, Đấng đã xuống tận những người thấp hèn nhất trong chúng ta để nâng chúng ta lên cao nhất với Người [187].

124. Việc loan báo Chúa Giêsu là Đấng Cứu rỗi chúng ta nhờ đức tin được diễn tả tại Công đồng Nicée là loan báo Người trong Giáo hội. Đó là công bố điều đó thông qua lời chứng của tình anh em tuyệt vời được thành lập trong Chúa Kitô. Mục đích là để làm sáng tỏ những điều kỳ diệu mà Giáo hội "duy nhất, thánh thiện, Công Giáo và tông truyền" là "bí tích cứu rỗi phổ quát" và mở ra con đường đến với sự sống mới: kho tàng Kinh thánh được giải thích trong Kinh Tin Kính, sự phong phú của lời cầu nguyện, của phụng vụ và các bí tích phát xuất từ phép rửa tội được tuyên xưng tại Công đồng Nicée, ánh sáng của giáo huấn phục vụ cho đức tin chung. Tuy nhiên, kho tàng này "chúng ta mang nó trong những bình đất" (2 Cô-rinh-tô 4:7). Điều này đúng, vì việc loan báo chỉ có hiệu quả khi có sự nhất quán giữa hình thức của sứ điệp và nội dung của nó, giữa hình thức của Chúa Kitô và hình thức truyền giảng Tin mừng. Trong thế giới ngày nay, điều đặc biệt quan trọng là phải ghi nhớ rằng vinh quang mà chúng ta chiêm ngưỡng chính là vinh quang của Chúa Kitô, "hiền lành và khiêm nhường trong lòng" (Mt 11:29), Đấng đã tuyên bố: "Phúc thay ai hiền lành, vì họ sẽ được Đấng Hứa làm gia nghiệp" (Mt 5:5). Đấng Chịu Đóng Đinh-Phục Sinh thực sự chiến thắng, nhưng đó là chiến thắng trên sự chết và tội lỗi chứ không phải trên kẻ thù – không có *kẻ thua cuộc* trong Mầu nhiệm Vượt Qua, ngoại trừ kẻ thua cuộc về mặt cánh chung, Satan là kẻ chia rẽ [188]. Việc loan báo Chúa Giêsu là Đấng Cứu rỗi của chúng ta không phải là một cuộc đấu tranh, nhưng đúng hơn là một sự đồng hình đồng dạng với Chúa Kitô, Đấng đã nhìn những ai Người gặp bằng tình yêu thương và lòng trắc ẩn (Mc 10:21; Mt 9:36) và để cho mình được hướng dẫn bởi một người khác, bởi Thánh Thần của Chúa Cha [189]. Lời loan báo sẽ có kết quả nếu chính Chúa Kitô hành động trong chúng ta:

"Thật tốt khi nhớ rằng khi sai các môn đệ đi truyền giáo, 'Chúa đã làm việc với họ' (Mc 16:20). Người ở đó, làm việc, đấu tranh và làm điều tốt với chúng ta. Theo một cách huyền nhiệm, chính tình yêu của Người được biểu lộ qua việc phục vụ của chúng ta, chính Người là

người nói với thế giới bằng ngôn ngữ đôi khi không có lời nào diễn tả được [190].

## Ghi chú

[1] Phanxicô, Sắc lệnh Năm Thánh Thường niên năm 2025, *Spes non confundit*, số 17.

[2] Ephrem thành Nisibis, *Hymns of Nativitate*, III, 3, ed. và dịch. E. Beck, o.s.b., Louvain, 1959 (CSCO 186, trang 21; CSCO 187, trang 18-19 bản dịch đã sửa đổi); bản dịch Tiếng Pháp của F. Cassingena-Trévedy, o.s.b., Paris, Cerf, 2001 (SC 459, tr. 64-65).

[3] Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Diễn văn gửi các thành viên của Ủy ban Thần học Quốc tế*, ngày 30 tháng 11 năm 2023.

[4] “Đầu tiên, người ta đã nhất trí rằng hội đồng giám mục sẽ diễn ra tại Ancyra ở Galatia. Vì nhiều lý do, giờ đây chúng tôi quyết định rằng hội đồng sẽ họp tại Nicée, một thành phố của Bithynia. Đó là vì các giám mục đến từ Ý và các nơi khác ở châu Âu, sự hòa quyện không khí trong lành, và cũng để bản thân tôi có thể suy gẫm về những gì sẽ xảy ra ở đó và tham gia vào đó,” trong Constantine, *Letters and Speeches*, do P. Maraval trình bày và dịch, Paris, *Les Belles Lettres* (coll. “La roue à livres”), 2010, thư 17 (“triệu tập đến Nicée”), tr. 52.

[5] Xem Công đồng Chalcedoine, lời mở đầu (DH, 300).

[6] Xem Công đồng Êphêsô, phiên họp thứ 6 của các môn đệ Thánh Cyril (DH, 265).

[7] Trích dẫn trong K. Schatz, *Los concilios ecuménicos, Encrucijada en la historia de la Iglesia* [Các Công đồng Chung, Ngã tư đường trong Lịch sử Giáo hội], Ed. Trotta, Madrid, 1999, tr. 41.

[8] “Giáo Hội Công Giáo nhìn nhận giá trị công đồng đại kết, chuẩn mực và không thể hủy bỏ, như một biểu thức của đức tin chung duy nhất của Giáo hội và của tất cả các Kitô hữu, của Kinh Tin Kính được tuyên xưng bằng tiếng Hy Lạp tại Constantinople năm 381 bởi Công đồng chung thứ hai. Không có lời tuyên xưng đức tin nào phù hợp với một truyền thống phụng vụ cụ thể có thể mâu thuẫn với biểu thức đức tin này được giảng dạy và tuyên xưng bởi Giáo hội không chia rẽ”, Hội đồng Giáo hoàng về Thúc đẩy Hiệp nhất Kitô giáo, “Truyền thống Hy Lạp và La tinh liên quan đến việc nhiệm xuất [procession] của Chúa Thánh Thần”, ngày 13 tháng 9 năm 1995, trong *Tài liệu Công Giáo*, số 1. 19, trang. 941-945.

[9] Đức Phanxicô, *Diễn văn gửi Bộ Giáo lý Đức tin*, ngày 26 tháng 1 năm 2024.

[10] Chúng tôi tuân theo phiên bản tiếng Hy Lạp của Kinh Tin Kính Nicée-Constantinople, trừ khi có quy định khác.

[11] Chủ đề về Thiên Chúa Cha là Đấng sáng tạo hiện diện rất nhiều trong số các Giáo phụ đầu tiên của Giáo hội. Thánh Clément thành Rome nói "Cha và Đấng tạo dựng toàn thể thế giới," *Gửi tín hữu Co-rin-tô* 19,2 và 35,3 (SC 167, tr. 133 và 157); Thánh Justin thành Nablus

nói về “Cha và Chúa của vũ trụ”, *Apology to Antoninus* [hộ giáo gửi Antoninus], 12.9; 61.3, trong B. Pouderon, J.-M. Salamito, V. Zarini, *First Christian Writings* [các trước tác Ki-tô giáo Đầu tiên], Paris, Gallimard (“La Pléiade”), 2016, tr. 333 và 376; Tatian người Syria cũng gọi lên “Tác giả của các linh hồn” và “Cha của những thứ khả giác và hữu hình”, *To the Greeks* [gửi Người Hy Lạp], IV,3, *ibid.*, tr. 591. Đây là một ý tưởng đã được tìm thấy ở các tác giả Hy Lạp: Plato coi Chúa là "tác giả và cha của toàn thể vũ trụ" (*Timaeus*, 28c; 41a; xem thêm Epictetus, *Diss.* I,9,7).

[12] Trái ngược với Aeschylus, người nói về “τῶν θεῶν φθόνοV”, “sự đố kỵ của các vị thần” (*The Persians*, v. 362), hãy xem Thomas Aquinas, *Contra Gentiles*, l. 1 cap. 89 n. 12: “Invidiam igitur in Deo impossibile est esse, etiam secundum suae speciei rationem: non solum quia invidia loài tristitiae est, sed etiam quia tristatur de bono alterius, et sic accipit bonum alterius tanquam malum sibi.[ Do đó, sự đố kỵ là không thể có nơi Thiên Chúa, ngay cả theo bản chất loài của Người: không chỉ vì đố kỵ là một loại buồn bã, mà còn vì Người buồn vì điều tốt của người khác, và do đó chấp nhận điều tốt của người khác là điều xấu đối với mình]. »

[13] Hilaire thành Poitiers, *De Trinitate*, IX, 61, CCSL 62A, tr. 440-441.

[14] Xem Hippolyte, *C. Noet.* 10,1-2. Tertullien: "Ante Omnia enim Deus erat solus, ipse sibi et mundus et locus et omnia. Solus autem quia nihil aliud extrinsecus praeter illum. Ceterum ne tunc quidem solus; habebat enim secum quam habebat in semetipso, rationem suam [Vì trước khi có muôn vật, chỉ có một mình Thiên Chúa, chính Người, thể gian, nơi chốn và muôn vật. Nhưng đơn độc vì không có thứ gì khác bên ngoài Người. Hơn nữa, thậm chí không chỉ có một mình; Bởi vì Người mang theo những gì Người có bên trong Người, lý trí của Người]." (*Adversus Praxean*, 5.2, CCL 2, trang 1163).

[15] Xem *Sự tử đạo của Thánh Polycarpe* trong B. Pouderon, J.-M. Salamito, V. Zarini, *Những tác phẩm Kitô giáo đầu tiên*, tr. 254; Justin, *Hộ giáo gửi Antoninus*, 63, *ibid.*, tr. 379-380.

[16] Xem vạ tuyệt thông nhắm vào Arius ở cuối Kinh Tin Kính Nicée (DH, 126).

[17] Arius, *Thư gửi Eusèbe thành Nicomédie*, 5 (H.-G. Opitz, *Athanase Werke*, III-1, p. 3; Urkunde 1).

[18] Trong một bài thuyết giảng sau Nicée, Chromace d’Aquilée phát biểu: "Cũng như công trình sáng tạo đầu tiên của chúng ta là công trình của Chúa Ba Ngôi, thì công trình sáng tạo thứ hai của chúng ta cũng là công trình của Chúa Ba Ngôi: Chúa Cha không làm gì nếu không có Chúa Con hoặc nếu không có Chúa Thánh Thần, vì công trình của Chúa Cha cũng là công trình của Chúa Con, và công trình của Chúa Con cũng là công trình của Chúa Thánh Thần" (Chromace d’Aquilée, *Sermons*, 18, 4, tập II, bản văn phê bình, ghi chú và chỉ mục của J. Lemarié, bản dịch của H. Tardif, Paris, Cerf, SC 164, 1971, trang 14).

[19] Về những “sự lãng quên” này của Chúa Thánh Thần, hãy xem Y. Congar, *Tôi tin vào Chúa Thánh Thần*. Cerf, ấn bản lần thứ 4, Paris, 2012, t. 1, trang. 218-226. Các phân tích của

Congar chủ yếu đề cập đến thế kỷ 19 và 20, nhưng hiện tượng ngài mô tả vẫn tồn tại theo cách tinh tế hơn.

[20] “Credimus [...] Patrem [...] fontem et Originem totius divinitatis [chúng tôi tin... Chúa Cha...suối và nguồn mọi thần tính]”, Công đồng Toledo lần thứ 6 (DH, 490). Xem thêm Augustine, mà đối với ngài, Chúa Cha là “nguyên lý của mọi thần tính”, Augustine, *De Trinitate*, t.IV, c.xxix, PL, t.XLII, col. 908.

[21] Phiên bản Kinh Tin Kính Nicée (325).

[22] “Không có Thiên Chúa nào khác, nhưng Chúa Cha và Chúa Con là một hữu thể” (Hilarius thành Poitiers, *De Trinitate*, VIII, 41, CCSL 62A, tr. 354).

[23] Xem B. Sesboué, *Lịch sử Tín điều*, Tập. 1, Thiên Chúa cứu rỗi, Desclée, Paris, 1994, tr. 246.

[24] Phiên bản tiếng Latin của Kinh tin kính Nicée-Constantinople, từ phiên bản được Rusticus dịch vào thế kỷ thứ 6 (so sánh I. Ortiz de Urbina, *Storia dei Concili Ecumenici* [lịch sử Công đồng Chung] tập I, LEV, 1994, trang 172).

[25] Xem Éphrem và Grégoire Palamas, và cả Ambroise: *Splendor paternae gloriae* [Về Huy hoàng của vinh quang cha] như bài bình luận về *lumen de lumine* [ánh sáng bởi ánh sáng], trong Sant’Ambrogio, *Opere poetiche e frammenti* [Tác phẩm thơ và đoạn văn]. Inni – Iscrizioni – Frammenti, a cura di [được biên tập bởi] G. Banterle, G. Biffi, I. Biffi, L. Migliavacca, Milano-Roma, 1994, Inno II, p. 34-37.

[26] “Học thuyết về Chúa Ba Ngôi không phải là một sự bổ sung và làm suy yếu mà là sự cực đoan hóa thuyết độc thần của Ki-tô giáo,” K. Rahner, “Tính duy nhất và Chúa Ba Ngôi trong cuộc đối thoại với Hồi giáo” (1978), trong *Œuvres*, 22/1b, *Dogmatique après le Concile. Fondement de la théologie, doctrine de Dieu et christologie* [Tín điều sau Công đồng. Nền tảng thần học, tín lý về TC và Ki-tô học] dịch từ tiếng Đức, Cerf, Paris, 2022, tr. 203-221 (tại đây: trang 213).

[27] Xem M. Wyschogrod, *Lời hứa với Abraham, Do Thái giáo và Quan hệ Do Thái-Thiên chúa giáo*, SCM Press, London, 2006, tr. 178.

[28] Xem. D. Boyarin, *Le Christ Juif* [Chúa Ki-tô người Do Thái], Cerf, Paris, 2019, tr. 42-66; P. Lenhardt, *Sự hiệp nhất của Chúa Ba Ngôi. Lắng nghe truyền thống của Israel*, Nhà xuất bản Parole et Silence, Paris, 2011; P. Schäfer, *Hai vị Thiên chúa trên thiên đường: Khái niệm của người Do Thái về Thiên Chúa cổ thời*, Nhà xuất bản Đại học Princeton, Princeton (NJ), 2020.

[29] Xem D. Boyarin, *Le Christ Juif* [Chúa Ki-tô người Do Thái], tr. 55-56, chẳng hạn. Quan điểm này thực sự được coi là một cách giải thích có thể có về sách Đa-ni-en trong bản văn tiếng Aram và nhiều bản văn khác của thời kỳ Đền thờ thứ hai trong thế giới Do Thái, mặc dù nó cũng gây ra rất nhiều tranh cãi.



[30] *Pr* 1:9.14; 8,1-36; *Kn* 1,7; 7,22-27; *Hc* 24,1-22. Một số nhà chú giải cũng sử dụng cách diễn đạt “thuyết song thần (duothéisme)” đối với Khôn ngoan được nhân cách hóa (xem J. Trublet [dir.], *La Sagesse Biblique. De l’Ancien au Nouveau Testament* [Đức Khôn ngoan KT. Của Cựu và Tân Ước], “Lectio Divina 160”, Le Cerf, 1995).

[31] Xem L. W. Hurtado, *Một Thiên Chúa, một Chúa. Lòng sùng kính Ki-tô giáo sơ khai và Chủ nghĩa độc thần cổ xưa của người Do Thái*, T&T Clark, Edinburgh 1998 (1988); R. Bauckham, “God Crucified” (1996), trong R. Bauckham, *Chúa Giêsu và Thiên Chúa của Israel*, Paternoster, Crownhill (Anh) 2008, tr. 1-59. Ví dụ, một phần của Kinh Tin Kính Nicée được xây dựng trong tác phẩm văn học Do Thái – Ki-tô giáo đầu tiên, *Odes of Solomon* [những bài ca tán tụng của Sa-lô-môn], có niên đại từ khoảng năm 70-125 Công nguyên (xem *Ode* 14:12-17, trong A. Rahlfs, R. Hanhart [biên tập], *Bản Bảy Mươi: Phiên bản SESB*, Stuttgart 2006).

[32] Phiên bản tiếng La tinh của Kinh Tin Kính phân biệt biến cố Chúa Kitô nhập thể “bởi (de)” Chúa Thánh Thần và “từ (ex)” Đức Trinh Nữ Maria.

[33] J. Ratzinger, *Einführung in das Christentum, Vorlesungen über das Apostolische Glaubensbekenntnis* [Giới thiệu về Kitô giáo, bài giảng về Kinh Tin Kính của các Tông đồ], Kösel-Verlag KG, München, 1968, p. 9.

[34] “Vì vậy, theo các thánh giáo phụ, chúng tôi đều đồng lòng dạy rằng chúng tôi tuyên xưng một Chúa Con duy nhất, là Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta, là Đấng hoàn hảo về thần tính và là Đấng hoàn hảo về nhân tính, là Thiên Chúa thật và là người thật (gồm) một linh hồn có lý trí và một thân xác, đồng bản thể với Chúa Cha theo thần tính và đồng bản thể với chúng ta theo nhân tính, trong mọi sự giống chúng ta ngoại trừ tội lỗi, trước các thời đại đã được Chúa Cha sinh ra theo thần tính, và trong những ngày sau hết cũng được Đức Trinh Nữ Maria, Mẹ Thiên Chúa theo nhân tính, sinh ra vì chúng ta và cứu rỗi chúng ta,” Công đồng Chung Chalcedoine (*DH*, 301).

[35] “Con người được tạo dựng như một tạo vật sẽ không được thần thánh hóa nếu Chúa Con không phải là Thiên Chúa thật; và con người không thể đứng trước sự hiện diện của Chúa Cha, nếu người đã mặc lấy thân xác không phải là Ngôi Lời thật của Người theo bản chất. Tương tự như vậy, chúng ta sẽ không được giải thoát khỏi tội lỗi và lời nguyện rửa, nếu xác thật được Ngôi Lời mặc lấy không phải là xác thịt con người (vì chúng ta sẽ không có điểm chung nào với tất cả những gì xa lạ với chúng ta)” (Athanasie d’Alexandrie, *Luận thuyết chống lại những người theo thuyết Arius*, II, 70, bản văn từ ấn bản K. Metzler - K. Savvidis, ghi chú của Lucian Dinca, bản dịch của Ch. Kannengiesser, Paris, Cerf, SC 599, 2019, trang 237-239).

[36] *Ibid.*, III, 7,3, tr. 297.

[37] Biểu thức này được tìm thấy trong các Giáo phụ, nơi các diễn viên khác trong lịch sử đôi khi cũng được đề cập cùng với Philatô, chẳng hạn như "Herod the Tetrarch" (Ignace of Antioche, *Thư gửi người Smyrna*, I, 2, trong B. Pouderon, J.-M. Salamito, V. Zarini,

*Premiers écrits chrétiens* [các trước tác Ki-tô giáo sơ khai], trang 213) hoặc "Tiberius Caesar" (Justin, *Hệ giáo gửi Antoninus*, 13,3, *ibid.*, trang 334).

[38] “Giao ước Cũ, một Giao ước mà Thiên Chúa không bao giờ lên án,” Đức Gioan Phaolô II, *Gặp gỡ các đại diện của cộng đồng Do Thái ở Mainz*, ngày 17 tháng 11 năm 1980, n. 3; “Giao ước Cũ không bao giờ bị hủy bỏ”, *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1992, số 1. 121: so sánh Đức Phanxicô, *Niềm Vui Tin Mừng*, 2013, IV, số 1. 247.

[39] Công đồng Vatican II, Tuyên ngôn *Nostra Aetate*, Số 4.

[40] Trong Irénée thành Lyons, *Chống lại các tà thuyết*, IV, 34,3, biên tập. A. Rousseau, tập II, SC 100, Paris, Cerf, 1965, tr. 850-853: “Làm sao các tiên tri có thể tiên đoán được việc đến của Đức Vua, công bố trước tin mừng về sự tự do mà Người sẽ ban cho, rao giảng trước mọi điều Đấng Ki-tô đã làm bằng lời nói và việc làm, cũng như Cuộc Khổ Nạn của Người, và công bố trước giao ước mới, nếu họ đã nhận được sự soi dẫn tiên tri từ một Thiên Chúa khác, Đấng mà theo bạn, không biết về Thiên Chúa Cha vô biên và vương quốc của Người, và nhiệm vụ của Người, mà Con Thiên Chúa đã hoàn thành trong những ngày sau hết này bằng cách đến trái đất? ". Xem A. De Halleux, “Lời tuyên xưng của Chúa Thánh Thần trong Kinh Tin kính Constantinople”, *Revue théologique de Louvain*, năm thứ 10, tập san. 1, 1979, trang. 5-39. Kinh Tin Kính của Épiphane de Salamine có niên đại từ năm 374 khai triển chủ đề này xa hơn: "Chúng tôi tin kính Chúa Thánh Thần, Đấng đã phán dạy trong Lê Luật và rao giảng qua các tiên tri, Đấng đã xuống sông Jordan, phán dạy qua các tông đồ và ngự trong các thánh" (*DH*, 44).

[41] Gioan II, Thư *Olim quidem*, tháng 3 năm 534 (*DH*, 401). "Nếu ai không tuyên xưng rằng Chúa chúng ta là Đức Giêsu Kitô, Đấng đã bị đóng đinh trong xác thịt, là Thiên Chúa thật và là Chúa vinh quang và là một trong Ba Ngôi Chí Thánh, thì người đó phải bị vạ tuyệt thông", Công đồng Constantinople lần thứ hai, *Anathema* 10 (*DH*, 432).

[42] “Những gì đã được hoàn thành trong Chúa Kitô vẫn phải được hoàn thành trong chúng ta và trong thế giới. Sự hoàn thành cuối cùng sẽ là sự hoàn thành của ngày tận thế, với sự phục sinh của người chết, trời mới và đất mới. Sự mong đợi Đấng cứu thế của người Do Thái không phải là vô ích. Đối với chúng ta, nó có thể trở thành một động lực mạnh mẽ để duy trì chiều kích cánh chung của đức tin của chúng ta. Giống như họ, chúng ta sống trong sự mong đợi. Sự khác biệt là đối với chúng ta, Đấng sẽ đến sẽ có các đặc điểm của Chúa Giêsu này, Đấng đã đến và hiện diện và hành động giữa chúng ta" (Ủy ban Kinh thánh Giáo hoàng, *Dân tộc Do Thái và Kinh thánh của họ trong Kinh thánh Kitô giáo*, 2001, II, số 21).

[43] Xem *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1992, III, số. 1848.

[44] Xem Công đồng Orange (529), điều luật 1 (*DH*, 371) và điều luật 2 (*DH*, 372).

[45] Theo Thánh Irénée, Chúa Giêsu ở đây ám chỉ đến “những người đã nhận được ơn làm con nuôi” nơi Người. Xem thêm Thánh Irénée thành Lyons, *Chống lại tà giáo, lên án và bác bỏ thuyết Ngộ Đạo với cái tên dối trá*, biên tập. A. Rousseau, Paris, Cerf, 19913, quyển III, 6.1, tr. 288-289.

[46] “Đức Kitô, con người ở trong Thiên Chúa, hằng hữu là một với Thiên Chúa, đồng thời là sự mở ra liên tục của Thiên Chúa cho con người. Do đó, chính Người là điều mà chúng ta gọi là “thiên đàng”, vì thiên đàng không phải là một không gian, mà là một ngôi vị, ngôi vị của người mà trong Người, Thiên Chúa và con người luôn hiệp nhất không tách biệt. Và chúng ta lên thiên đàng, vâng, chúng ta vào thiên đàng, theo mức độ chúng ta đến với Chúa Giêsu Kitô và vào trong Người,” J. Ratzinger, *JRGS* 6/2, tr. 861. Xem thêm H. U. von Balthasar, “Eschatology [cánh chung],” trong J. Feiner, J. Trütsch, và F. Böckle (eds.), *Fragen der Theology heute* [Những câu hỏi về thần học ngày nay], Einsiedeln, Zurich, Cologne, 1957, trang 403-421 (ở đây trang 407-408).

[47] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Mục vụ, *Gaudium et spes*, I, số 22.

[48] Xem Gioan Thánh Giá, *Bài ca tâm linh* A 38, 3-7; *Bài ca tâm linh* B 39, 2-7, trong *Jean de La Croix Œuvres complètes* [Gioan Thánh giá, tác phẩm trọn bộ], bản dịch. M. du Saint-Sacrament, Cerf, Paris, 1997, tr. 519-522; 1425-1428.

[49] Phaolô VI, “Diễn văn kết thúc Công đồng Vatican II,” 1965, § 8.

[50] Xem Công đồng Chalcedoine, *DH*, 301.

[51] Xem Kinh Tin Kính của các Tông Đồ.

[52] Xem Thomas Aquinas, *Summa Contra Gentiles*, IV, 81.

[53] B. Pascal, *Les Pensées*, biên tập. Jacques Chevalier, Paris, Gallimard (“La Pléiade”), 1954, tr. 1207, mục 258; xem Đức Phanxicô, Tông thư *Sublimitas et Miseria hominis*, ngày 19 tháng 6 năm 2023, nhân kỷ niệm 400 năm ngày sinh của Blaise Pascal.

[54] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, VII, số 1. 48; Bộ Giáo lý Đức tin, *Dominus Iesus*, 2000, VI, số 20.

[55] Hippolyte de Rome, *Traditio Apostolica* [truyền thống tông đồ], 6, Aschendorff, Münster, 1963, tr. 19.

[56] “Cũng như lòng nhân từ duy nhất của Thiên Chúa thực sự lan tỏa dưới nhiều hình thức khác nhau giữa các loài thụ tạo, thì sự trung gian duy nhất của Đấng Cứu Chuộc không loại trừ, nhưng đúng hơn, kêu gọi một sự hợp tác đa dạng từ phía các loài thụ tạo, tùy thuộc vào một nguồn duy nhất,” Công đồng Chung Vatican II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, VIII, số 1. 62.

[57] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes*, II, số 24-25.

[58] *Ibid.*, II, số 22.

[59] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*, số 1.

[60] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, Phụ lục.

[61] Théodoret de Cyr, *Lịch sử Giáo hội*, “Thư của Công đồng gửi đến Giáo hội Alexandrie”, I,9, tập I, sách I-II, bản văn tiếng Hy Lạp (*GCS*, NF 5, 19983) của L. Parmentier và G.C. Hansen, với chú thích của J. Bouffartigue, phần giới thiệu của A. Martin, phần dịch của P. Canivet, được J. Bouffartigue, A. Martin, L. Pietri và F. Thelamon, Paris, Cerf, SC 501, xem xét và chú thích. 220-221 và 227.

[62] Xem *Lettera alle Chiese* [Thư gửi các Giáo hội], công bố trong H. Pietras, *Concilio di Nicea (325)* [Công đồng Nicée] (325) *nel suo Contesto* [trong bối cảnh của nó], GBPress, Roma, 2021, p. 204-208 (Eusebius, *Vita Constantini* [Tiểu sử Constantine], 3.17-20); “Purtroppo con Questa Decisione venne abbandonata la data comune di Pasqua tra cristiani ed ebrei”, Card. K. Koch, “Verso una celebrazione ecumenica del 1700° anniversario del Concilio di Nicea [Thật không may, với Quyết định này, ngày lễ Phục sinh chung giữa các Ki-tô hữu và người Do Thái đã bị hủy bỏ”, ĐHY Koch nói, "Hướng tới lễ kỷ niệm chung nhân kỷ niệm 1700 năm Công đồng Nicea (325-2025)", *L'Osservatore Romano*, ngày 30 tháng 4 năm 2021.

[63] Tương ứng, Đức Gioan Phaolô II, *Cuộc gặp gỡ với Cộng đồng Do Thái tại Roma*, ngày 13 tháng 4 năm 1986, số 4, và Benedict XVI, *Ánh sáng thế gian. Đức Giáo Hoàng, Giáo hội và những dấu chỉ của thời đại*. Phòng văn P. Seewald, dịch. N. Casanova và O. Mannoni, Paris, Bayard, 2011, tr. 114.

[64] Athanase d'Alexandrie, *Cuộc đời và hành vi của Cha Thánh Anthony*, Linh đạo phương Đông, số 28, dịch. B. Lavaud, op., Bégrolles en Mauges, 1979, tr. 75.

[65] “Nếu chúng ta cũng không được ban cho khả năng gặp gỡ thực sự với Người, thì cũng giống như tuyên bố sự mới mẻ của Ngôi Lời đã nhập thể đã cạn kiệt. Ngược lại, Nhập thể, ngoài việc là biến cố mới duy nhất mà lịch sử biết đến, cũng chính là phương pháp mà Chúa Ba Ngôi đã chọn để mở ra con đường hiệp thông cho chúng ta. Đức tin Kitô giáo hoặc là một cuộc gặp gỡ với Người đang sống, hoặc là không tồn tại. Phụng vụ bảo đảm cho chúng ta khả năng gặp gỡ như vậy”, Đức Phanxicô, Tông thư *Desiderio desideravi*, 2022, n. 10-11.

[66] Xem *À Diognète* [gửi Diognète, V,10-11, trong B. Pouderon, J.-M. Salamito, V. Zarini, *Những tác phẩm Kitô giáo đầu tiên*, tr. 814.

[67] Athénagoras, *Legatio (Supplicatio) pro Christianis* (176-180 AD) 12.3; so sánh 24.2, SC 379, trang 108 và trang 160.

[68] Ambroise, *De fide ad Gratianum* [Về đức tin nơi Gratian] I, 1.8, (CSEL 78, p. 7).

[69] Hilaire de Poitiers, *De Trinitate* II,1 (CCSL 62, trang 38).

[70] Éphrem de Nisibis, *De fide* (Chống lại những người tranh chấp) dịch. J. B. Morris, *Tuyển tập tác phẩm của Thánh Ephrem người Syria*, 1847, nhựt 52, số. 1 (Morris, trang 273);

59, số 2 (ibid., tr. 300); 76, số 1 (ibid., tr. 347).

[71] Athanase, *Luận thuyết chống lại những người theo thuyết Arius*, SC 599, II, 41,4, tr. 144-145, và 41,5, P. 146-147.

[72] Xem thêm Basile de Césarée *Về Chúa Thánh Thần*, 26, SC 17bis, tr. 337: “Chúng ta là Kitô hữu như thế nào? Bởi đức tin, mọi người sẽ nói vậy. Nhưng chúng ta được cứu rỗi như thế nào? Bởi vì chúng ta được tái sinh từ trên cao, rõ ràng là, bởi ân sủng của phép rửa tội. Bởi vì nếu không thì chúng ta sẽ như thế nào? Sau khi có được sự hiểu biết về sự cứu rỗi này do Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần mang lại, chúng ta có từ bỏ “hình thức giảng dạy” (*typon didachès*, Rô-ma 6:17) đã nhận được không? [...] Vì nếu phép rửa tội đối với tôi là nguyên tắc của sự sống và nếu ngày đầu tiên là ngày tái sinh, thì rõ ràng là lời quý giá nhất cũng sẽ là lời đã được tuyên bố khi tôi nhận được ân sủng của sự làm con nuôi. Tương tự như vậy, liên quan đến Chúa Thánh Thần: Athanase, *Lá thư thứ nhất gửi Serapion*, số 30 (Athanase, *Werke* I/1 tr. 523-526).

[73] Athanase, *Luận thuyết chống lại những người theo thuyết Arius*, SC 599, II, 42,3, tr. 149; Basile de Césarée, *De Spiritu sancto* [Về Chúa Thánh Thần], 26, SC 17bis, tr. 336-339; Grégoire de Nysse, *Diễn văn giáo lý*, I,2,e, bản văn tiếng Hy Lạp của E. Mühlenberg, phần giới thiệu, bản dịch và chú thích của R. Winling, Paris, Cerf, SC 453, 2000, tr. 153.

[74] Xem Ambroise, *De fide ad Gratianum* I, 9.58 (CSEL 78, tr. 25); còn Zeno xứ Verona, *Sermones*, liber II, serm. II,5,9 (CCSL 22, trang 167).

[75] Xem Athanase, *De decretis Nicaenae synodi* [về các sắc lệnh của công đồng Nicée], 33-1 đến 33-7, bản dịch trong L. Dincă, *Christ and the Trinity in Athanase of Alexandria* [Chúa Ki-tô và Chúa Ba Ngôi trong Athanase thành Alexandrie], Paris, Cerf, Patrimoines, p. 376-377, 2012 và chú thích 2 và 3, tr. 376.

[76] Hilaire de Poitiers, *Contre Constance* [chống lại Constance], 16, phần giới thiệu, bản văn phê bình, bản dịch, ghi chú và chỉ mục của A. Rocher, Paris, Cerf, SC 334, 1987, tr. 200-201. [Bảo vệ Nicée trước lời chỉ trích là không phù hợp với Kinh thánh: theo ông, những căn bệnh mới đòi hỏi một phương thuốc mới. Vì vậy, cụm từ "innascible", vốn là sở thích của Arius, Aethius và Eunomius, cũng không phải là một từ trong Kinh thánh dành cho Chúa Cha: "Các ngươi ra lệnh rằng 'Chúa Con giống như Chúa Cha [*similem Patri Filium*]', cụm từ này không được công bố trong các sách Tin mừng: tại sao các ngươi không bác bỏ nó?"

[77] Athanase, *Epistula ad Afros episcopos* [Thư gửi các giám mục Phi Châu], 1,1.3 (Athanase, *Werke* II/1, tr. 322f.); Kinh Tin Kính Nicée là “đủ”. Xem thêm Athanase, *Epistula ad Epictetum* [thư gửi Epictetum], 1 (*ibid.*, I/1, p. 705f.).

[78] Thuật ngữ "Nicéen" cũng có thể áp dụng cho các công thức tín điều mở rộng Kinh Tin kính Nicée, ít nhất miễn là chúng giữ nguyên nội dung của nó và không áp dụng các học thuyết đối lập. Xem *DH*, 300 (và các phần trên, § 4).

[79] *Công đồng Chalcedoine*, Actio 3, 10.12; 2,1,2, 79 [tiếng Hy Lạp]; 2,3,2, 5f [tiếng

Latinh]) (*DH*, 300); "Định nghĩa" (*horos*) của Chalcedoine dựa trên Nicée, với Kinh Tin Kính của 150 Giáo phụ tụ họp tại Constantinople (*ACO* 2,1,2, 126-129 [Hy Lạp]): "Bây giờ, đối với kiến thức hoàn hảo và củng cố đức tin đúng đắn, Kinh Tin Kính khôn ngoan và bổ ích này của ân sủng thần linh đã đủ tự nó, bởi vì nó dạy về Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần điều gì là dứt khoát, và đặt sự nhập thể của Chúa trước mắt những ai sẵn sàng chấp nhận nó bằng đức tin. »: "Sufficeret quidem ad plenam cognitionem pietatis et assertionem sapiens hoc et salutare divinae gratiae Symbolum; de Patre enim et de Filio et de Spiritu sancto sự hoàn hảo docet et inhumanationem fideliter accipientibus repraesentat" [Kinh Tin Kính khôn ngoan và hữu ích này về ân sủng của Chúa thực sự đủ để hiểu biết đầy đủ về lòng đạo đức và khẳng định lòng đạo đức đó; Vì nó dạy về sự hoàn hảo của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, và trình bày sự vô nhân đạo cho những ai trung thành tiếp nhận nó] (*COeD*, 1962, p. 60).

[80] Đức Phanxicô, Sắc lệnh Năm Thánh Thường lệ năm 2025, *Spes non confundit*, n. 17.

[81] Đây là một sự ám chỉ tượng trưng đến sách *Sáng thế* 14:14.

[82] Athanase, *De synodis* 5, 1-3 (Athanase, *Werke* II/1 p. 234).

[83] Basile de Césarée, *Homilia 16 in illud "In principio erat Verbum* [từ khởi thủy đã có Ngôi Lời], *PG* 31, col. 471-482. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng, không giống như lời mở đầu của Tin mừng Gioan, Kinh Tin Kính tránh sử dụng thuật ngữ "Logos". Là một khái niệm trung tâm của triết học Hy Lạp, nó gần như chắc chắn được các Giáo phụ quen thuộc với triết học Hy Lạp hiểu theo cách phụ thuộc (Arian).

[84] "Kẻ nào, giống như Photin hay Arius, 'không tin rằng Chúa Kitô là Thiên Chúa, hoặc Chúa Con đến từ Chúa Cha,' thì xúc phạm đến Thánh sử Gioan (Chromatius thành Aquileia, *Bài giảng* 21:3, *SC* 164, tr. 44). "Đối với người theo Chúa Kitô, luôn có ánh sáng ban ngày, vì họ bước đi trong ánh sáng vĩnh cửu" (*Bài giảng* 18:1, *SC* 164, tr. 8). "Ngai vàng của Thiên Chúa là một, ngai vàng của uy quyền của Chúa Cha và uy quyền của Chúa Con", "không có sự khác biệt về phẩm giá" (*Bài giảng* 8:4, *SC* 164, tr. 192-195).

[85] Zénon de Vérone, *Sermones*, liber II, sermo II, 5, n° 9 và 10, *CCSL* 22, p. 167; *Bài giảng* II, 8, tr. 176-178.

[86] Jean Chrysostome, *Ba bài giáo lý rửa tội*, III,1, phần giới thiệu, bản văn phê bình, bản dịch và ghi chú của A. Piédagnel, với sự cộng tác của L. Doutreleau, s.j., Paris, Cerf, *SC* 366, 1990, tr. 214-215.

[87] Augustin d'Hippone, *De agone christiano* [Về cuộc đấu tranh của Kitô giáo], 18, *CSEL* 41; *De fide et symbolo* [về đức tin và kinh tin kính], 5 và 18, *CSEL* 41. Cuộc tranh luận thần học đúng đắn với những người theo phái đồng dạng [homoïen] được Thánh Augustine dẫn đầu trong *De Trinitate* I - VII cũng như trong *Contra sermonem Arianorum* và *Contra Maximinum haereticum Arianorum episcopum* [Chống lại bài giảng của những người theo thuyết Arius và chống lại kẻ dị giáo Maximus của thuyết Arius, giám mục] (Augustinus, *Opera – Werke*, Latein-deutsch: *Antiarianische Schriften*, 2008).

[88] Grégoire de Nysse, *Bài giảng giáo lý*, 39, 2, bản văn tiếng Hy Lạp của Mühlenberg, phần giới thiệu, bản dịch và ghi chú của Raymond Winling, SC 453, Paris, Cerf, 2000, tr. 329-331: “Do đó, một tâm trí khôn ngoan, trong mọi trường hợp, cần phải đưa ra sự lựa chọn giữa hai bên sau đây: hoặc tin rằng Tam vị thánh thuộc về trật tự của bản chất bất tạo, và do đó, trong sự tái sinh thiêng liêng, coi đó là nguồn gốc của sự sống riêng của mình; hoặc, nếu họ cho rằng Chúa Con và Chúa Thánh Thần là xa lạ với bản chất của Thiên Chúa, Đấng vốn là đầu tiên, chân thực và tốt lành, nghĩa là với bản chất của Chúa Cha, thì sẽ không bao gồm niềm tin này vào đức tin mà họ chấp nhận tại thời điểm tái sinh, để tránh việc họ vô tình bước vào bản chất bất toàn cần có ai đó sửa đổi nó và do đó trở lại theo một cách nào đó với những gì đồng nhất với họ, bởi vì đức tin của họ đã quay lưng lại với bản chất tối cao. »

[89] Ambroise, *In Lucam IV*, 67, CSEL 32, tr. 173.

[90] A. Grillmeier, “Das ‘Gebet zu Jesus’ und das ‘Jesusgebet [Lời cầu nguyện với Chúa Giêsu] và ‘Lời cầu nguyện Chúa Giêsu’”, trong *Fragmente zur Christologie. Studien zum altkirchlichen Christusbild* [Những mảnh vỡ về Kitô học. Nghiên cứu về hình ảnh Chúa Kitô của giáo hội sơ khai], Friborg 1997, tr. 357-371.

[91] 2 Cô-rinh-tô 12:8.9; Rô-ma 10:12; 2 Phê-rô 3:18; những lời cầu nguyện được đưa vào phụng vụ: 1 Cr 16:22; Khải Huyền 22:20; so sánh Sách *Didaché* 10,6.

[92] Đặc biệt Pl 2:6-11; Cl 1:15-20; 1Tm 3-10; 1 Tm 3:16; Khải Huyền 5:6-14.

[93] Xem *De oratione* trong Origène, *Về cầu nguyện; Lời khuyên về sự tử đạo*, Dẫn nhập, bản dịch và ghi chú của G. Bardy, Paris, Thư viện Lecoffre-Gabalda, 1932, X,2, tr. 55; XV,1, tr. 77: “Nếu chúng ta hiểu cầu nguyện là gì, có lẽ chúng ta sẽ thấy rằng chúng ta không nên cầu nguyện với bất cứ sinh vật nào và thậm chí không nên cầu nguyện với Chúa Kitô”; XVI,1: tr. 81-82; *Chống lại Celsus*, VIII, 13, biên tập. và dịch. M. Borret, s.j., Paris, Cerf, SC 150, 1969, tr. 200-203.

[94] Basile de Césarée, *Về Chúa Thánh Thần*, 25-29.68, SC 17bis, tr. 334-350; P. 488-490.

[95] Ví dụ, Athanase, người sử dụng Vinh tụng ca truyền thống theo cách chống lại Sabellian, và Basile de Césarée, *Sur le Saint-Esprit [Về Chúa Thánh Thần]*, 3.4.16, SC 17bis, tr. 256-260 và trang. 298-300, nhấn mạnh sự khác biệt giữa *oikonomia* (sự trung gian cứu rỗi của Chúa Kitô) và *theologia* (con có tầm quan trọng ngang bằng).

[96] Xem ví dụ *Traditio apostolica* [truyền thống tông đồ]: khi tấn phong giám mục và linh mục, cũng như trong Lời nguyện Thánh Thể, lời tôn vinh cuối cùng là: “nhờ tôi tớ Chúa là Đức Giêsu Kitô, nhờ Người mà vinh quang thuộc về Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần”; Origène, *Bài giảng về Thánh Luca: Bản văn tiếng Latinh và các đoạn văn tiếng Hy Lạp*, XXXVII, 5, phần giới thiệu, bản dịch và chú thích của H. Crouzel, F. Fournier, P. Périchon, Paris, Cerf, SC 87, 1962, tr. 440-441; Grégoire de Nazianze, *Oratio* 19, số. 17, PG 35, cột. 1064: “cùng một vinh quang thần linh, thuộc về Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần”; *Oratio* 17, số. 13, PG 35, cột. 981: “...trong Chúa Giêsu Kitô, Chúa chúng con, Người

được vinh quang, quyền năng, danh dự, và quyền thống trị, cùng với Đức Chúa Cha và Đức Thánh Thần, như đã có và sẽ có, bây giờ và cho đến đời đời."

[97] Basile de Césarée, *Về Chúa Thánh Thần*, XXIX,73, SC 17bis, tr. 511. Ví dụ của Giám mục Léontius thành Antioche cho thấy vấn đề về hình thức của lời tôn vinh có thể trở nên bùng nổ như thế nào trong đời sống của các Giáo hội địa phương: để không bất đồng với những người theo thuyết Arius hoặc những kẻ thù của họ, ngài không còn đọc to những lời tôn vinh nữa, nhưng "người ta chỉ có thể nghe thấy kết luận: 'trong cõi vĩnh hằng'": Théodoret de Cyr, *Hist.* v.v. 2,24,3, SC 501, trang. 446.

[98] Basile de Césarée, *Epistula* 159, 2; tập 125, 3, Courtonne II, tr. 86 s., sau đó là trang 33 s. Xem thêm *Về Chúa Thánh Thần*, VII,16, SC 17bis, tr. 298-301; X,24, trang 332-335; X,26, trang 336-339.

[99] Bản văn trong A. Grillmeier, *Fragmente zur Christologie* [mảnh vỡ Ki-tô học], Fribourg 1997, tr. 365.

[100] Grégoire de Nysse, *Thư từ*, giới thiệu, bản dịch và ghi chú của P. Maraval, Paris, Cerf, SC 363, tr. 283-285.

[101] Cassiodorus, *Expositio psalmorum* [Giải thích Thánh vịnh], proem. Số 17, CCSL 97, tr. 22-23.

[102] Thượng hội đồng Vaison lần thứ 2 (năm 524 Công nguyên), điều luật 5, Mansi 8, cột. 725: "Quia non solum in sede apostolica, sed etiam per totum Orientem et totam Africam vel Italiam propter Haereticorum astutiam, qui Dei filium non semper cum Patre fuisse, sed a tempore coepisse blasphemant, in omnibus clausulis post Gloriam patri, v.v." Sicut erat in principio dicitur; etiam et nos in universis ecclesiis nostris hoc ita dicendum esse decernimus. [Bởi vì không chỉ ở Tòa thánh, mà còn trên khắp phương Đông và toàn bộ Châu Phi hoặc Ý, vì sự xảo quyệt của những kẻ dị giáo, những kẻ nói phạm thượng rằng Con Thiên Chúa không phải lúc nào cũng ở cùng Chúa Cha, nhưng bắt đầu trong thời gian, trong tất cả các câu sau Vinh danh Chúa Cha, v.v. như đã có trước vô cùng"; chúng tôi cũng ra sắc lệnh rằng điều này phải được nói trong tất cả các giáo hội của chúng ta.]»

[103] Sozomen, *Lịch sử Giáo hội*. v.v. 8, 8, 1-3, GCS NF 4, tr. 360s.; Ambroise, *Contra Auxentium sermo de basilicis tradendis* [Chống lại bài giảng của Auxentius về việc từ bỏ các vương cung thánh đường] n° 34, CSEL, 82/3, p. 105.

[104] Chẳng hạn, xem *De Nativitate* [về việc giang sinh] IV, 143-214 và XI. Bản văn *Nativ.* IV, 154-156 rất rõ ràng: "Trong khi Người nằm trên ngực Mẹ / trong ngực Mẹ, mọi loài thọ tạo đều nằm. / Người im lặng như một đứa trẻ và Người vẫn bắt các tạo vật của Người thực hiện mọi mệnh lệnh của Người. / Vì nếu không có Đấng sinh ra đầu tiên, / không ai có thể / tiếp cận được Yếu tính. / Chỉ có Người mới có khả năng làm được điều đó" (biên tập Beck, Louvain 1959, CSCO 186, tr. 39; 187, tr. 34; dịch từ tiếng Pháp F. Cassingena-Trévedy, o.s.b., Paris, Cerf, 2001, SC 459, tr. 103).



[105] *Về Đức tin* LXXVI, 1-3. 7, (biên tập. Beck, Louvain, 1955, CSCO 154, tr. 232-233; 155, tr. 198-199; bản dịch tiếng Anh, J. T. Wikes, *St. Ephrem the Syrian. The Hymns on Faith* [Thánh Ephrem người Syria. Các Thánh Ca về Đức Tin], Washington D.C., CUA Press, 2015, tr. 361-362); *ibid.*, VI, 1-8 (CSCO 154, tr. 24-27; 155, tr. 18-20; Wikes, tr. 90-93).

[106] Xem Các Thánh Ca về Đức Tin, XL và LXXIII.

[107] Các Thánh Ca về Đức Tin, LII, 1-3 (CSCO 154, trang 161-162; CSCO 155, trang 138; Wikes, trang 269).

[108] Ephrem de Nisibe, *Những bài thánh ca chống lại tà giáo. Những bài thánh ca chống lại Julien*, tập I. *Những bài thánh ca chống lại tà giáo* I-XXIX, XXII, 20, Bản văn phê bình CSCO của E. Beck, o.s.b.; phần giới thiệu, bản dịch, ghi chú và mục lục của D. Cerbelaud, o.p., Paris, Cerf, SC 587, 2017, tr. 399. Cần lưu ý rằng, ngay cả khi lời dạy của Thánh Ephrem hoàn toàn phù hợp với nền chính thống Nicée, thì từ vựng và cách diễn đạt lại không giống với từ vựng và cách diễn đạt của Nicée, điều này chắc chắn là do hình thức lời dạy này được lựa chọn một cách có ý thức, mang tính thi ca và không mang tính diễn ngôn. Xem thêm Wikes, trang. 36-39.

[109] Balai (Balaeus), *Gebete*, BKV 26, tr. 92s.; Isaac thành Antioche, bài thơ đầu tiên về Sự Nhập Thể (*S. Isaaci Antiochei Opera omnia* I, ed. G. Bickell, 1873, p. 23).

[110] Prudentius, *Apotheosis*, linea 309-311, CCSL 126, tr. 87.

[111] Xem Irénée, thường được Henri de Lubac trích dẫn: “Omnem novitatem attulit, semetipsum afferens [Người mang theo tất cả sự mới mẻ, mang theo cả chính mình]”, Irénée de Lyon, *Contre les hérésies*, IV,34,1, ed. A. Rousseau, tập II, SC 100, Paris, Cerf, 1965, tr. 846-847; xem thêm Đức Phanxicô, *Niềm Vui Tin Mừng*, 2013, số 1. 11.

[112] Về sự phân biệt này, xem Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, I, số. 2-5 và II, n. 7-8.

[113] “Chúng ta không thể biết Thiên Chúa nếu không có sự giúp đỡ của Thiên Chúa,” Irénée thành Lyons, *Contre les Hérésies*, IV,5,1, tập II, SC 100, tr. 426-427.

[114] “Nếu chúng ta nhận lời chứng của loài người, thì lời chứng của Thiên Chúa còn cao cả hơn, vì đây là lời chứng của Thiên Chúa, rằng Người đã làm chứng về Con của Người. “Bất cứ ai tin vào Con Thiên Chúa thì có lời chứng trong mình” (1 Ga 5:9).

[115] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, I, số 2.

[116] J. Ratzinger, *Gesammelte Schriften* [bài viết sưu tầm], Band VI/1, 408f, Herausgeber: Gerhard Ludwig Müller, Freiburg im Breisgau, Herder Verlag, 2014; J. Ratzinger/Benedict XVI, *Chúa Giêsu thành Nazareth*, 1. Từ phép rửa ở sông Jordan đến biến hình, Paris, Flammarion, 2007, tr. 377-378.

[117] Xem Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, I, số 2; so sánh 2 Pr. 1:4.

[118] Xem Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, II-II, q.25, a.1, Resp.

[119] Thánh Phao-lô nhấn mạnh rằng Chúa Ki-tô đưa chúng ta vào chính tư tưởng của Thiên Chúa, vì ngài trích dẫn Isaia 40:13: “Ai đã biết tâm trí của Chúa (Bản Bảy Mươi: *noun Kuriou*; tiếng Do Thái: *ruah Adonai*) để chỉ dạy Người? Vậy mà chúng ta có tâm trí của Chúa Ki-tô” (so sánh thêm Rô-ma 11:34). Xem M. Quesnel, *Thư thứ nhất gửi tín hữu Cô-rinh-tô, Bình luận Kinh thánh: Tân Ước*, Cerf, 2018, tr. 88-92.

[120] Đức Phanxicô, *Thông điệp Ánh sáng đức tin*, 2013, n. 18.

[121] *Ibid.*, số. 27, trích dẫn Thánh Grégoire Cả, *Homiliae in Evangelia* [các bài giảng lễ về Tin Mừng], II, 27, 4: PL 76, 1207.

[122] Xem Đức Phanxicô, *Bài phát biểu tại Naples nhân hội nghị “Thần học sau Niềm vui Chân lý trong bối cảnh Địa Trung Hải”*, ngày 21 tháng 6 năm 2019, tr. 9.

[123] “Qua sự hùng vĩ và vẻ đẹp của các thụ tạo, người ta có thể chiêm ngưỡng, bằng loại suy, Tác giả của chúng” (Kn 13:5). Xem *Sancti Thomae de Aquino Scriptum super Sententiis* [sách Các Mệnh đề của Thánh Thomas Aquinas] liber I, q. 1, a. 2, ad 2, gọi lên “*analogia creaturae ad Creatorem* [loại suy tạo vật đến với đấng tạo dựng]”.

[124] Xem M. Lochbrunner, *Analogia Caritatis. Darstellung und Deutung der Theologie Hans Urs von Balthasars* [Loại suy đức ái. Trình bày và diễn giải thần học của Hans Urs von Balthasar], Freiburg im Brisgau – Basel – Wien, Herder, coll. “Freiburger Theologische Studien”, số 120, 1981, tr. 62 và trang. 292-293. Xem thêm Ủy ban Thần học Quốc tế (ITC), *Thần học, Kitô học và Nhân học*, 1981, D, số 1: “Lời loan báo với Chúa Giêsu Kitô, Con Thiên Chúa, là đối tượng của nó, tự thể hiện dưới dấu hiệu Kinh thánh là cho bạn. Đây là lý do tại sao toàn bộ Kitô học phải được xử lý theo quan điểm cứu thế học. Do đó, theo một nghĩa nào đó, đúng là các tác giả hiện đại đã cố gắng phát triển một Kitô học “chức năng”. Nhưng, ngược lại, cũng phải cho rằng “sự hiện hữu vì người khác” của Chúa Giêsu Kitô không thể tách rời khỏi mối quan hệ của Người với Chúa Cha hoặc khỏi sự hiệp thông mật thiết của Người với Người và do đó, nó nhất thiết phải dựa trên mối quan hệ con cái vĩnh cửu của Người. Sự hiện hữu trước của Chúa Giêsu Kitô, qua đó Thiên Chúa truyền đạt chính mình cho con người, giả định sự hiện hữu trước của Người. »

[125] Đây là lý do tại sao Thánh Thomas Aquinas nhấn mạnh rằng Adam đã được ban cho ân sủng khi được tạo dựng, nếu không có ân sủng này, ông sẽ không thể thực hiện được ơn gọi làm người của mình. Xem siêu phẩm *Sancti Thomae de Aquino Scriptum Sententiis liber II*, d.29, q.1, a.2; d.30, câu 1, câu 1; *Summa Theologica*, I, q.95, a.1; I-II, câu 109, câu 5.

[126] J. Ratzinger/Benedict XVI, *Họ sẽ nhìn vào Đấng họ đã đâm, Những đóng góp cho một nền Kitô học tâm linh*, được dịch từ tiếng Đức bởi R. Kremer và M.L. Wilverth-Guitard,

Paris, Éd. Salvator, 2006, tr. 29 (JRGS VI/2, trang 701).

[127] *Sđđ*, tr. 30-31 (JRGS VI/2, trang 702).

[128] “Thật, thật, Ta bảo các ngươi: Con không thể tự mình làm bất cứ điều gì, ngoại trừ điều Người thầy Chúa Cha làm. Bất cứ điều gì Chúa Cha làm, thì Con cũng làm. Vì Chúa Cha yêu Chúa Con và cho Người thầy mọi điều Người làm. Người sẽ cho Người thầy những việc lớn hơn nữa, khiến các ngươi phải kinh ngạc” (Ga 5:18-20); “Đây là điều anh em đã nghe từ lúc khởi đầu: Chúng ta hãy yêu thương nhau” (1 Ga 3:11).

[129] J. Ratzinger/Benedict XVI, *Họ sẽ nhìn vào Đấng họ đã đâm*, tr. 38 (JRGS VI/2, trang 707).

[130] Xem Đức Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in veritate*, 2009, số 1. 33.

[131] P. Florensky, *Cột trụ và nền tảng của chân lý*, L'Âge d'Homme, Lausanne, 1975, tr. 42 (bản dịch đã sửa đổi). Khi Florensky nói về "định nghĩa của Giáo hội" thay vì định chế tôn giáo, ông muốn nói đến mầu nhiệm Giáo hội trong tất cả chiều sâu huyền nhiệm và thần học của nó.

[132] “Τοῦ Θεοῦ Λόγον ἀρνούμενοι, εἰκότως καὶ λόγον παντός εἰσιν ἔρημοι”, Athanase, *Il credo di Nicea*, I, 2,1, trans. E. Cattaneo, Roma, Città Nuova, 2001 (xem PG 25, 425 D-428 A); dịch trích dẫn P. 57. Xem thêm Athanase, *De decretis Nicaenae synodi*, trong L. Dincă, *Le Christ et la Trinité chez Athanase d'Alexandrie* [Chúa Ki-tô và Chúa Ba Ngôi nơi Thánh Anathase thành Alexandrie], p. 334-380.

[133] Xem Augustine, *Confessions*, III, vi, 11, CCL 27, tr. 33; Thomas Aquinas, *Summa Theologica*, I, q.104, a.1, Resp.

[134] Xem §§ 32 đến 37 ở trên.

[135] Xem CTI, *Thần học, Kitô học và Nhân học*, 1982, C.

[136] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng*, 2013, III, số 1. 115.

[137] “Bản chất của con người là thực sự và hoàn toàn đạt được nhân tính chỉ thông qua văn hóa, nghĩa là bằng cách vun trồng những điều tốt lành và giá trị của thiên nhiên,” *Gaudium et Spes*, II, ch. II, Số 53, § 1.

[138] Đức Phanxicô, Tông huấn *Niềm Vui Tin Mừng*, 2013, III, n. 115. Xem thêm ví dụ, idem, *Thư về vai trò của văn học trong quá trình hình thành*, ngày 17 tháng 7 năm 2024; *Thư về việc đổi mới việc nghiên cứu lịch sử Giáo hội*, ngày 21 tháng 11 năm 2024.

[139] Đức Phanxicô, Tông huấn *Veritatis Gaudium*, 2017, số 1. 2, được lấy cảm hứng từ Tông Huấn của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, *Evangelii Nuntiandi*, 1975, 19.

[140] Công đồng chung Vatican II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, II, số 14. 11.

[141] Ví dụ, *Egò eimi* của Tin mừng thứ tư, hoặc thuật ngữ của Híp-ri 1:3 hoặc 2 Phê-rô 1:4.

[142] “Khi Giáo hội tiếp xúc với các nền văn hóa lớn mà trước đây chưa từng gặp, Giáo hội không thể bỏ lại đằng sau những gì đã đạt được thông qua quá trình hội nhập văn hóa trong tư tưởng Hy Lạp-La Mã. Từ chối một di sản như vậy sẽ đi ngược lại kế hoạch quan phòng của Thiên Chúa, Đấng dẫn dắt Giáo hội của Người trên các con đường của thời gian và lịch sử,” Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp Đức tin và Lý trí, 1998, VI, số 72.

[143] *Ibid.*, VI, số 71.

[144] Xem chủ đề “thần học lắng nghe” như một phương thuốc giải độc cho “hội chứng Babel”, Đức Phanxicô, *Diễn văn tại Naples nhân dịp hội nghị “Thần học sau Veritatis Gaudium trong bối cảnh Địa Trung Hải”*, ngày 21 tháng 6 năm 2019, tr. 4-5.

[145] Sự thanh lọc và biến đổi các nền văn hóa này là điều cho phép chúng ta tránh được nguy cơ của chủ nghĩa tương đối, được nhấn mạnh bởi Bộ Giáo lý Đức tin, *Dominus Iesus*, 2000, số 4.

[146] “Cuộc gặp gỡ của đức tin với các nền văn hóa khác nhau thực sự đã tạo ra một thực tại mới”, Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Đức tin và Lý trí*, 1998, VI, số 1. 70. Về việc duy trì bản sắc văn hóa, xem *ibid.*, số. 71.

[147] *Gửi Diognetus*, V,1-4, trong B. Pouderon, J.-M. Salamito, V. Zarini, *Những tác phẩm Kitô giáo đầu tiên*, tr. 813.

[148] “Sẽ xảy ra trong tương lai, núi của nhà Chúa sẽ được thiết lập trên đỉnh các núi và sẽ thống trị các ngọn đồi. Mọi dân tộc sẽ tụ họp ở đó. Nhiều dân tộc sẽ đến và nói, “Hãy đến, chúng ta hãy lên núi của Chúa, đến nhà của Thiên Chúa của Gia-cóp. [...] Từ Zion mà ra Luật pháp, và lời Chúa từ Jerusalem. [...] Nước này sẽ không còn vung kiếm đánh nước kia nữa, cũng không còn học chiến tranh nữa.” (Is 2:2-4; x. Mk 4:1-4); “Nhà Ta sẽ được gọi là nhà cầu nguyện cho muôn dân” (Is 56:7; x. Dcr 14:16).

[149] Thật đáng chú ý khi lưu ý cách Thánh Phaolô, lúc công bố Tin Mừng sau Lễ Ngũ Tuần, cử hành sự hiệp nhất của gia đình nhân loại tại Areopagus: “Từ một người, Người đã tạo ra mọi dân tộc để cư ngụ trên khắp mặt đất, xác định các mùa trong lịch sử của họ và ranh giới nơi cư trú của họ” (Cv 17:26).

[150] Xem Đức Gioan Phaolô II, Thông điệp *Đức tin và Lý trí* (1998), VII, số 15. 95-96.

[151] Xem Alexandre d’Alexandrie, *Thư gửi Alexander xứ Byzantium*, 5 (FNS 8.5; Urkunde 14; Dokumente, 17, trang 46-55)

[152] Xem CTI, *Tính đồng nghị trong đời sống và sứ mệnh của Giáo hội*, 2018, I, số 19.

[153] Cyprien, *Epistula* 14, 4 (CSEL III, 2, tr. 512). Diễn biến này về Ignace thành Antioche và Cyprien thành Carthage bám sát tài liệu CTI, *Synodality*, I, số 25, nên tham khảo để biết thêm chi tiết.

[154] CTI, *Tính đồng nghị*, I, số 28.

[155] Xem J. A. Brundage, *Luật Giáo hội thời Trung cổ*, London-New York, Longman, 1995, tr. 5.

[156] Về nguyên tắc, một công đồng được “điều hành theo nguyên tắc đồng thuận và hòa hợp (harmonia) được thể hiện qua việc đồng tế Thánh Thể, như được ngụ ý trong lời tôn vinh cuối cùng của Giáo luật Tông đồ, số 34,” Ủy ban Đối thoại Thần học Quốc tế giữa Giáo Hội Công Giáo và Giáo hội Chính thống, Tài liệu Ravenna: *Hậu quả về Giáo hội học và Giáo luật của Bản chất Bí tích của Giáo hội, Hiệp thông Giáo hội, Tính công đồng và Quyền bính*, 2007, số 1. 26; “Giáo hội [tự biểu lộ] mình là Công Giáo trong sự hiệp thông của Giáo hội địa phương” (ibid., số 22).

[157] Xem Công đồng chung Vatican II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium*, I, số 10; CTI, *Tính đồng nghị*, II, số. 47.

[158] CTI, *Tính đồng nghị*, II, số 29.

[159] Rousselot cho rằng một số thủ tục tìm kiếm của Thánh Thomas tương ứng với “ưu tiên và tính ưu tiên có đi có lại” của hai nguyên tắc không thể tách rời được sắp xếp theo thứ tự liên quan đến nguyên tắc kia (P. Rousselot s.j., “Les Yeux de la foi [năm Đức tin]”, *RSR*, 1910, tr. 448).

[160] Xem Augustine thành Hippo: “Crede ut intelligas [bạn hãy tin để hiểu]”, *Sermo* 43, 7 và 9 (CCSL 41, Pars XI,1, *Sermones de Vetere Testamento* [các bài giảng về CU], trang 511 và 512); Anselm: “Credo ut intelligam [tôi tin để tôi hiểu],” *Proslogion*, 1.100, trong Anselm thành Canterbury, *Monologion* (độc thoại); *Proslogion* (diễn ngôn), lời giới thiệu, bản dịch và ghi chú của M. Corbin,...; [Bản văn tiếng Latin do Dom F. Schmitt thiết lập] Paris, Cerf, 1986, tr. 242-243.

[161] “Chẳng phải người ta mong muốn chính đáng khi giao cho chính Công đồng [Vatican II] một mục tiêu mục vụ tương đương với việc đưa sứ điệp Kitô giáo vào sự lưu thông của tư tưởng, diễn đạt, văn hóa, phong tục, khuynh hướng của nhân loại đang sống và chuyển động ngày nay trên mặt đất sao? », Phaolô VI, Thông điệp *Ecclesiam suam*, 1964, III, số 70.

[162] Xem Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, II, số 7-8.

[163] Xem *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1992, số. 156, liên quan đến hiến chế tín lý *Dei Filius* của Công đồng Vatican I, chương 3 (DS, 3008).

[164] "Hoc autem testimonium vel est hominis tantum: et istud non facit virtutem fidei, quia homo et fallere et falli potest. Vel istud testimonium est ex iudicio divino: et istud

verissimum et Firmissimum est, quia est ab ipsa veritate, quae nec fallere, nec falli potest. Et ideo dicit, ad Deum, ut scilicet assentiat his quae Deus dicit [Nhưng lời chứng này hoặc chỉ mang tính chất của con người: và điều đó không cấu thành nên đức tin, vì con người có thể lừa dối và bị lừa dối. Hoặc lời chứng này đến từ sự phán xét của Chúa: và đây là lời chứng chân thực và vững chắc nhất, vì nó đến từ chính sự thật, không thể lừa dối và cũng không thể bị lừa dối. Và do đó, ông nói với Chúa, cụ thể là, ông có thể chấp nhận những gì Chúa nói].” (*Sancti Thomae de Aquino Super Epistolam B. Pauli ad Hebraeos lectura* [rep. vulgata], cap. 6, l. 1).

[165] Thuật ngữ thường được sử dụng là “tử hệ [filiation]”, nhưng ở đây là vấn đề nhấn mạnh đến sự khởi đầu của tử hệ, chuyển động mà qua đó một người trở thành con trai và con gái của Thiên Chúa.

[166] “Để khám phá ra ý định của những người viết tiểu sử thánh, trong số những thứ khác, người ta cũng phải xem xét “thể loại văn học”. Vì chân lý được đề xuất và diễn đạt theo những cách rất khác nhau trong các bản văn có tính lịch sử, tiên tri, thi ca, hoặc thậm chí trong các thể loại diễn đạt khác. [...] Tuy nhiên, Thánh Kinh phải được đọc và giải thích dưới ánh sáng của cùng một Thần Khí đã khiến nó được viết ra,” Công đồng chung Vatican II, Hiến chế tín lý, *Dei Verbum*, III, số 1. 12.

[167] “Một nhiệm cục Mặc khải như vậy bao gồm các hành động và lời nói (*gestis verbisque*) liên kết chặt chẽ với nhau, để các công trình do Thiên Chúa thực hiện trong lịch sử cứu rỗi chứng thực và xác nhận cả giáo lý và ý nghĩa được chỉ ra bởi các lời nói, trong khi các lời nói công bố các công trình và làm sáng tỏ mâu nhiệm mà chúng chứa đựng,” *Dei Verbum*, I, số 10. 1.

[168] Benedict XVI, *Verbum Domini*, Tông huấn về Lời Chúa trong đời sống và sứ mệnh của Giáo hội, 2010, số 1. 55.

[169] “Mâu nhiệm của Giáo hội, thậm chí còn sâu sắc hơn nếu có thể, “khó tin” hơn Mâu nhiệm Chúa Kitô, vì mâu nhiệm sau vốn đã khó tin hơn Mâu nhiệm của Thiên Chúa,” trong H. de Lubac, *Công Giáo. Các khía cạnh xã hội của Tín điều* (1938), trong *Toàn tập VII*, biên tập. M. Sales, s.j. – M.-B. Mesnet, 2003, trang. 48-49.

[170] Công đồng Vatican II, Sắc lệnh *Unitatis redintegratio*, II, 11.

[171] Xem bản văn tham khảo *L'interpretazione dei dogmi* (1990), II, 3, § 3, trong Commissione Teologica Internazionale, Documenti 1969-2004, ấn bản thứ hai riveduta e corretta, prefazione Card. W.J. Levada; dẫn nhập L. Ladaria, SJ, Bologna, Edizioni Studio Domenicano, 2010, tr. 403; xem thêm Công đồng chung Vatican I, Hiến chế Tín lý *Dei Filius*, IV (*DH*, 3016).

[172] Người ta có thể nghĩ đến ý tưởng “đàm đạo trong Chúa Thánh Thần”, cf. Đức Phanxicô, “Diễn văn khai mạc Phiên họp XVI của Thượng Hội đồng Giám mục,” ngày 4 tháng 10 năm 2023: “Giáo hội, một sự hòa hợp duy nhất của nhiều tiếng nói, với nhiều tiếng nói, được Chúa Thánh Thần mang đến: đây là cách chúng ta phải hiểu về Giáo hội. »

[173] Xem CTI, *Tính đồng nghị*, I, các số 19-21.

[174] Xem CTI, “*Cảm thức đức tin*” trong đời sống Giáo hội, 2014, III, số 67-86.

[175] Xem Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, II, số 10.

[176] CTI, “*Cảm thức đức tin*” trong đời sống Giáo hội, 2014, III, số 77.

[177] Công đồng chung Vatican II, Sắc lệnh *Ad Gentes*, III, số 15.

[178] “Toàn bộ đức tin của tôi nằm trong dấu thánh giá tầm thường nhất của tôi, và khi tôi đọc “Lạy Cha chúng con”, tôi đã bao gồm tất cả những gì mà kiến thức về chúng chỉ được trao cho tôi trong Mặc khải vinh quang”: Y. Congar, *La Tradition et les traditions. Essai théologique* [Truyền thống và các truyền thống. Tiểu luận thần học], Paris, Fayard, ấn bản lần thứ 1, 1963, tập 2, trang 185.

[179] CTI, *Thần học ngày nay: Quan điểm, Nguyên tắc và Tiêu chuẩn* (2012), số 33: “Chủ thể của đức tin là toàn thể dân Chúa, những người, trong quyền năng của Thánh Thần, tuyên xưng Lời Chúa. Đây là lý do tại sao Công đồng tuyên bố rằng toàn thể dân Chúa tham gia vào chức vụ tiên tri của Chúa Giêsu, và rằng, sau khi nhận được sự xúc dầu của Chúa Thánh Thần (1 Gioan 2:20, 27), họ “không thể sai lầm trong đức tin.”

[180] Tertullien, *Liber de praescriptionibus adversus haereticos* [Sách về các sắc lệnh chống lạc giáo], XX, 8-9, phần giới thiệu, bản văn phê bình và ghi chú của R. F. Refoulé, o.p., bản dịch của P. de Labriolle, Paris, Cerf, SC 46, p. 113-114.

[181] Công đồng chung Vatican II, Hiến chế Tín lý *Lumen Gentium*, II, số 12.

[182] *Ibid.*, III, số 24 trong bản gốc, và số 25.

[183] “Khái niệm tuyên truyền chính trị-tôn giáo này đã được Giáo hội áp dụng trong quá trình mở rộng của mình tại Đế quốc La Mã. Giáo hội không vui với quan niệm thần học ngoại giáo trong đó quốc vương thần thánh trị vì, nhưng trong đó, các vị thần dân tộc cai trị. Để đáp lại thần học ngoại giáo được điều chỉnh theo Đế quốc La Mã này, các Ki-tô hữu sau đó khẳng định rằng các vị thần dân tộc không thể trị vì, vì tính đa nguyên dân tộc đã bị bãi bỏ. [...] Tuyên bố của Ki-tô giáo về một Thiên Chúa ba ngôi vượt ra ngoài Do Thái giáo hay ngoại giáo, vì mâu nhiệm Chúa Ba Ngôi tồn tại trong chính thần tính, không phải trong tạo vật của nó. Điều tương tự cũng đúng với hòa bình, điều mà các Ki-tô hữu tìm kiếm, không được bắt cứ hoàng đế nào bảo đảm, mà chỉ có thể là một ơn phúc từ Đấng vượt trên mọi lý trí,” trong E. Peterson, *Der Monotheismus als politisches Problem. Ein Beitrag zur Geschichte der politischen Theologie im Imperium Romanum* [Độc thần giáo như một vấn đề chính trị. Một đóng góp cho lịch sử thần học chính trị ở Đế quốc La Mã], Leipzig, 1935, tr. 104 s.

[184] CTI, “*Cảm thức đức tin*” trong đời sống Giáo hội, 2014: ở số 26, về Newman và tiêu chuẩn *sensus fidei fidelium* [cảm thức đức tin của các tín hữu] chống lại sự bất đồng của các

giám mục vào thế kỷ thứ 4; tại số 34, về thiết kế được đổi mới vào thế kỷ 19 về tính chất chủ động chứ không chỉ thụ động của *sensus fidei fidelium*; tại số 113 và số 118, về mối quan hệ giữa cảm thức đức tin và dư luận đại chúng, trong và ngoài Giáo hội.

[185] Đức Phanxicô, Tông huấn *Veritatis Gaudium*, 2017, số 1. 3.

[186] Thư 90 “Gửi Natalia Dmitrievna Fonvizina, cuối tháng 1-tháng 2 năm 1854, Omsk”, trong F. Dostoevsky, *Thư từ*. Phiên bản đầy đủ, được trình bày và chú thích bởi J. Catteau. Được dịch từ tiếng Nga bởi Anne Coldefy-Faucard. Tập 1, 1998, tr. 341.

[187] “[Người nghèo] có nhiều điều để dạy chúng ta. Ngoài việc tham gia vào *sensus fidei*, qua những đau khổ của chính họ, họ biết đến Chúa Kitô chịu đau khổ. Điều cần thiết là tất cả chúng ta để cho mình được họ truyền giáo. Việc truyền giáo mới là lời mời gọi nhận ra sức mạnh cứu rỗi của sự hiện hữu của họ, và đặt họ vào trung tâm hành trình của Giáo hội. Chúng ta được kêu gọi khám phá Chúa Kitô nơi họ, để lên tiếng cho các mục đích của họ, nhưng cũng là bạn của họ, lắng nghe họ, hiểu họ và chào đón sự khôn ngoan huyền nhiệm mà Thiên Chúa muốn truyền đạt cho chúng ta thông qua họ,” Đức Phanxicô, Tông huấn *Evangelii Gaudium*, 2013, III, n. 198.

[188] Xem *Sách Giáo lý của Giáo Hội Công Giáo*, 1992, số. 540: “Đức Kitô đã chiến thắng Kẻ Cám Dỗ vì chúng ta.” Xem thêm số. 394, số 677.

[189] “Được lời Chúa và gương mẫu của Chúa Kitô chỉ dạy (*Christi verbo et exemplo edocti*), các Tông đồ đã đi theo cùng một con đường. Vào buổi đầu của Giáo hội, không phải bằng vũ lực hay bằng những kỹ năng không xứng đáng với Tin mừng mà các môn đệ của Chúa Kitô đã tìm cách đưa mọi người đến tuyên xưng Chúa Kitô là Chúa, nhưng trên hết là bằng quyền năng của Lời Chúa. Với lòng can đảm, họ đã công bố với mọi người kế hoạch của Thiên Chúa Cứu Thế “Đấng muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý” (1 Tm 2:4); nhưng đồng thời, đối với những người yếu đuối, ngay cả những người sống trong sai lầm, thái độ của họ là thái độ tôn trọng, do đó cho thấy “mỗi người chúng ta sẽ phải trả lời về chính mình với Thiên Chúa” (1 Tm 2:4).” (Rm 14:12), và, mặc dù vậy, vẫn phải tuân theo lương tâm của chính mình. Giống như Chúa Kitô, các Tông đồ luôn nỗ lực làm chứng cho chân lý của Thiên Chúa, mạnh dạn công bố lời Chúa một cách can đảm (Cv 4:31) trước dân chúng và những người lãnh đạo của họ,” Công đồng Chung Vatican II, Tuyên bố về Tự do Tôn giáo *Dignitatis Humanae*, II, số 11.

[190] Đức Phanxicô, Thông điệp *Dilexit nos*, 2024, V, số 214.